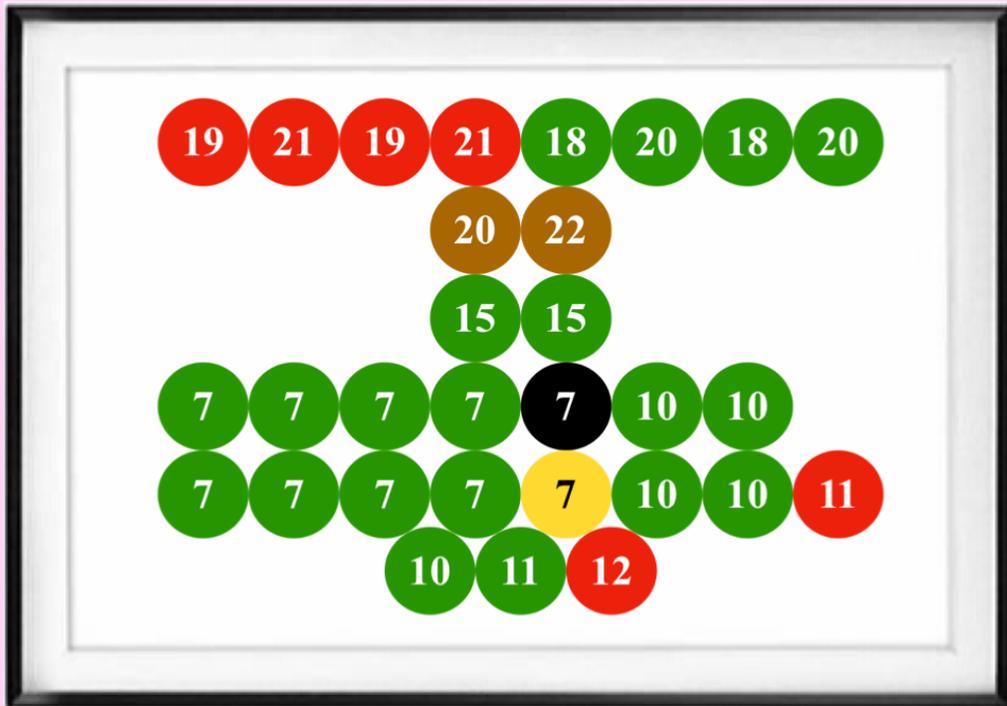


THERAVADĀ



GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP V

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyễn Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahán cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học này hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh sau chuyến đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã về lại Việt Nam và tập trung giảng dạy liên tục nhiều tháng liền tại Thiên Viện Phước

Sơn trong mùa COVID, và quyển **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này do nhân duyên đó đã ra đời.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyễn Như kính bút
Tháng Sáu 2023 Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này,

Chúng con thành kính tri ân cô Tu nữ An Nhiên và quý cô Tu nữ đã gửi bài đánh máy đến chúng con. Chúng con kính tri ân Tina Nguyễn đã phụ với chúng con dò lại từng chi pháp và lỗi chính tả cũng như quý bạn đạo đã hết lòng ủng hộ tinh thần cũng như khuyến khích và nâng đỡ chúng con trong quá trình hoàn thành bộ sách.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bạc Chánh Đẳng Giác.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Hồi hương,

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc, trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đồng đều nhau cả thảy.

Những việc thiện lành do chúng con làm nơi đây tuy kẻ nhiều người ít, kẻ trước người sau, song về phần phước thiện thanh cao, tất cả chúng con nói chung, mỗi người

trong chúng con nói riêng phước thiện đồng đều nhau cả thảy.

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

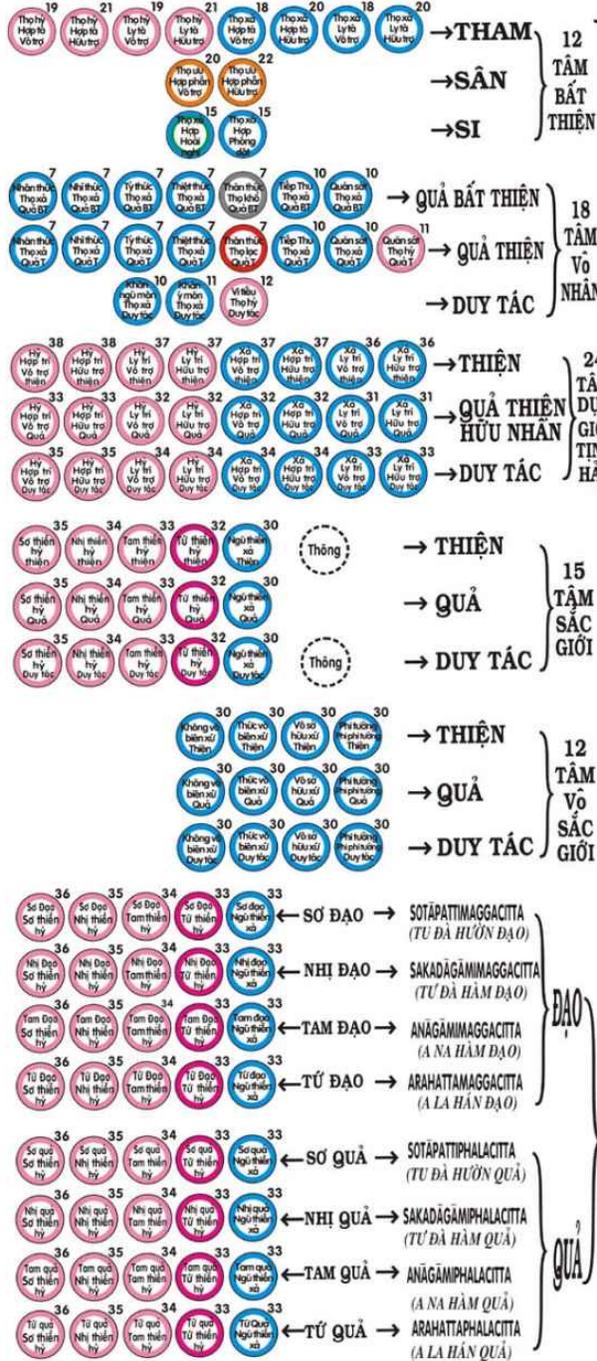
SÁCH THAM KHẢO

- * Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
- * Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
- * Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
- * A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
- * A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

ABHIDHAMMA



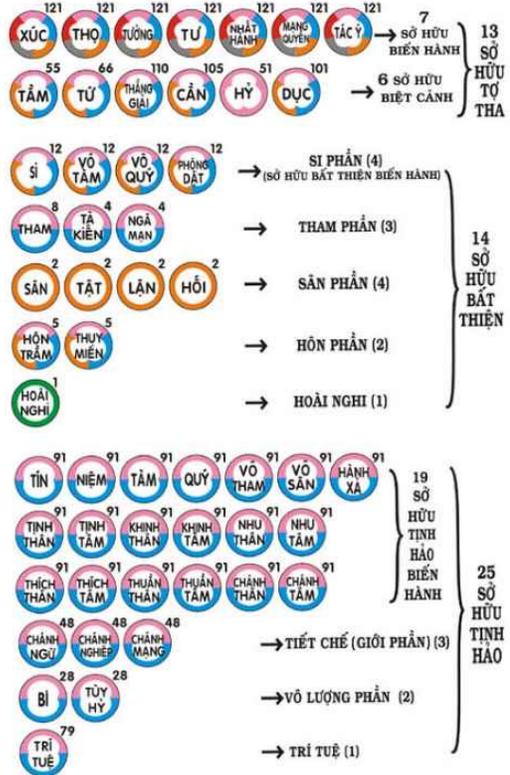
CITTA - TÂM VƯƠNG



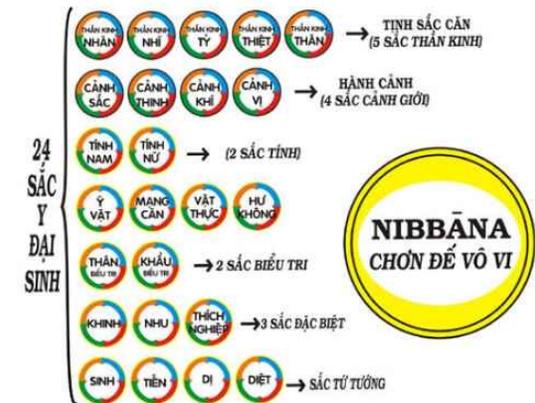
NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH



CETASIKA-TÂM SỞ



RŪPA SẮC = 28 { 12 SẮC THỔ + 16 SẮC TỀ }

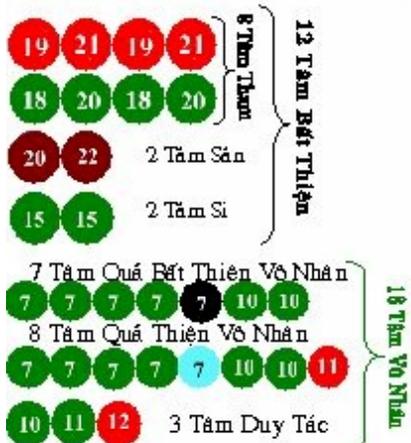


ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH



Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)

Tâm (Tâm Vương)



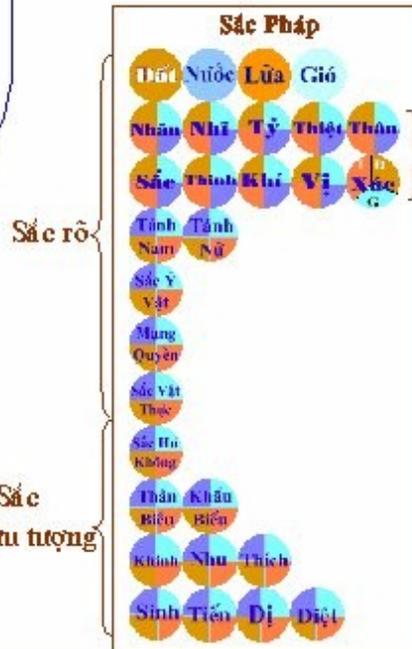
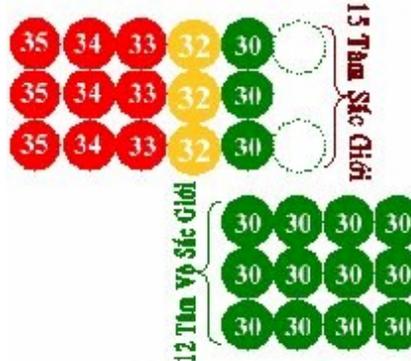
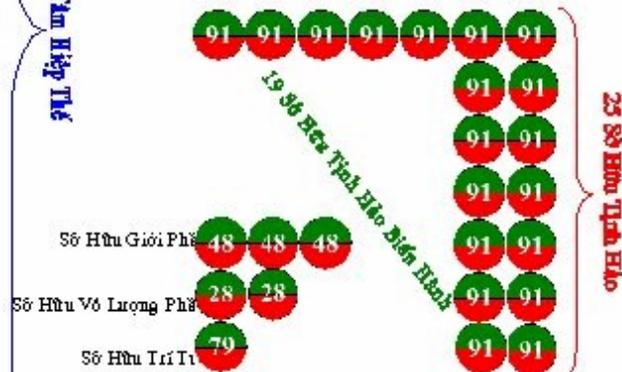
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)



54 Tâm Dục Giới



81 Tâm Hiệp Thể



Sắc rờ

Sắc Triêu tượng

Sắc thô



CHƯƠNG I (BÀI 47)



LỘ TRÌNH TÂM

I. Định nghĩa:

Lộ trình tâm là đường lối sanh diệt của tâm ngang qua các căn môn. Tùy theo những trường hợp sanh khởi nên có lộ trình tâm dài, ngắn, lớn, nhỏ khác nhau.

Nói cách khác lộ trình tâm là nói đến tiến trình sanh khởi, diễn biến của tư tưởng.

Lộ trình tâm được chia làm 2: lộ ngũ môn và lộ ý môn.

1. Lộ ngũ môn có 2: lộ ngũ môn bình nhật và lộ ngũ môn cận tử.

a. Lộ ngũ môn bình nhật được chia làm 4:

- Lộ ngũ môn cảnh rất lớn
- Lộ ngũ môn cảnh lớn
- Lộ ngũ môn cảnh nhỏ
- Lộ ngũ môn cảnh rất nhỏ

b. Lộ ngũ môn cận tử được chia làm 2:

- Lộ ngũ môn cận tử chót mót (thập di)
- Lộ ngũ môn cận tử chót đồng lực (thực)

2. Lộ ý môn có 2: lộ ý môn thông thường và lộ ý môn đặt biệt

a. Lộ ý môn thông thường được chia làm 2: lộ ý môn bình nhật và lộ ý môn cận tử.

- Lộ ý môn bình nhật được chia làm 4:
 - Lộ ý môn bình nhật cảnh rất rõ
 - Lộ ý môn bình nhật cảnh rõ
 - Lộ ý môn bình nhật cảnh không rõ
 - Lộ ý môn bình nhật cảnh rất không rõ
- Lộ ý môn cận tử được chia làm 2:
 - Lộ ý môn cận tử còn tục sinh
 - Lộ ý môn cận tử niết bàn (không còn tục sinh)

b. Lộ ý môn đặt biệt được chia làm các lộ tâm như sau

- Lộ đặc thiên
- Lộ đặc đạo

- Lô nhập thiên
- Lô hiện thông
- Lô nhập thiên quả
- Lô nhập thiên diệt
- Lô niết bàn liên thiên
- Lô phản khán chi thiên

I. LỘ NGŨ MÔN

1. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT LỚN



■ Ghi chú:

H: hộ kiếp

V: hộ kiếp vừa qua

R: hộ kiếp rúng động

D: hộ kiếp dứt dòng

K: khán ngũ môn

5: ngũ song thức

T: tiếp thủ

Q: quan sát

P: Phân đoán (khán ý môn)

C: thực (đồng lực/đồng tốc)

M: mót (thập di)

- Lộ trình tâm này có 7 chặng:

- Chặng 1: K (khán ngũ môn): 1 cái, 1 thứ (khán ngũ môn)
- Chặng 2: 5 (ngũ song thức): 1 cái, 10 thứ (ngũ song thức)
- Chặng 3: T (tiếp thủ): 1 cái, 2 thứ (2 tâm tiếp thủ)
- Chặng 4: Q (quan sát): 1 cái, 3 thứ (3 tâm quan sát thọ xả và hỷ).
- Chặng 5: P (phân đoán): 1 cái, 1 thứ (khán ý môn)
- Chặng 6: C (thực/đồng lực/đồng tốc): 7 cái, 29 thứ đồng lực dục giới (12 bất thiện, ứng cúng vi tiêu, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH)
- Chặng 7: M (mót/thập di): 2 cái, 11 thứ (8 tâm quả DGTH, 3 tâm quan sát)

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng
 - 4 người phạm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
 - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới
 - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
 - 1 cõi người
 - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

2. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH LỚN

Lộ ngũ môn bình nhật cảnh lớn là dòng tâm thức được diễn tiến có đầy đủ 7 sát na tâm thức (đồng lực) nhưng chỉ khác là khởi đầu lộ trình tâm này

có tới 2 hoặc 3 hộ kiếp vừa qua và phần cuối lộ trình tâm này không có tâm mót (thập di).



- Lộ trình tâm này có 16 cái (trừ 2 hộ kiếp vì là hộ kiếp cảnh chưa tới nên không tính) gồm 6 chặng:
 - Chặng 1: K (khán ngũ môn)
 - Chặng 2: 5 (ngũ song thức)
 - Chặng 3: T (tiếp thân)
 - Chặng 4: Q (quan sát)
 - Chặng 5: P (phân đoán)
 - Chặng 6: C (thực/đồng lực/đồng tốc)

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng
 - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
 - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới
 - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
 - 1 cõi người
 - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại).

3. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH NHỎ

Là dòng tâm thức chỉ khởi lên đến sát na phân đoán rồi chuyển qua hộ kiếp chứ không có tâm thực (đồng lực). Những lộ trình tâm này không có khả năng tạo nghiệp vì không được rõ ràng nên tâm thực (đồng lực) không thể sanh khởi.

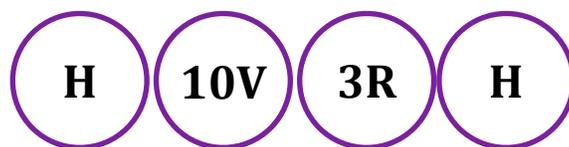


- Lộ trình tâm này có 5 chặng:
 - Chặng 1: K (khán ngũ môn)
 - Chặng 2: 5 (ngũ song thức)
 - Chặng 3: T (tiếp thân)
 - Chặng 4: Q (quan sát)
 - Chặng 5: P (phân đoán)

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng
 - 4 người phàm (khô, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
 - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 26 cõi ngũ uẩn.
 - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
 - 1 cõi người
 - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)
 - 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng)

4. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT NHỎ



Là dòng tâm thức diễn tiến của tâm thức hoàn toàn là tâm chủ quan (tâm hộ kiếp) chứ không có

tâm khách quan (những loại tâm khác ngoài tâm hộ kiếp)

5. LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ

Là dòng tâm thức diễn tiến qua 5 môn của lộ tâm cuối cùng của một đời sống chúng sanh phàm phu và 3 quả hữu học.



- Trong lộ ngũ môn cận tử này có 45 thứ tâm dục giới (trừ 8 tâm duy tác DGTH và tâm ứng cúng vi tiểu)
- **12 hạng người:** có trong 7 hạng
 - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
 - 3 người quả hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả)
- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới.

- 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
- 1 cõi người
- 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

II. LỘ Ý MÔN

A. LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG

1. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT RÕ

Là dòng tâm thức diễn tiến tự nội tâm bắt cảnh pháp, không do đối tượng bên ngoài. Cảnh hiện bày đến lộ ý có cả chơn đế và tục đế thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại thời.



■ Ghi chú:

H: hộ kiếp

V: hộ kiếp vừa qua

R: hộ kiếp rúng động

D: hộ kiếp dứt dòng

K: khán ý môn

C: thực (đồng lực/đồng tốc)

M: mót (thập di)

- Lộ trình tâm này có 3 chặng:

○ Chặng 1: K (khán ý môn)

○ Chặng 2: C (thực/đồng lực/đồng tốc/
tâm tạo nghiệp)

○ Chặng 3: M (mót/thập di)

- Lộ trình tâm này có:

○ 1 tâm khán ý môn

○ 29 tâm thực (đồng lực/ đồng tốc) dục
giới (12 tâm bất thiện, 1 tâm ứng cúng
vi tiểu thọ hỷ, 8 tâm thiện DGTH, 8

tâm duy tác DGTH). 29 tâm này nằm ở chặng thứ 2

- 11 tâm làm việc một (thập di) gồm 8 tâm thiện DGTH và 3 tâm quan sát.

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng:

- 4 người phàm (khô, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
- 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới.

- 4 cõi khô (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
- 1 cõi người
- 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

2. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RÕ

H R D K 7C H

3. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH KHÔNG RÕ

H R D K K K H

4. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT KHÔNG RÕ

H R R H

5. LỘ Ý MÔN CẬN TỬ CÒN TỤC SINH

H R D K 5C 2M H TỬ TS 14H R D K 7C 2M H

- Lộ trình tâm này có: 8 thứ, 32 thứ, 3 chặng, 7 người, 11 cõi
 - 8 cái là: 1 khán ý môn, 5 sát na tâm thực, 2 sát na tâm mót
 - 32 thứ: 1 tâm khán ý môn, 12 tâm bất thiện, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm quả DGTH, 3 tâm quan sát.
 - 3 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đồng lực), chặng mót (thập di)
 - **12 hạng người:** có trong 7 hạng: 4 người phàm (khô, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân), 3 người quả hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả)
 - **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới: 4 cõi khô (địa ngục, ngã quý, xúc sanh, atula), 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đầu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

6. LỘ Ý MÔN NIẾT BÀN (KHÔNG CÒN TÁI SANH)

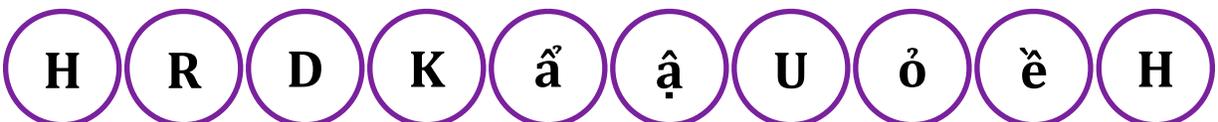


Lộ này có 8 cái, 21 thứ, 3 chặng, 1 người, 7 cõi

- 8 cái: 1 khán ý môn, 5 sát na tâm thực (đồng lực/đồng tốc), 2 sát na mót
- 21 thứ tâm: 1 tâm khán ý môn, 1 ứng cúng vi tiểu, 8 tâm duy tác DGTH, 3 tâm quan sát, 8 tâm quả dục giới hữu nhân.
- 3 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đồng lực/đồng tốc), chặng mót.
- **12 hạng người:** 1 hạng người tứ quả (Alahan quả)
- **31 cõi:** 7 cõi vui dục giới (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới)

B. LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT

1. LỘ ĐẶC THIÊN



Ghi chú:

K: khán ý môn

ẩ: chuẩn bị

ậ: cận hành

U: thuận thứ

ỏ: bỏ bực

ề: thiên

Lộ tâm này có 6 cái, 27 thứ, 2 chặng, 5 người, 26 cõi.

1. Tâm chuẩn bị: là trạng thái tâm chuẩn bị tiến đến 1 tâm cao hơn, là tiền đề cho các loại tâm như thiên, thông, đạo, quả sinh lên sau đó. Tâm chuẩn bị này là một trong các loại tâm như sau: 4 tâm thiện DGTH hợp trí, 4 tâm duy tác DGTH hợp trí.
2. Tâm cận hành: tâm này gần với tâm đắc thiên hơn. Tâm cận hành cũng là một trong những tâm như tâm chuẩn bị.
3. Tâm thuận thứ: tâm này thích hợp với sát na trước và nhu thuận với sát na sau. Tâm này

cũng là một trong những tâm như tâm chuẩn bị.

4. **Tâm bỏ bực**: hay gọi là **chuyển tộc** vì bỏ ngũ dục để tiến tới đắc thiên (ly dục, ly bất thiện pháp...) và cắt đứt phàm chủng (tộc) trong lộ đắc đạo, đắc quả.

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 thiên.
- 27 thứ: 1 khán ý môn, 4 tâm thiện DGTH hợp trí, 4 tâm duy tác DGTH hợp trí, 9 tâm thiện đạo đại, 9 tâm duy tác đạo đại.
- 2 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đồng tộc)
- **12 hạng người**: 5 hạng người (1 người phàm tam nhân và 4 bậc thánh quả (sơ, nhị, tam, tứ quả))
- **31 cõi**: lộ trình tâm này xuất hiện trong 26 cõi (7 cõi vui dục giới, 15 cõi sắc giới hữu tướng, 4 cõi vô sắc giới)

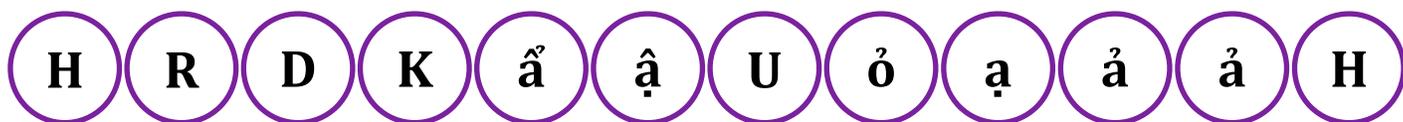
2. LỘ ĐẶC ĐẠO



Lộ tâm này có 8 cái, 15 thứ, 2 chặng, 3 người, 17 cõi vừa phạm ngũ uẩn

- 8 cái là: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 sơ đạo, 2 sơ quả.
- 15 thứ: 1 khán ý môn, 4 thiện dục giới hợp trí, 5 tâm sơ đạo, 5 tâm sơ quả.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và 1 chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** sanh lên trong 3 người (người phạm tam nhân, người sơ đạo, người sơ quả)
- **31 cõi:** Lộ tâm này khởi lên trong 17 cõi đó là 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 3 cõi sơ thiên, 3 cõi nhị thiên, 3 cõi tam thiên, 1 cõi tứ thiên quảng quả (cõi phạm ngũ uẩn)

3. LỘ ĐẮC ĐẠO (BA ĐẠO CAO)



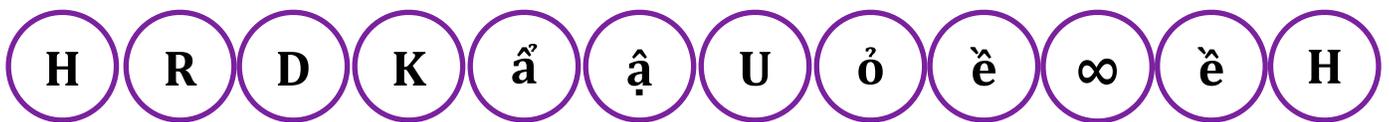
Lộ trình tâm này có 8 cái, 35 thứ, 2 chặng, 7 người, 26 cõi

- 8 cái là: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 sơ đạo, 2 sơ quả.
- 35 thứ: 30 tâm siêu thế (40 trừ 5 tâm đạo, 5 tâm quả), 1 khán ý môn, 4 tâm thiện DGTH hợp trí.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và 1 chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** 7 hạng người: người nhị đạo, tam đạo, tứ đạo, sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả.
- **31 cõi:** lộ tâm này có cõi trừ 4 cõi khổ và cõi vô tướng.

4. LỘ NHẬP THIÊN

Lộ nhập thiên là dòng tâm thức diễn tiến an trú vào một đề mục mà sanh diệt vô số cái vẫn đồng một thứ tâm. Lộ nhập thiên có 2 :

1. **Nhập thiên hiệp thế:** là thiên sắc giới và vô sắc giới
2. **Nhập thiên cơ:** là nhập thiên để làm nền tảng hiện thân thông. Thiên cơ chỉ nhập ngũ thiên sắc giới mà thôi.



- 2 chặng: 1 khán ý môn, 1 thực (đồng lực)
- 27 thứ: như lộ đặc thiên
- **12 hạng người:** 5 hạng người (1 người tam nhân và 4 thánh quả).
- **31 cõi:** 26 cõi vui hữu tâm.

5. LỘ HIỆN THÔNG

Là dòng tâm thức diễn tiến khi tâm diệu trí (tâm thông) phát sanh để làm việc như sau:

1. Thiên nhân thông
2. Thiên nhĩ thông
3. Tha tâm thông
4. Túc mạng thông: túc là xưa cũ, mạng là kiếp sống, thông là thân thông (nhớ lại kiếp sống xưa cũ)
5. Sanh tử thông
6. Thần thông: bay trong hư không, đi trên nước, chui xuống đất... biến thành nhiều hình dạng....
7. Lộ tận thông: chỉ có đối với vị A la hán biết rõ phiền não lậu hoặc diệt tận

H
R
D
K
ã
ậ
U
ỏ
ô
H

Lộ tâm này gồm: 6 cái, 7 thứ, 2 chặng, 5 người, 22 cõi.

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 thông.
- 7 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm thiện dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm thông.

- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đồng lực)
- **12 hạng người:** 5 người (1 người phạm tam nhân, 4 thánh quả)
- **31 cõi:** 22 cõi (7 cõi vui dục giới và 15 cõi sắc giới trừ cõi vô tướng)

6. LỘ NHẬP THIÊN QUẢ

1. Định nghĩa:

Lộ nhập thiên quả là lộ trình tâm của các vị thánh nhập thiên siêu thế (20 tâm quả siêu thế)

Trước khi nhập thiên quả vị hành giả chú nguyện rằng “pháp siêu thế mà tôi đã đắc chứng hãy phát sanh đến tôi.

2. Phân tích lộ trình tâm:



Lộ tâm này có vô số cái sanh diệt:

- Có 29 thứ tâm: 1 tâm khán ý môn (K), 4 tâm thiện dục giới hợp trí, 4 tâm duy tác dục giới hợp trí (8 tâm này làm việc thuận thứ), 20 tâm quả siêu thế.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** có 4 người quả (sơ, nhị, tam, tứ quả)
- **31 cõi:** lộ tâm này sanh lên trong 26 cõi trừ 4 cõi khổ và cõi vô tưởng.

7. LỘ NHẬP THIÊN DIỆT

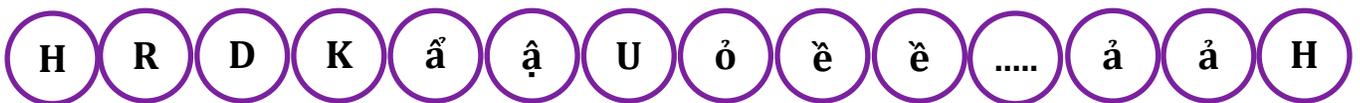
1. Định nghĩa:

Lộ nhập thiên diệt là các vị thánh A Na Hàm và A La Hán có chứng đắc thiên phi tướng phi phi tướng, các vị này muốn chứng đến các trạng thái diệt tận dòng tâm

thức nên các vị ấy nhập thiên diệt nghĩa là chúng đến trạng thái không còn tâm.

Trước khi nhập thiên diệt vị A Na Hàm hoặc vị A La Hán nhập tuần tự các tầng thiên, nhập sơ thiên, xả sơ thiên, nhập nhị thiên, xả nhị thiên, nhập tam thiên, xả tam thiên, nhập tứ thiên, xả tứ thiên, nhập ngũ thiên, xả ngũ thiên sắc giới rồi nhập qua thiên không vô biên, xả thiên không vô biên, nhập thiên thức vô biên, xả thiên thức vô biên, nhập thiên vô sở hữu, xả thiên vô sở hữu, nhập thiên phi tướng phi phi tướng, xả thiên phi tướng phi phi tướng rồi nhập thiên diệt.

2. Phân tích lộ trình tâm:



Lộ trình tâm này: có 8 cái, 9 thứ, 2 chặng, 2 người, 22 cõi

- 8 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 2 sát na thiên phi tướng phi phi tướng, 2 sát na tâm quả siêu thế.
- 9 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm thiện dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm thiên PTPPT (1 tâm thiện, 1 tâm duy tác), 1 tâm quả A Na Hàm ngũ thiên (tâm tam quả ngũ thiên), 1 tâm quả A La Hán ngũ thiên (tâm tứ quả ngũ thiên)
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** có 2 hạng: người tam quả và người tứ quả
- **31 cõi:** có 22 cõi là 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, và 15 cõi sắc giới trừ cõi vô tướng.

8. LỘ TÂM NIẾT BÀN LIÊN THIÊN

1. Định nghĩa:

Lộ tâm Niết Bàn liên thiên là vị A La Hán trước khi Niết Bàn ngài nhập các lại thiên sắc giới và vô sắc giới để làm tịnh chỉ những khổ thọ của thân.

2. Phân tích chi pháp:



Lộ trình tâm này có vô số cái tâm: 14 thứ tâm, 2 chặng, 1 người, 26 cõi.

- 14 thứ tâm là: 1 tâm khán ý môn, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí (ở vị trí chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, bỏ bực), 5 tâm thiện sắc giới, 5 tâm duy tác sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** người tứ quả (A La Hán quả)

- **31 cõi:** 26 cõi trừ cõi vô tướng và 4 cõi khổ.

3. Kết luận:

Có những vị A La Hán vừa đắc đạo đắc quả vừa đắc thiên sắc giới vô sắc giới.

Có những vị A La Hán chỉ đắc đạo đắc quả mà không đắc thiên sắc giới và vô sắc giới. Học viên cần phải hiểu rõ ràng việc đắc đạo đắc quả và đắc thiên là khác nhau.

Những người chỉ đắc thiên sắc giới và vô sắc giới thì 12 tâm bất thiện vẫn còn nguyên vẹn. Những vị đắc đạo đắc quả tùy theo mức độ đạo quả khác nhau mà 12 tâm bất thiện sẽ được giảm dần đến khi chấm dứt hoàn toàn khi đắc A La Hán.

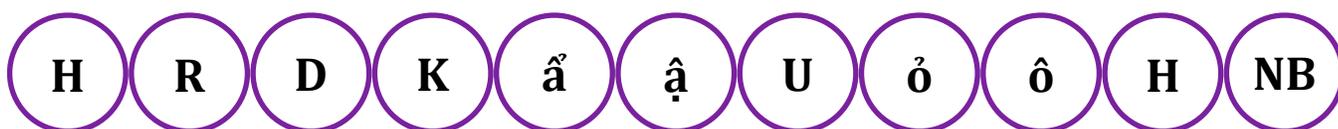
9. LỘ TRÌNH TÂM NIẾT BÀN LIÊN THÔNG

1. Định nghĩa:

Là vị A La Hán hiện thân thông rồi mới
Niết Bàn như trường hợp ngài Ananda

2. Phân tích chi pháp:

Lộ trình tâm Niết Bàn liên thông được diễn
tiễn như sau



Lộ trình tâm này có: 5 cái hoặc 6 cái, 4 thứ, 2
chặng, 1 người, 22 cõi

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị hoặc không, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 thông.
- 4 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 1 tâm diệu trí duy tác.
- 2 chặng: chặng ý môn và chặng thực
- **12 hạng người:** có 1 người tứ quả
- **31 cõi:** 22 cõi (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 15 cõi sắc giới hữu tướng).

10. LỘ PHẢN KHÁN CHI THIÊN

1. Định nghĩa:

Lộ phản khán chi thiên là vị A La Hán trước giờ Niết Bàn xem xét lại các chi thiên tâm, tứ, hỷ, lạc, định và xả.

2. Phân tích chi pháp:

Lộ phản khán chi thiên được diễn tiến như sau:



Lộ trình tâm này có 6 cái, 5 thứ, 2 chặng, 1 người, 22 cõi

- 6 cái: 1 khán ý môn và 5 sát na thực (đồng tốc)
- 5 thứ: 1 khán ý môn, và 4 tâm duy tác hợp trí
- 2 chặng: chặng khán môn và chặng thực.
- **12 hạng người:** 1 người tứ quả

- **31 cỡi:** 22 cỡi (7 cỡi vui dục giới và 15 cỡi sắc giới hữu tướng)

11. LỘ ĐẮC ĐẠO TỘT MẠNG

1. Định nghĩa:

Là vị vừa đắc A La Hán liền xét lại đạo quả và phiên não rồi Niết bàn.

Người đắc đạo tốt mạng là người biết tranh thủ giây phút ngắn ngủi trong thời điểm hấp hối của mình đề tu tập tứ niệm xứ và chứng đạt lần lượt 4 tầng thánh quả nhất là chứng được tứ quả trong những giây phút cuối cùng rồi niết bàn tịch diệt

2. Phân tích chi pháp:



Lộ trình tâm này có được 6 cái, 5 thứ, 2 chạng, 1 hạng người, 7 cỡi vui dục giới.

- 6 cái: 1 khán ý môn và 5 tâm thực

- 5 thứ: 1 khán ý môn và 4 tâm duy tác dục giới
- 2 chặng: 1 chặng khán ý môn, 1 chặng thực
- **12 hạng người:** 1 người tứ quả
- **31 cõi:** 7 cõi vui dục giới.

===***===

Hết bài số 47

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona_Covid-19

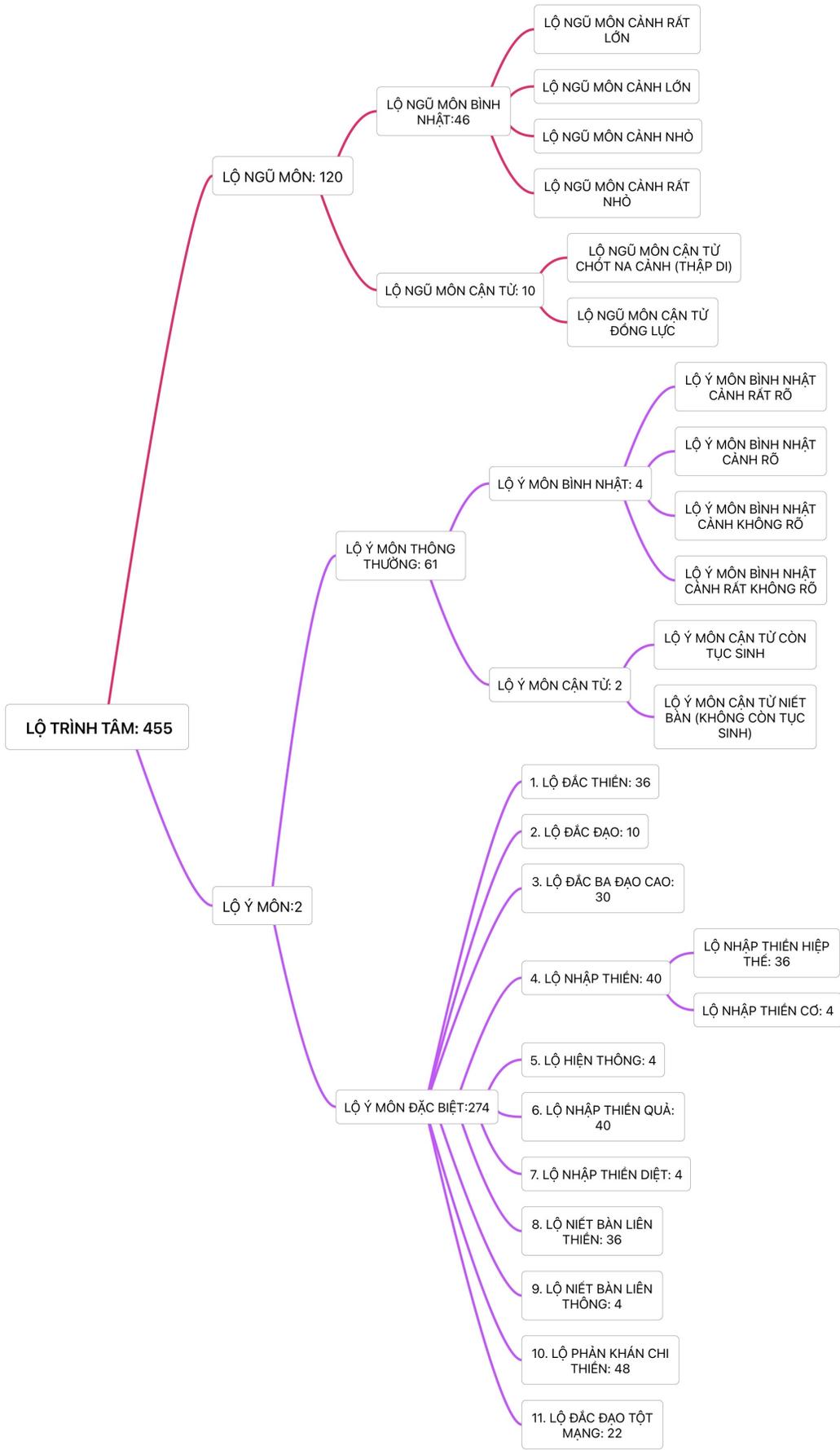
Ngày 13-20/04/2020 (21-28/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG II



SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM





LỘ TRÌNH TÂM - 455

▼ LỘ NGŨ MÔN - 120

▼ LỘ NGŨ MÔN THỜI BÌNH NHẬT - 100

▼ 1. CẢNH RẤT LỚN - 15

(5 MÔN)

▼ 1. CHÓT NA CẢNH - 17 SÁT NA TÂM



▼ 2. CHÓT ĐỒNG LỰC - 15 SÁT NA TÂM



▼ 3. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 16 SÁT NA TÂM



▼ 2. CẢNH LỚN - 20

(5 MÔN)

▼ 1. CHÓT ĐỒNG LỰC

▼ CÓ 2 HKVQ



▼ CÓ 3 HKVQ



▼ 2. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH

▼ CÓ 2 HKVQ



▼ CÓ 3 HKVQ



▼ 3. CẢNH NHỎ - 30

(5 MÔN)

▼ LỘ 1 - CÓ 4 HKVQ



▼ LỘ 2 - CÓ 5 HKVQ



▼ LỘ 3 - CÓ 6 HKVQ



▼ LỘ 4 - CÓ 7 HKVQ



▼ LỘ 5 - CÓ 8 HKVQ



▼ LỘ 6 - CÓ 9 HKVQ



▼ 4. CẢNH RẤT NHỎ - 35
(5 MÔN)

▼ LỘ 1 - CÓ 10 HKVQ



▼ LỘ 2 - CÓ 11 HKVQ



▼ LỘ 3 - CÓ 12 HKVQ



▼ LỘ 4 - CÓ 13 HKVQ



▼ LỘ 5 - CÓ 14 HKVQ



▼ LỘ 6 - CÓ 15 HKVQ



▼ LỘ 7 - CÓ 16 HKVQ



▼ LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ - 20

- ▼ 1. SÁT NA CHÓT CÓ NA CẢNH - TADĀLAMBANA KHÔNG HỘ KIẾP HOẶC CÓ RÒI TỬ
- ▼ KHÔNG HỘ KIẾP RÒI TỬ



- ▼ CÓ HỘ KIẾP RỜI TỬ

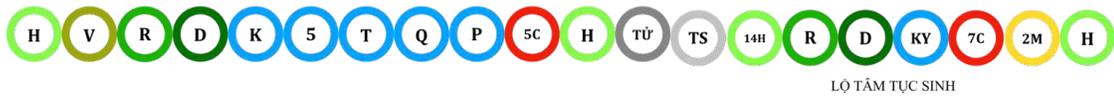


- ▼ 2. SẮT NA CHÓT ĐỒNG LỰC KHÔNG HỘ KIẾP HOẶC CÓ RỜI TỬ

- ▼ KHÔNG HỘ KIẾP RỜI TỬ



- ▼ CÓ HỘ KIẾP RỜI TỬ



- ▼ **LỘ Ý MÔN - 335**

- ▼ LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG - 61

- ▼ THỜI BÌNH NHẬT - 41

- ▼ 1. CẢNH RẤT RÕ - 22

- ▼ 1. CHÓT NA CẢNH - 6

- ▼ KHÔNG CÓ HKVQ



- ▼ CÓ 1-5 HKVQ



- ▼ 2. CHÓT ĐỒNG LỰC - 8

- ▼ KHÔNG CÓ HKVQ



- ▼ CÓ 1-7 HKVQ

- 
- 
- 
- 
- 
- 
- 

▼ 3. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 8

▼ KHÔNG CÓ HKVQ

- 

▼ CÓ 1-7 HKVQ

- 
- 
- 
- 
- 
- 
- 

▼ 2. CẢNH RỖ - 16

▼ 1. CHÓT ĐỒNG LỰC - 8

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1-7 HKVQ



▼ 2. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 8

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1-7 HKVQ



▼ 3. CẢNH KHÔNG RỖ - 2

▼ CÓ 2 SÁT NA KHẢN Ý MÔN



▼ CÓ 3 SÁT NA KHẢN Ý MÔN



▼ 4. CẢNH RẤT KHÔNG RÕ (MỜ HỒ) - 1



▼ LỘ CHIÊM BAO - 12

▼ 1. CẢNH CỰC RÕ - 6

▼ CHÓT NA CẢNH - 2

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1 HKVQ



▼ CHÓT ĐỒNG LỰC - 2

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1 HKVQ



▼ CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 2

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1 HKVQ



▼ 2. CẢNH RÕ - 4

▼ CHÓT ĐỒNG LỰC - 2

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1 HKVQ



▼ CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 2

▼ KHÔNG CÓ HKVQ



▼ CÓ 1 HKVQ



▼ 3. CẢNH KHÔNG RÕ - 1

H R D KY â U ó ề H

▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ó ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ó ề H

▼ 2. NHỊ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ó ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ó ề H

▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ó ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ó ề H

▼ 3. TAM THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ó ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ó ề H

▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ó ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ó ề H

▼ 4. TỬ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ' - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

▼ 7. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4

▼ THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

▼ 8. VÔ SỜ HỮU XỨ - 4

▼ THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

▼ LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

▼ 9. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4

▼ THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

DUY TÁC - 2

ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U ỏ ề H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U ỏ ề H

2. LỘ ĐẶC SƠ ĐẠO - 10

1. SƠ ĐẠO SƠ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

2. SƠ ĐẠO NHỊ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

3. SƠ ĐẠO TAM THIÊN - 2

ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

4. SƠ ĐẠO TỬ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN

H R D KY ấ ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

LỢI CĂN

H R D KY ậ U CT ĐẠO QUẢ QUẢ H

5. SƠ ĐẠO NGŨ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. LỘ ĐẮC 3 ĐẠO CAO - 30

▼ 1. NHỊ ĐẠO - 10

▼ 1. NHỊ ĐẠO SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ ĐẠO NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. NHỊ ĐẠO TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. NHỊ ĐẠO TỨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NHỊ ĐẠO NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. TAM ĐẠO - 10

▼ 1. TAM ĐẠO SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. TAM ĐẠO NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM ĐẠO TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TAM ĐẠO TỨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. TAM ĐẠO NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TỨ ĐẠO - 10

▼ 1. TỨ ĐẠO SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. TỨ ĐẠO NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TỨ ĐẠO TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỬ ĐẠO TỬ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. TỬ ĐẠO NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. LỘ NHẬP THIÊN - 36

▼ 1. SƠ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỨ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4

▼ THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 7. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4

▼ THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 8. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 9. PHI TƯỜNG PHI PHI TƯỜNG XÚ' - 4

▼ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. LỘ THIÊN CƠ - 4

▼ 1. NGŨ THIÊN THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NGŨ THIÊN DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 6. LỘ HIỆN THÔNG - 4

▼ 1. NGŨ THIÊN THIỆN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NGŨ THIÊN DUY TÁC - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 7. LỘ NHẬP THIÊN QUẢ - 40

▼ 1. SƠ QUẢ - 10

▼ 1. SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN

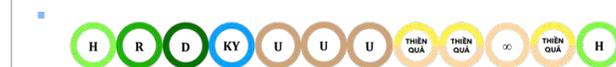


▼ 2. NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỬ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ QUẢ - 10

▼ 1. SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỬ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM QUẢ - 10

▼ 1. SƠ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỬ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



4. TỨ QUẢ - 10

1. SƠ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



2. NHỊ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



3. TAM THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



4. TỨ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



5. NGŨ THIÊN - 2

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



8. LỘ NHẬP THIÊN DIỆT - 4

1. TAM QUẢ - 2

ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. TỬ QUẢ - 2

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ LỘ NHẬP NIẾT BÀN ĐẶC BIỆT - 110

▼ 1. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THIÊN - 36

▼ 1. SƠ THIÊN - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. NHỊ THIÊN - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 3. TAM THIÊN - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 4. TỬ THIÊN - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 5. NGŨ THIÊN - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỬ - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 7. THỨC VÔ BIÊN XỬ - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 8. VÔ SỜ HỮU XỬ - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



▼ 9. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỬ - 4

▼ 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

▼ ĐỘN CĂN



▼ LỢI CĂN



2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



2. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THÔNG - 4

1. THÔNG - HỘ KIẾP - TỬ/PNB

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



2. THÔNG - TỬ/PNB

ĐỘN CĂN



LỢI CĂN



3. LỘ NIẾT BÀN PHẦN KHÁN CHI THIÊN - 48

1. PHẦN KHÁN SƠ THIÊN - 10

1. TÂM - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. TỬ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



3. HỖ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



4. LẠC - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



5. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. PHẦN KHẢN NHỊ THIÊN - 8

1. TỬ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. HỖ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



3. LẠC - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



4. ĐỊNH - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 3. PHẦN KHẢN TAM THIÊN - 6

▼ 1. HỖ - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. LẠC - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 3. ĐỊNH - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 4. PHẦN KHẢN TỬ THIÊN - 4

▼ 1. LẠC - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. ĐỊNH - 2

▼ LỢI CĂN

▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



5. PHÂN KHÁN NGŨ THIÊN - 20

1. NGŨ THIÊN - 4

1. XÃ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4

1. XÃ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



3. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4

1. XÃ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. ĐỊNH - 2

- ▼ LỢI CĂN
 - ▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -
 - ▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -

▼ 4. VÔ SỞ HỮU XỬ - 4

- ▼ 1. XÃ - 2
 - ▼ LỢI CĂN
 - ▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -
 - ▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -

- ▼ 2. ĐỊNH - 2
 - ▼ LỢI CĂN
 - ▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -
 - ▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -

▼ 5. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỬ - 4

- ▼ 1. XÃ - 2
 - ▼ LỢI CĂN
 - ▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -
 - ▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -

- ▼ 1. ĐỊNH - 2
 - ▼ LỢI CĂN
 - ▼ 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -
 - ▼ 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH
 -

▼ 4. LỘ NIẾT BÀN TỐT MẠNG - 22

▼ 1. QUÁN XÉT ĐẠO, QUẢ, NIẾT BÀN RỜI VIÊN TỊCH - 2

- ▼ 1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/ PNB
 -

▼ 2. ĐỒNG LỰC - TỬ/PNB

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



4. VÔ SỞ HỮU XỬ - 4

1. XÃ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



5. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỬ - 4

1. XÃ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



1. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỜI VIÊN TỊCH



4. LỘ NIẾT BÀN TỐT MẠNG - 22

1. QUÁN XÉT ĐẠO, QUẢ, NIẾT BÀN RỜI VIÊN TỊCH - 2

1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/NB



2. ĐỒNG LỰC - TỬ/NB

H R D KY ậ U TB ĐẠO QUÁ QUÁ QUÁ H H R D KY 7C NB

2. QUÁN XÉT PHIỀN NÃO ĐÃ SÁT TRỪ RÔI VIÊN TỊCH - 20

10 KIẾT SỬ PHIỀN NÃO

1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/NB

H R D KY ậ U TB ĐẠO QUÁ QUÁ QUÁ H H R D KY 7C H NB

2. ĐỒNG LỰC - TỬ/NB

H R D KY ậ U TB ĐẠO QUÁ QUÁ QUÁ H H R D KY 7C NB

KÝ HIỆU

H

HỘ KIẾP - BHAVANGA

V

HỘ KIẾP VỪA QUA - ATĪTABHAVANGA

R

HỘ KIẾP RÚNG ĐỘNG - BHAVANGACALANA

D

HỘ KIẾP DỨT DÒNG - BHAVANGUPACCHEDA

K

KHÁN NGŨ MÔN - PANCADVĀRĀVAJJANA

5

NGŨ SONG THỨC - DVIPAÑÑCAVIÑÑĀṆA

T

TIẾP THẬU - SAMPATICCHANA

Q

QUÁN SÁT - SANTĪRANA

P

XÁC ĐỊNH - VOTTHABBANA

C

ĐỒNG TỐC - JAVANA

M

- NA CẢNH - TADĀLAMBANA

HKK

- HỘ KIẾP KHÁCH - ĀGANTUKABHAVANGA

KY

- KHÁN Ý MÔN - MANODVĀRAVAJJANA

TỬ

- TÂM TỬ - CUTI

NB

- NIẾT BÀN - PARINIBBĀNA

TS

- TÂM TỤC SINH - PATISANDHI

14H

- 14 TÂM HỘ KIẾP

ã

- CHUẨN BỊ - PARIKAMMA

â

- CẬN HÀNH - UPACĀRA

U

- THUẬN THỨ - ANULOMA

ô

- BỎ BẠC (LỘ ĐẮC THIÊN) - GOTRABHŪ

CT

- CHUYỂN TÁNH (LỘ HIỆN THÔNG) - GOTRABHŪ

CT

- CHUYỂN TỘC (LỘ PHẠM SANG THÁNH) - GOTRABHŪ

TB

- TIẾN BẠC/DỮ TỊNH (LỘ ĐẮC 3 ĐẠO CAO) - VODANĀ

ề

- THIỀN - JHĀNA



- THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ



- TÂM ĐẠO - MAGGA



- TÂM QUẢ - PHALA



- TÂM KHÔNG SANH

CHƯƠNG III (BÀI 48)



KHÁI NIỆM LỘ SẮC



I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

1. **Sắc nghiệp:** là sắc pháp do sở hữu tư (nghiệp) tạo thành, có thể là sắc nghiệp thiện hoặc sắc nghiệp bất thiện.

Sắc nghiệp tức là sắc do nghiệp tạo có 18 thứ là: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực), 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền và 1 sắc hư không.

Sắc nghiệp được chia thành 9 đoàn:

- **Đoàn nhãn:** tức là bốn nhãn vật, có 10 sắc đồng sanh: sắc nhãn vật (thần kinh nhãn), sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực).

- **Đoàn nhĩ:** tức là bọn nhĩ vật có 10 sắc là thần kinh nhĩ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn tử:** tức là bọn sắc tử vật có 10 sắc là sắc thần kinh tử, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thiệt:** tức là bọn thiện vật có 10 sắc là sắc thần kinh thiệt, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thân:** là bọn sắc thân vật có 10 sắc là sắc thần kinh thân, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn tâm:** là bọn sắc ý vật, có 10 sắc là sắc ý vật, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn nam tính:** là bọn sắc nam tính, có 10 sắc là sắc nam tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn nữ tính:** là bọn sắc nữ tính, có 10 sắc là sắc nữ tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

- **Đoàn mạng quyền:** có sắc là 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

2. Sắc tâm:

Sắc tâm là sắc do tâm tạo để sai khiến sự hành động như đi, đứng, nằm, ngồi, im lặng.

Sắc do tâm tạo có 6 đoàn là:

- **Đoàn bát thuần** tức là 8 sắc bất ly
- **Đoàn thân biểu tri** có 9 sắc là sắc thân biểu tri và 8 sắc bất ly
- **Đoàn khẩu biểu tri** có 10 sắc là sắc cảnh thính, sắc khẩu biểu tri và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thân đặc biệt** có 12 sắc là sắc thân biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn khẩu thính đặc biệt** có 13 sắc là sắc cảnh thính, sắc khẩu biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

3. **Sắc âm dương:** là sắc do thời tiết nóng lạnh tạo ra, còn gọi là sắc quý tiết.

Sắc âm dương có 4 đoàn:

- **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly
- **Đoàn thanh** có 9 sắc là sắc cảnh thanh và 8 sắc bất ly
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly
- **Đoàn thanh đặc biệt** có 12 sắc là sắc cảnh thanh, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

4. **Sắc vật thực:** là chất dinh dưỡng. Có 2 đoàn:

- **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly

5. **Sắc tục sinh:** là sắc pháp sinh ra trong lúc tái sinh.

- Cõi dục giới hóa sanh và thấp sanh tục sinh được 7 đoàn:
 - Đoàn nhãn

- Đoàn nhĩ
- Đoàn tý
- Đoàn thiết
- Đoàn thân
- Đoàn tâm
- Đoàn tục sinh
- Cõi dục giới thai sanh và noãn sanh tục sinh được 3 đoàn:
 - Đoàn thân
 - Đoàn tâm
 - Đoàn sắc tính
- Cõi sắc giới vô tướng tục sinh:
 - Chỉ có một đoàn là đoàn mạng quyền

6. **Sắc bình nhật:** là sắc pháp diễn ra hằng ngày trong đời sống bình thường tức là không phải lúc tục sinh và tử.

- Cõi dục giới lúc bình nhật có đủ 28 sắc pháp.

- Cõi sắc giới lúc bình nhật có 24 sắc pháp trừ sắc thân kinh tử, sắc thân kinh thiệt, sắc thân kinh thân và sắc trạng thái (sắc nam tính, nữ tính)
- Cõi sắc giới vô tướng lúc bình nhật có 17 sắc pháp trừ 5 sắc thân kinh, 1 sắc ý vật, 2 sắc tính, 2 sắc biểu tri và 1 sắc thính.

7. **Sắc tâm hành động:** là sắc pháp được tâm sai khiến để hiện bày ra.

Trong 28 sắc pháp thì tâm tạo được 15 sắc pháp: đó là 8 sắc bất ly, 1 sắc cảnh thính, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt.

Trong 121 thứ tâm có 107 tâm tạo được sắc pháp.

14 tâm không tạo được sắc pháp là: ngũ song thức và 4 tâm quả vô sắc.

Sắc tâm hành động có 7 cách:

- Cách bình thường
- Cách cười
- Cách khóc

- Cách nói
- Cách tiểu oai nghi
- Cách đại oai nghi
- Cách kèm vững 3 đại oai nghi (trừ đi)
- Tâm làm việc khóc: 2 tâm sân
- Tâm làm việc cười: 4 tâm tham thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiểu thọ hỷ, 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác DGTH thọ hỷ.
- Tâm làm việc nói: 12 tâm bất thiện, tâm khán ý môn, tâm ứng cúng vi tiểu, 2 tâm thông (diệu trí), 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH.
- Tâm làm việc tiểu oai nghi: những tâm như làm việc nói.
- Tâm làm việc đại oai nghi: những tâm như làm việc nói
- Tâm làm việc kèm vững đại oai nghi (trừ đi): 87 tâm thực và tâm khán ý môn.

===***===

Hết bài số 48

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona Covid-19

Ngày 21/04/2020 (29/3ẤL-Canh tý)

CHƯƠNG IV



SƠ ĐỒ KHÁI NIỆM LỘ SẮC

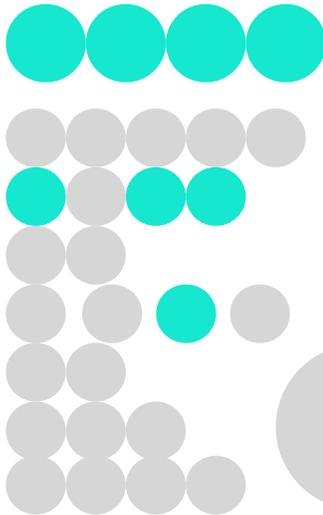
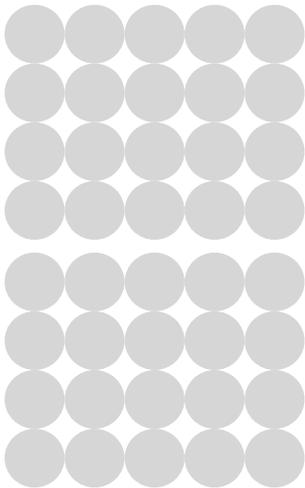
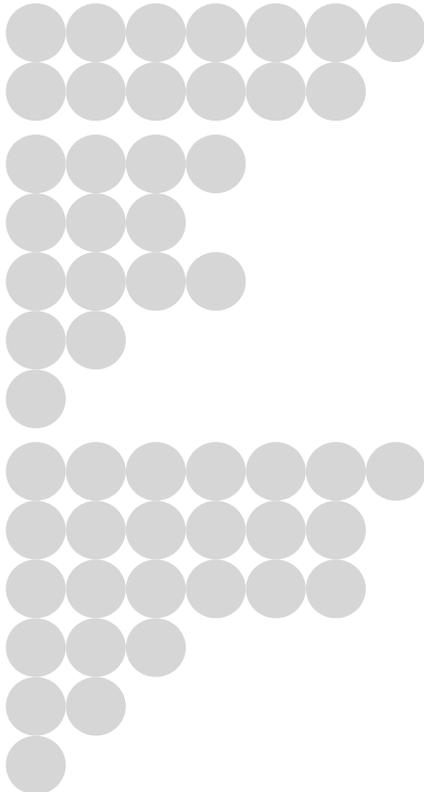
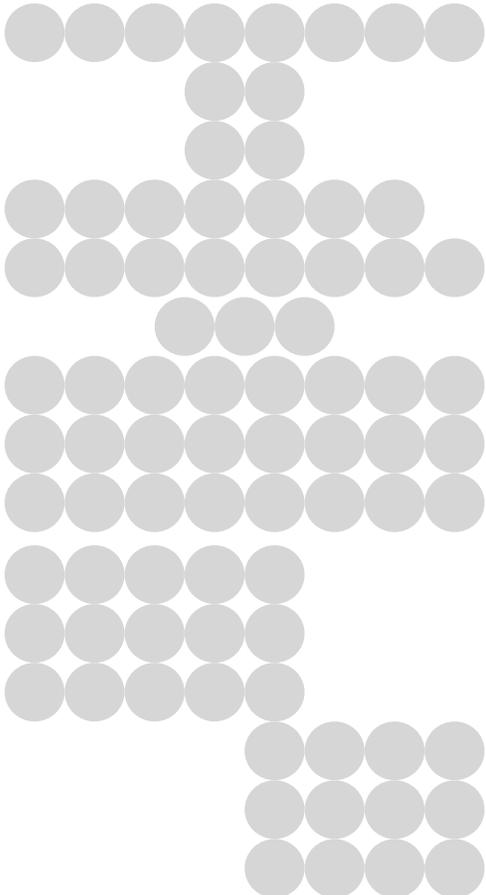


I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

Sơ đồ 8 sắc bất ly

8 SẮC BẤT LY

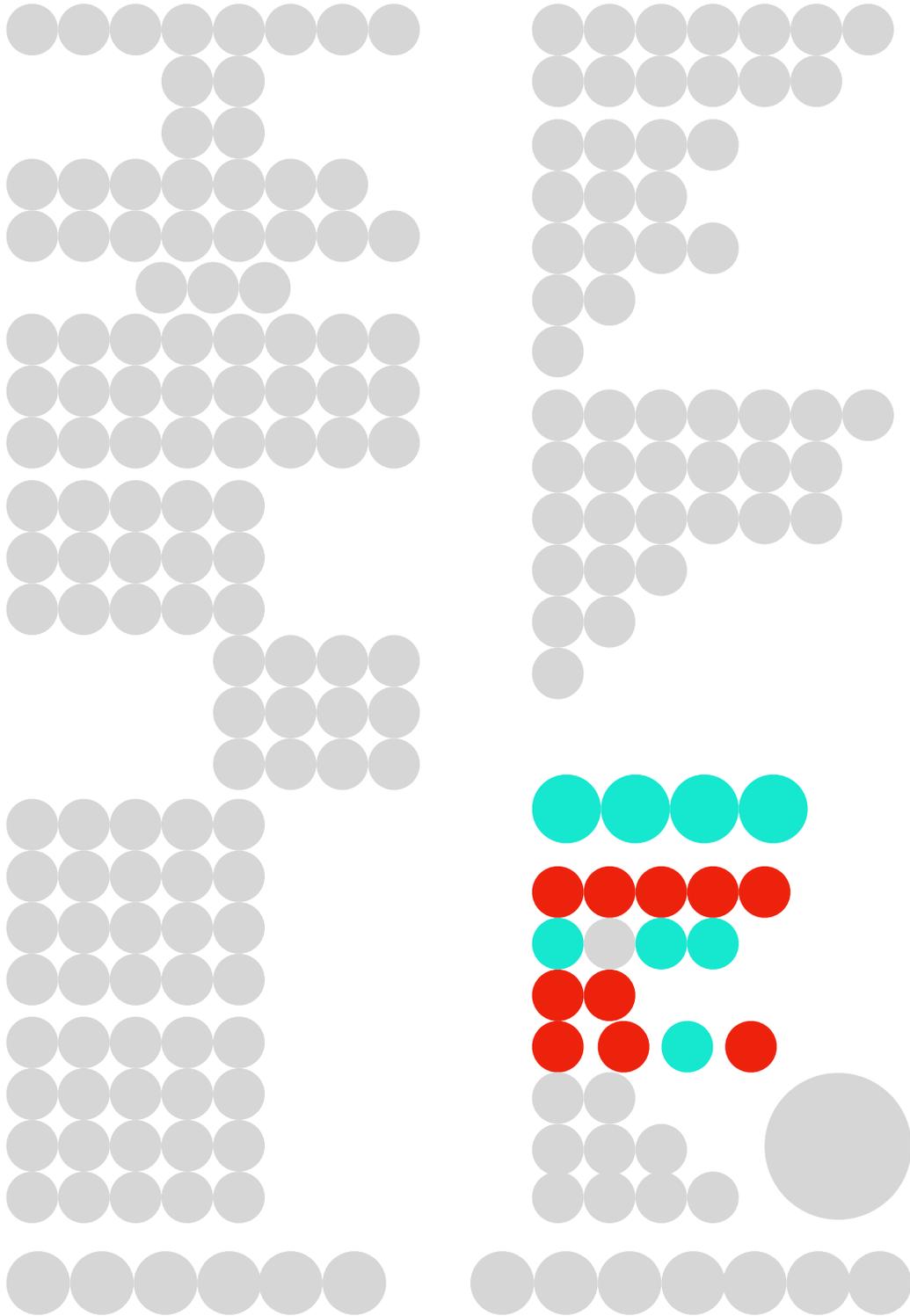


1. Sắc nghiệp:

là sắc pháp do sở hữu tư (nghiệp) tạo thành, có thể là sắc nghiệp thiện hoặc sắc nghiệp bất thiện.

Sắc nghiệp tức là sắc do nghiệp tạo có 18 thứ là: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực), 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền và 1 sắc hư không.

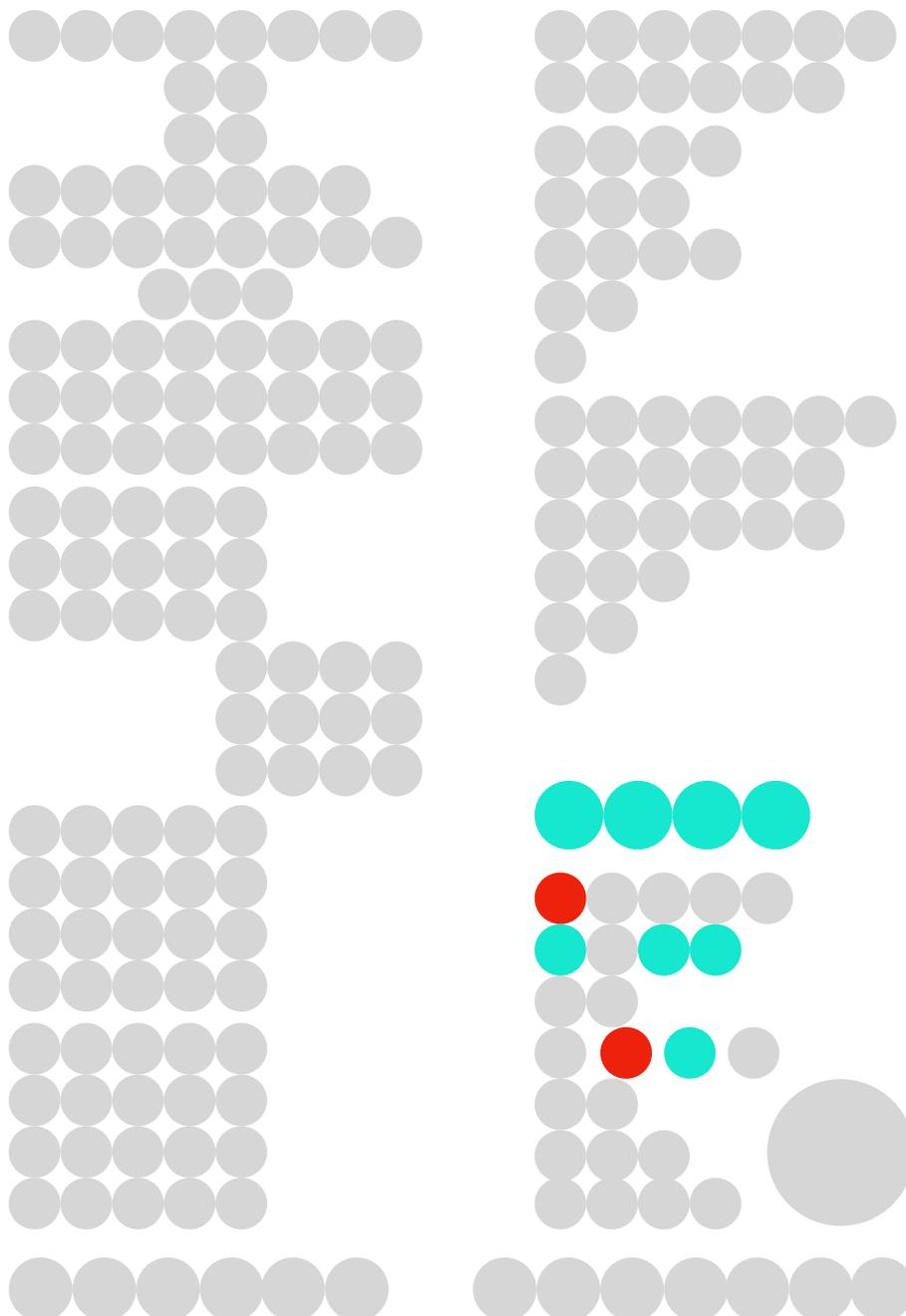
SẮC NGHIỆP



Sắc nghiệp được chia thành 9 đoàn:

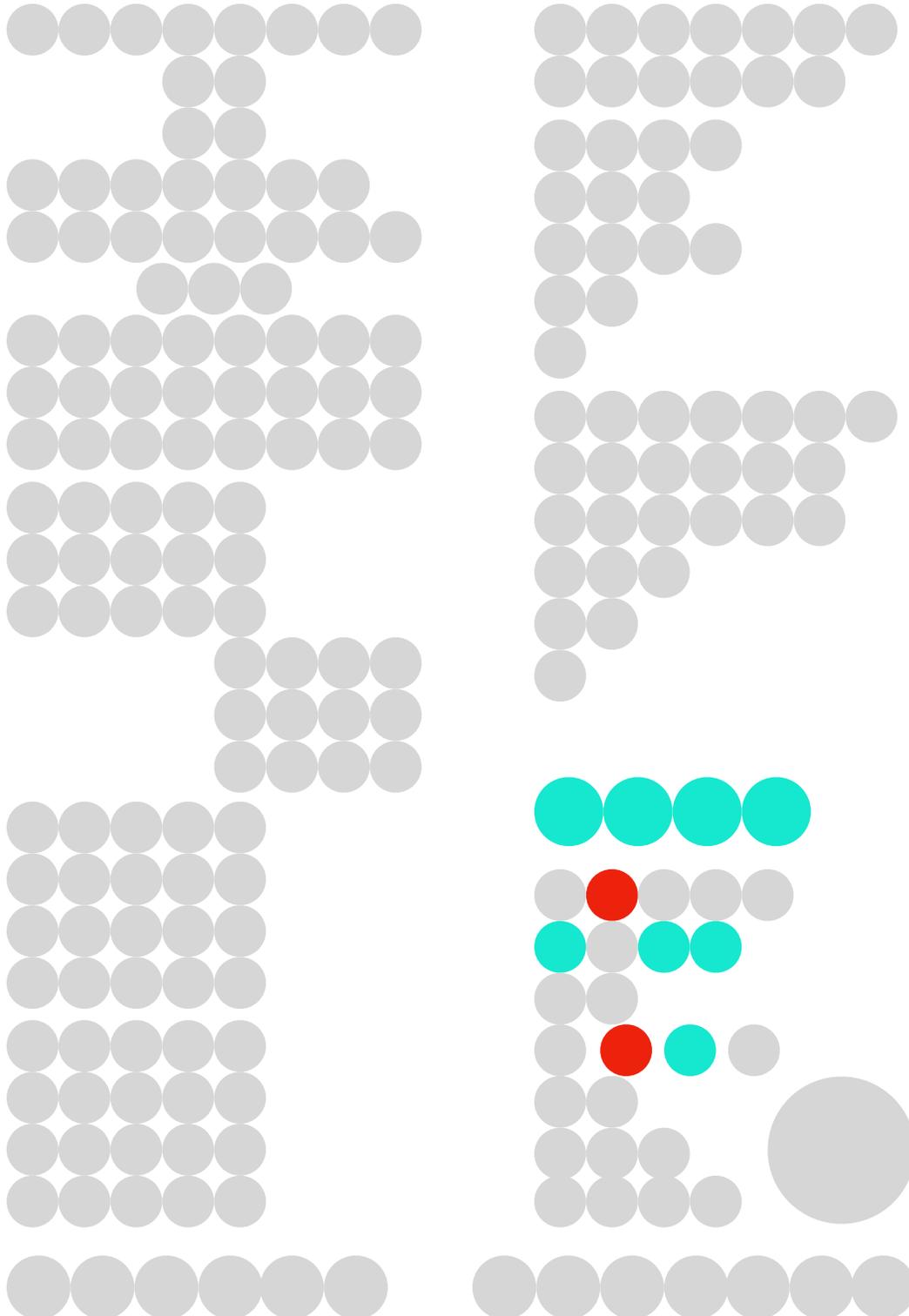
- **Đoàn nhân:** tức là bốn nhân vật, có 10 sắc đồng sanh: sắc nhân vật (thần kinh nhân), sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực).

ĐOÀN NHÂN



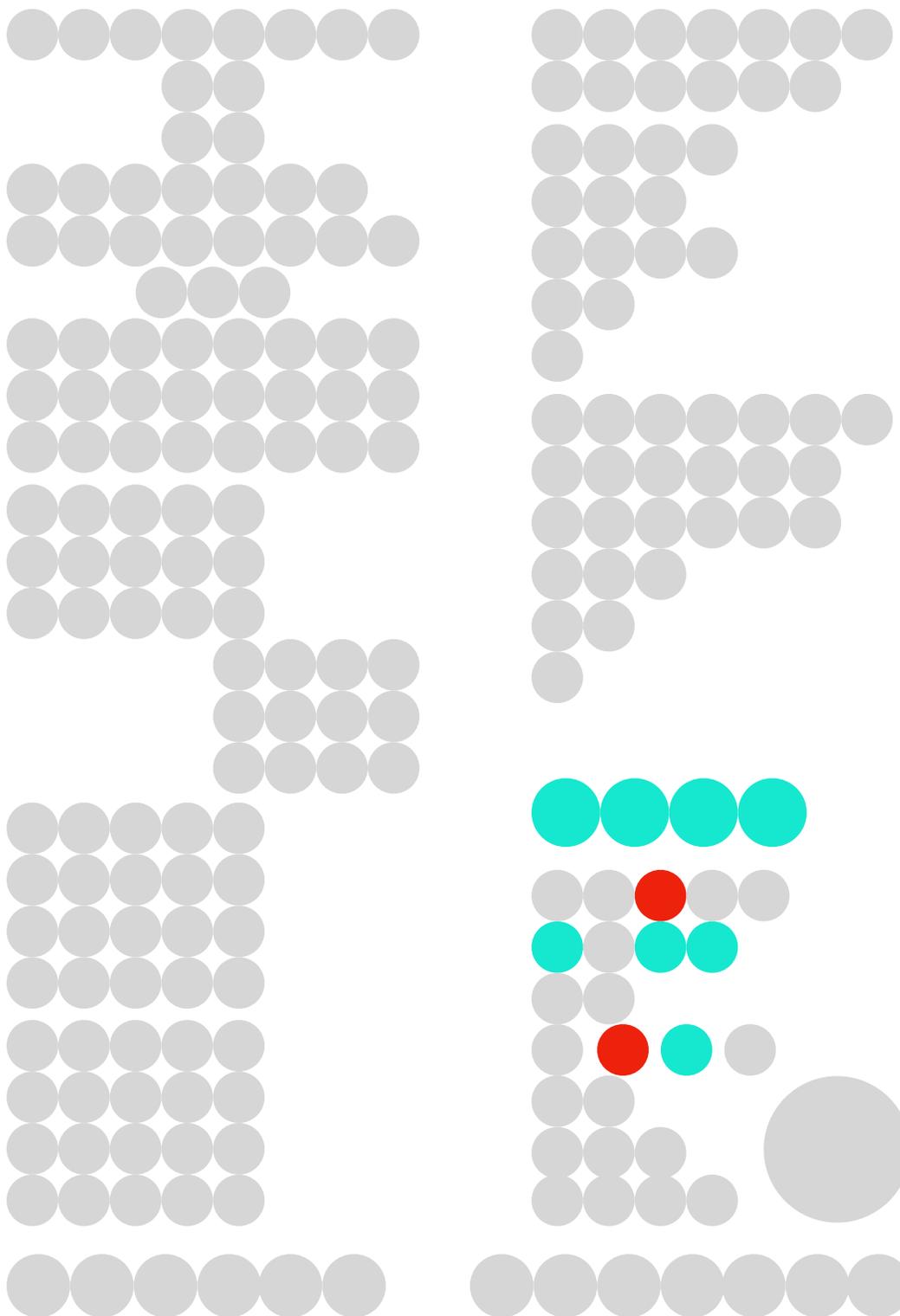
- **Đoàn nhĩ:** tức là bọng nhĩ vật có 10 sắc là thần kinh nhĩ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NHĨ



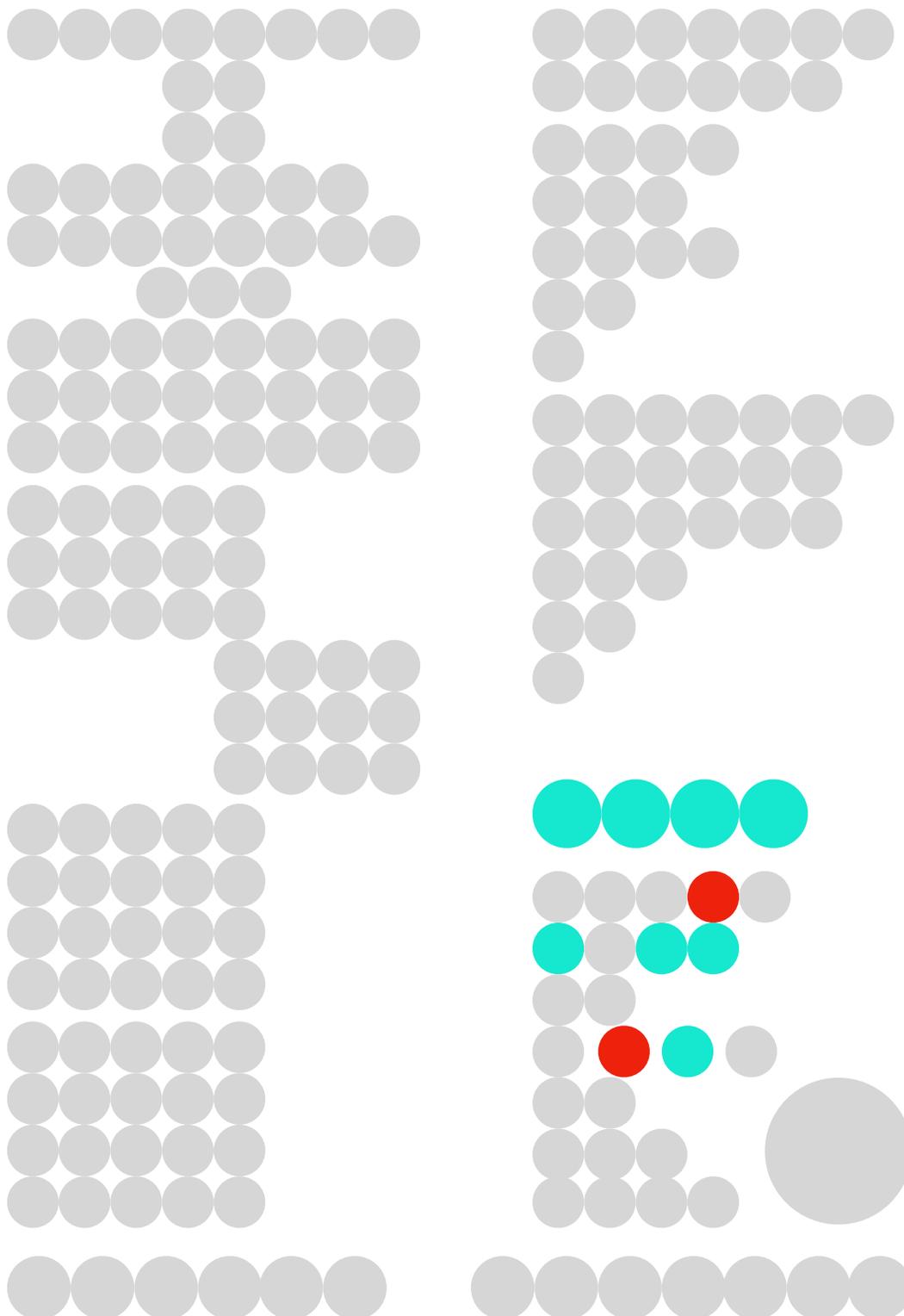
- **Đoàn tỳ:** tức là bốn sắc tỳ vật có 10 sắc là sắc thân kinh tỳ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN TỶ



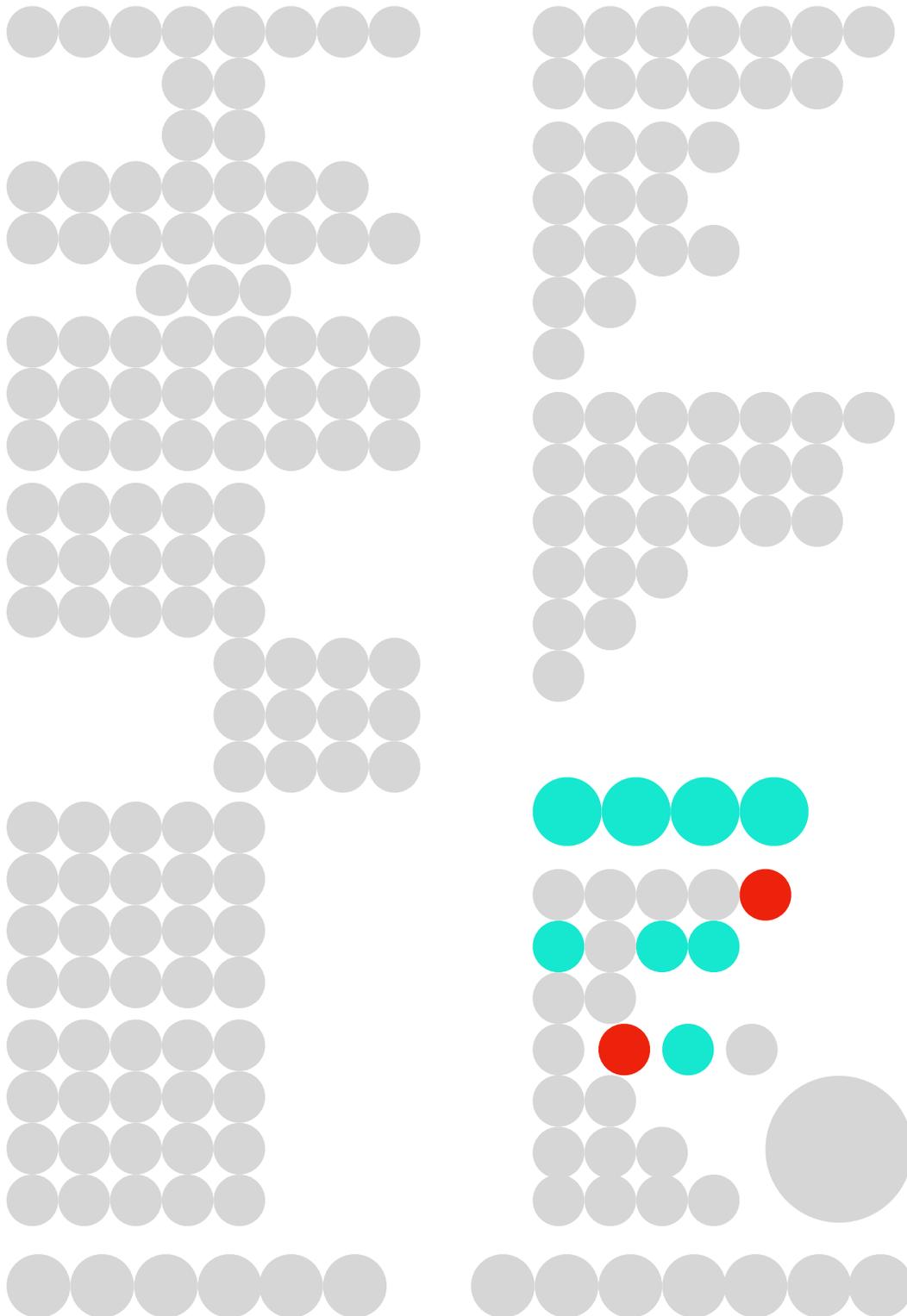
- **Đoàn thiết:** tức là bọn thiện vật có 10 sắc là sắc thân kinh thiết, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THIẾT



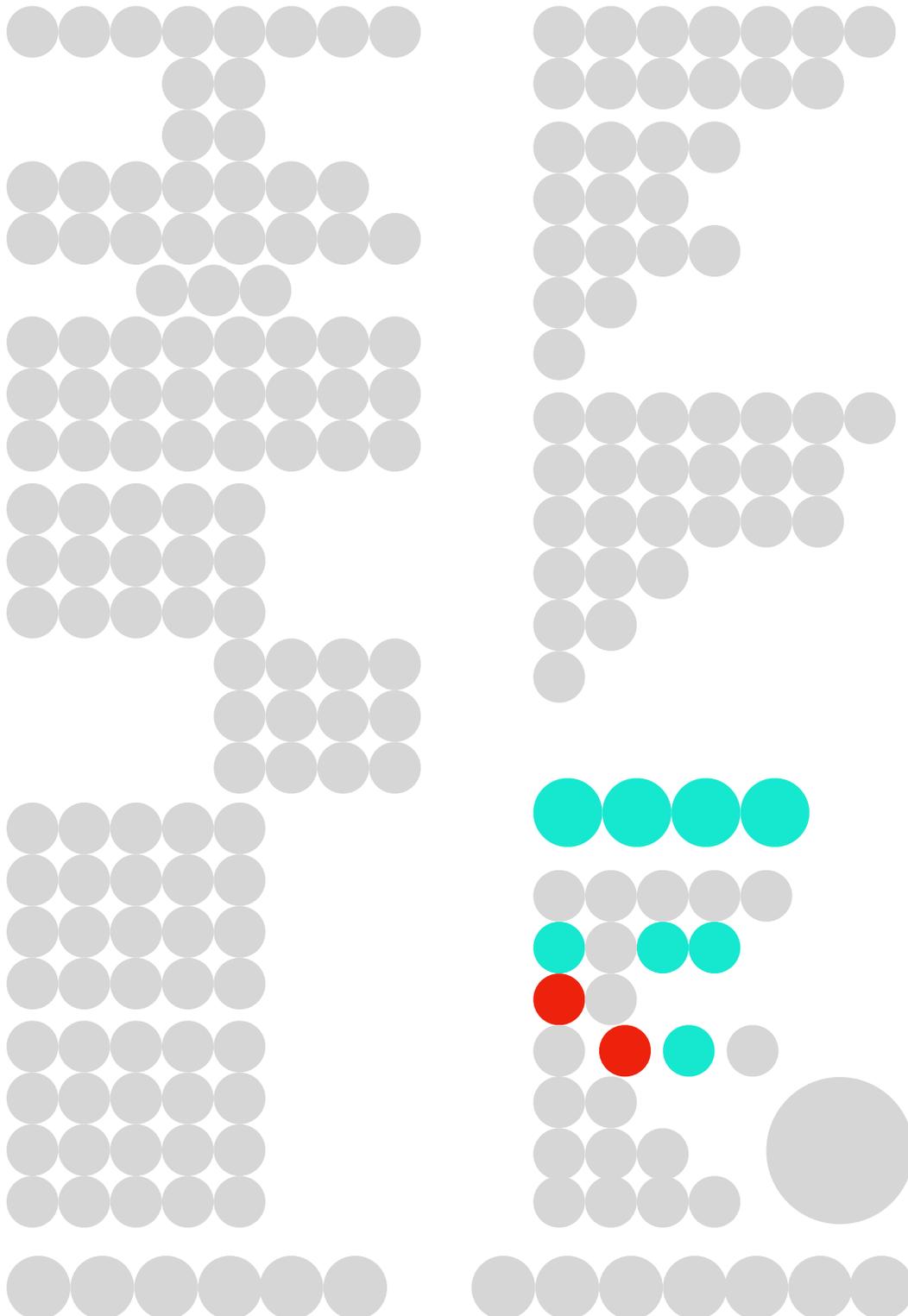
- **Đoàn thân:** là bốn sắc thân vật có 10 sắc là sắc thân kinh thân, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN



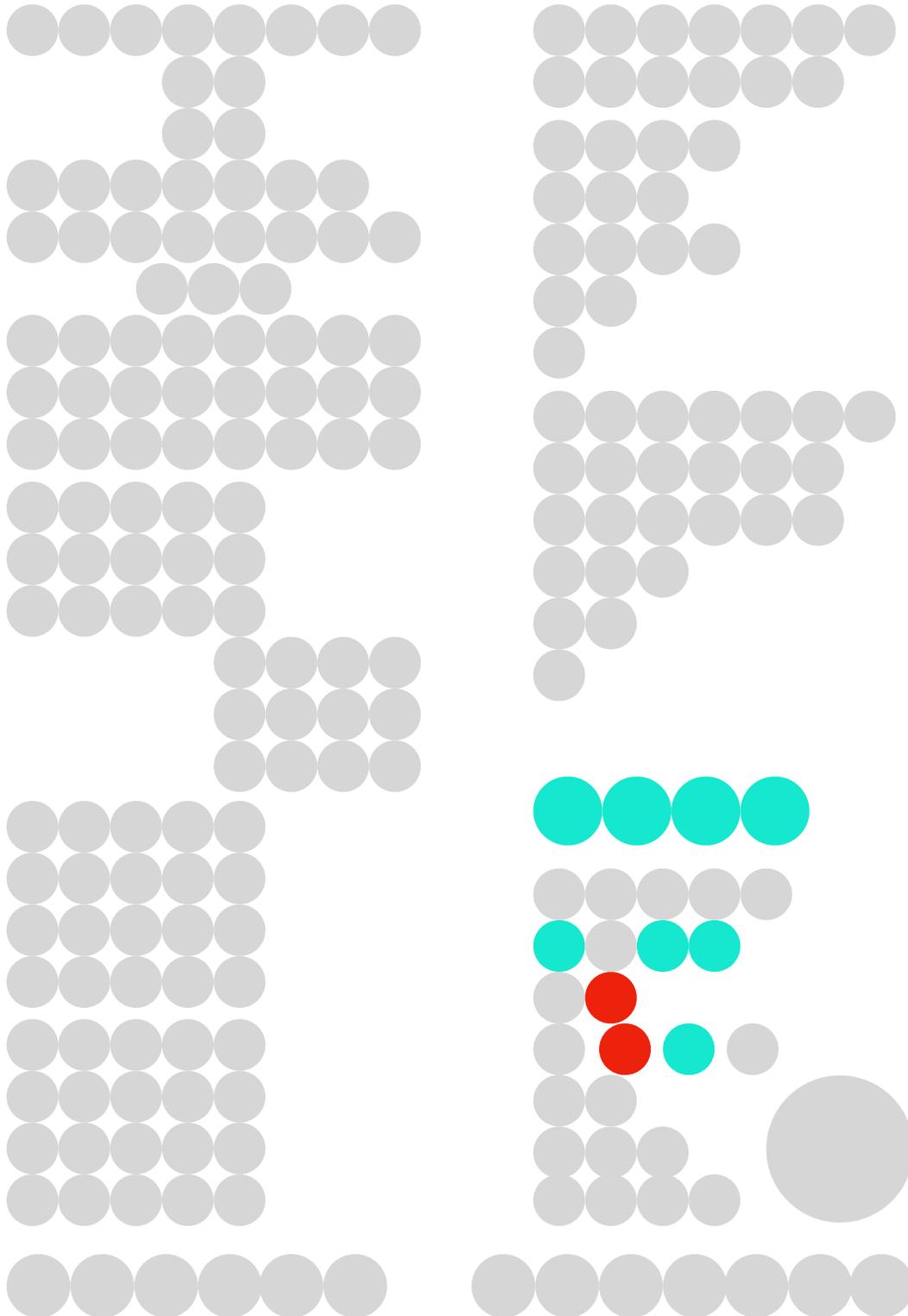
- **Đoàn nam tính:** là bọn sắc nam tính, có 10 sắc là sắc nam tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NAM TÍNH



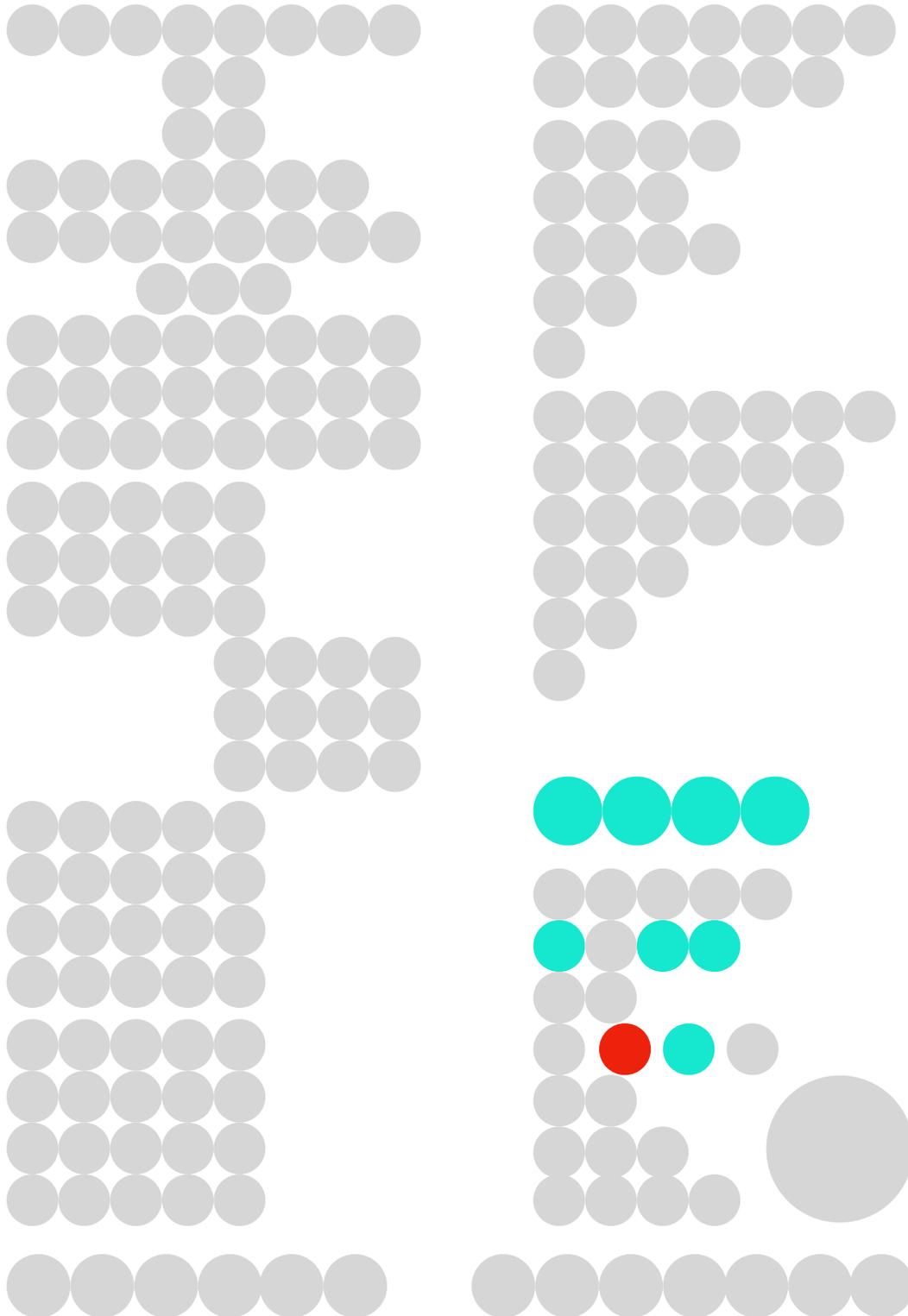
- **Đoàn nữ tính:** là bốn sắc nữ tính, có 10 sắc là sắc nữ tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NỮ TÍNH



- **Đoàn mạng quyền:** có sắc là 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

ĐOÀN MẠNG QUYỀN



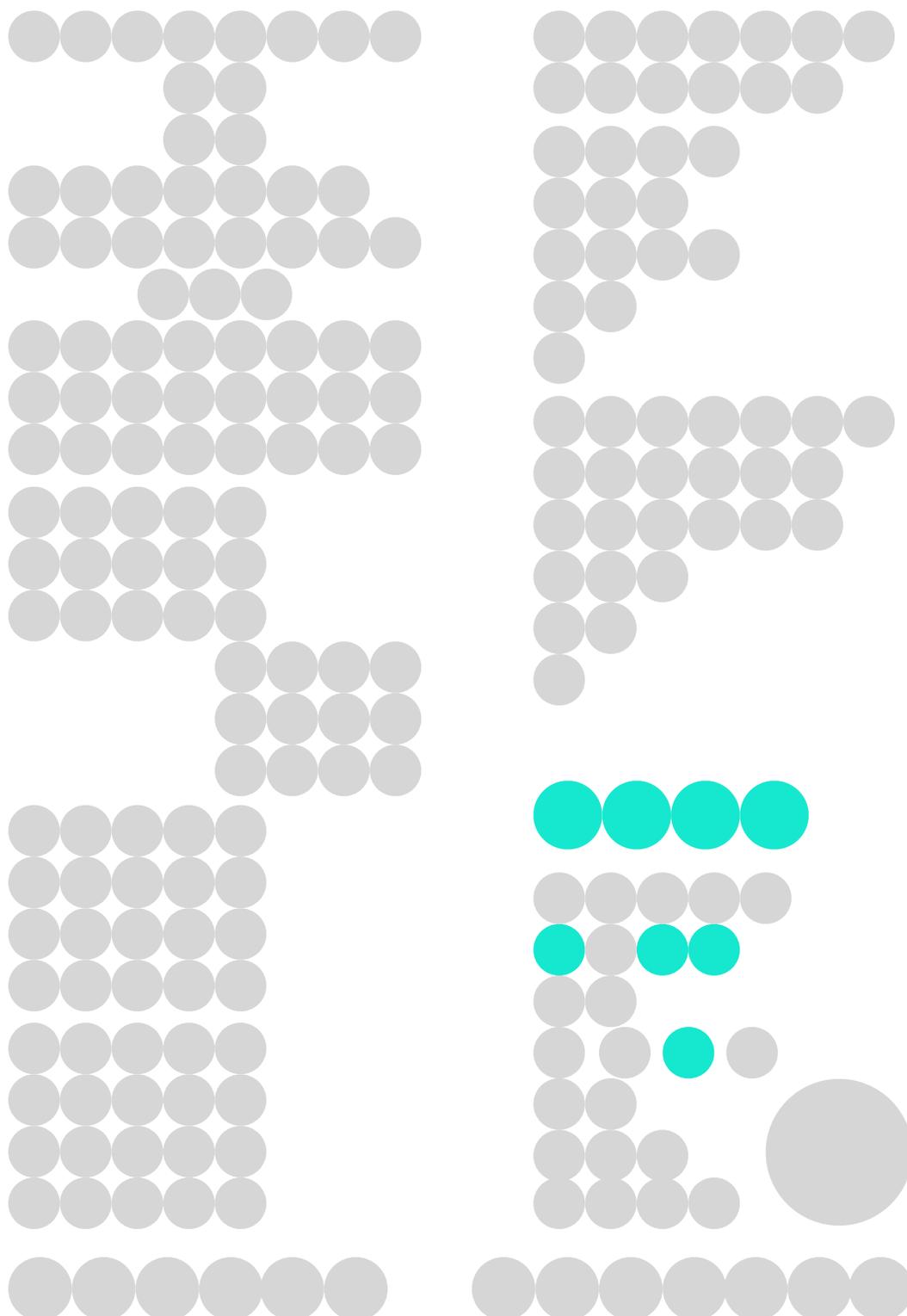
2. Sắc tâm:

Sắc tâm là sắc do tâm tạo để sai khiến sự hành động như đi, đứng, nằm, ngồi, im lặng.

Sắc do tâm tạo có 6 đoàn là:

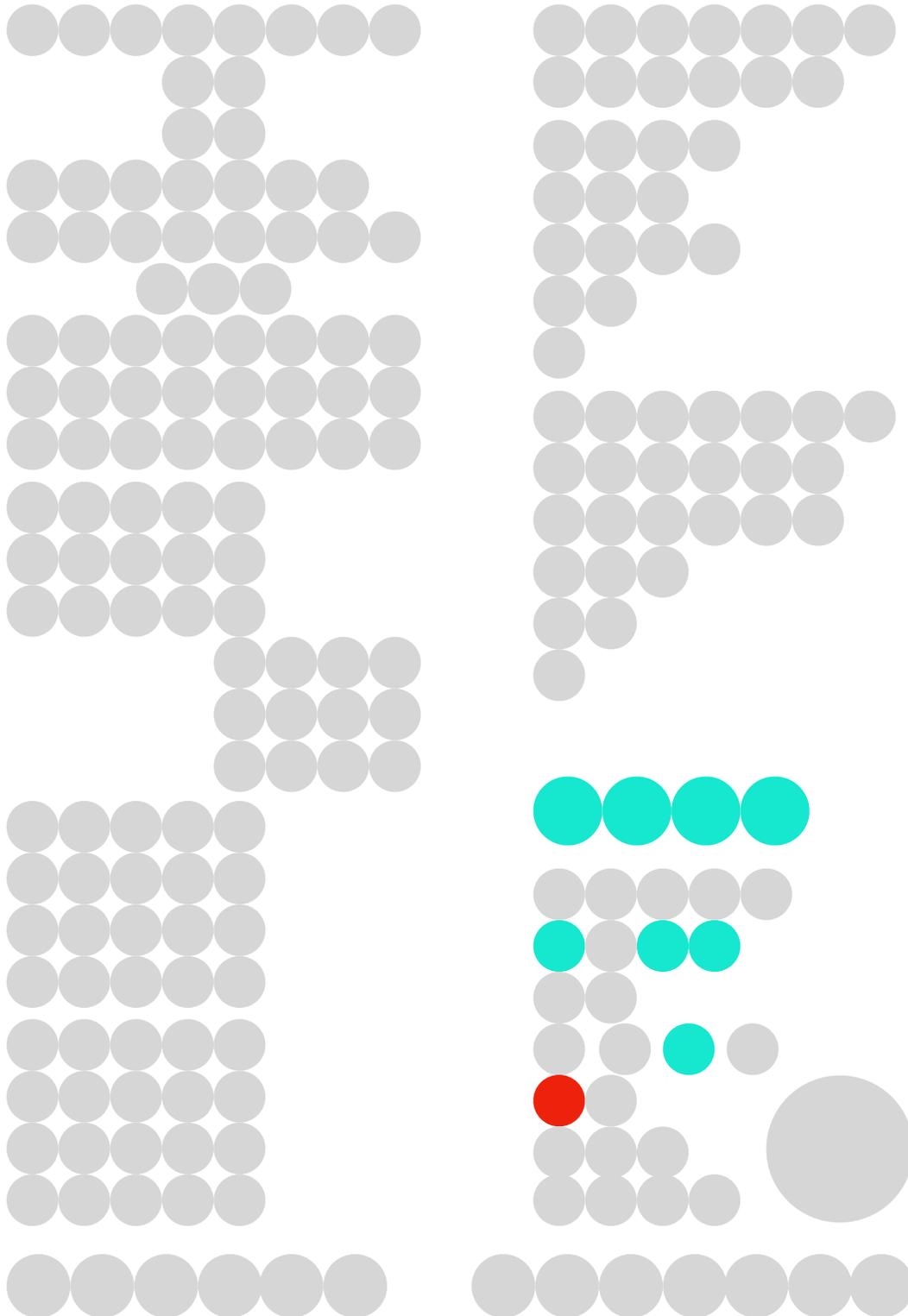
- **Đoàn bát thuẫn** tức là 8 sắc bất ly.

ĐOÀN BÁT THUẦN



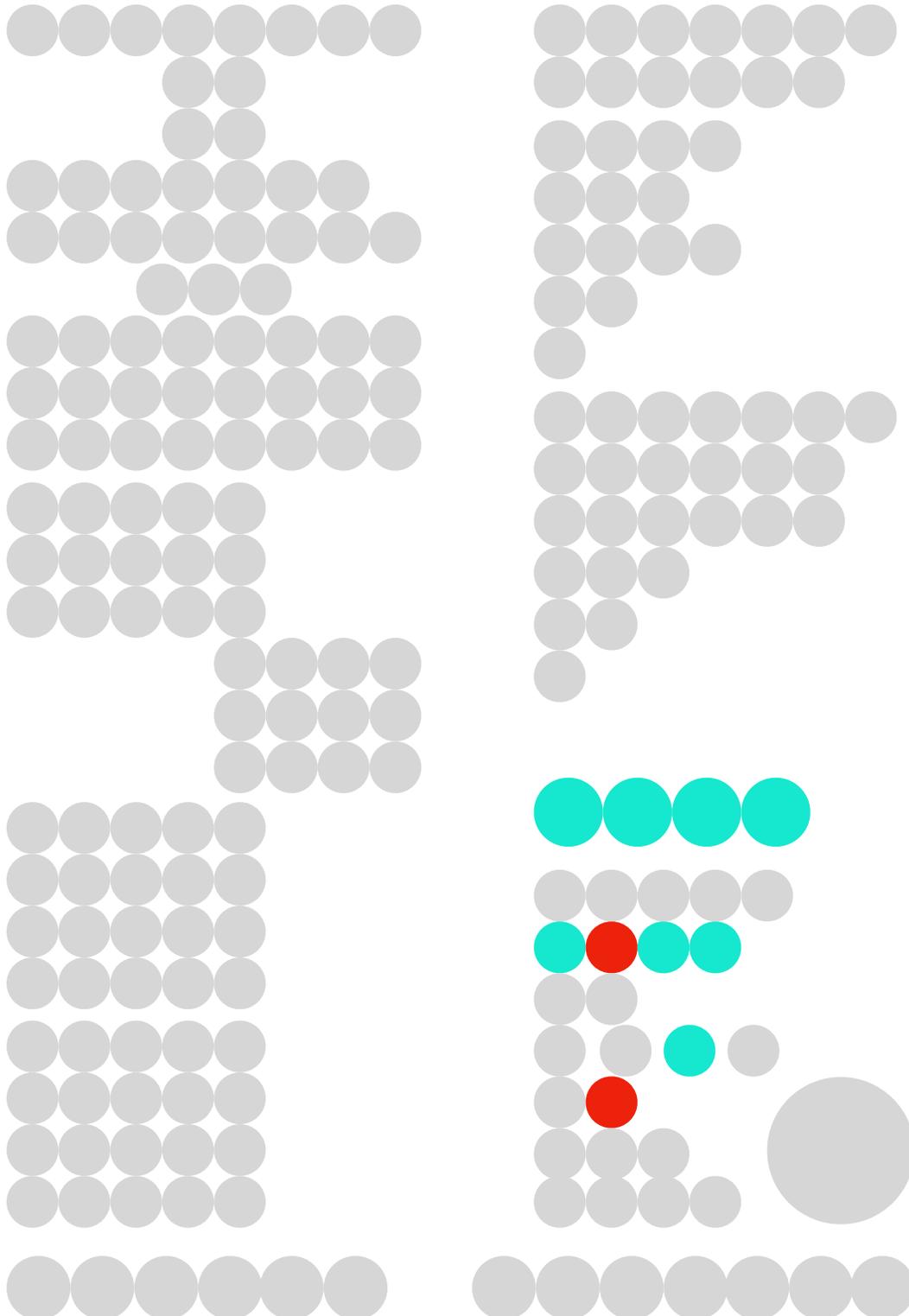
- **Đoàn thân biểu tri** có 9 sắc là sắc thân biểu tri và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN BIỂU TRI



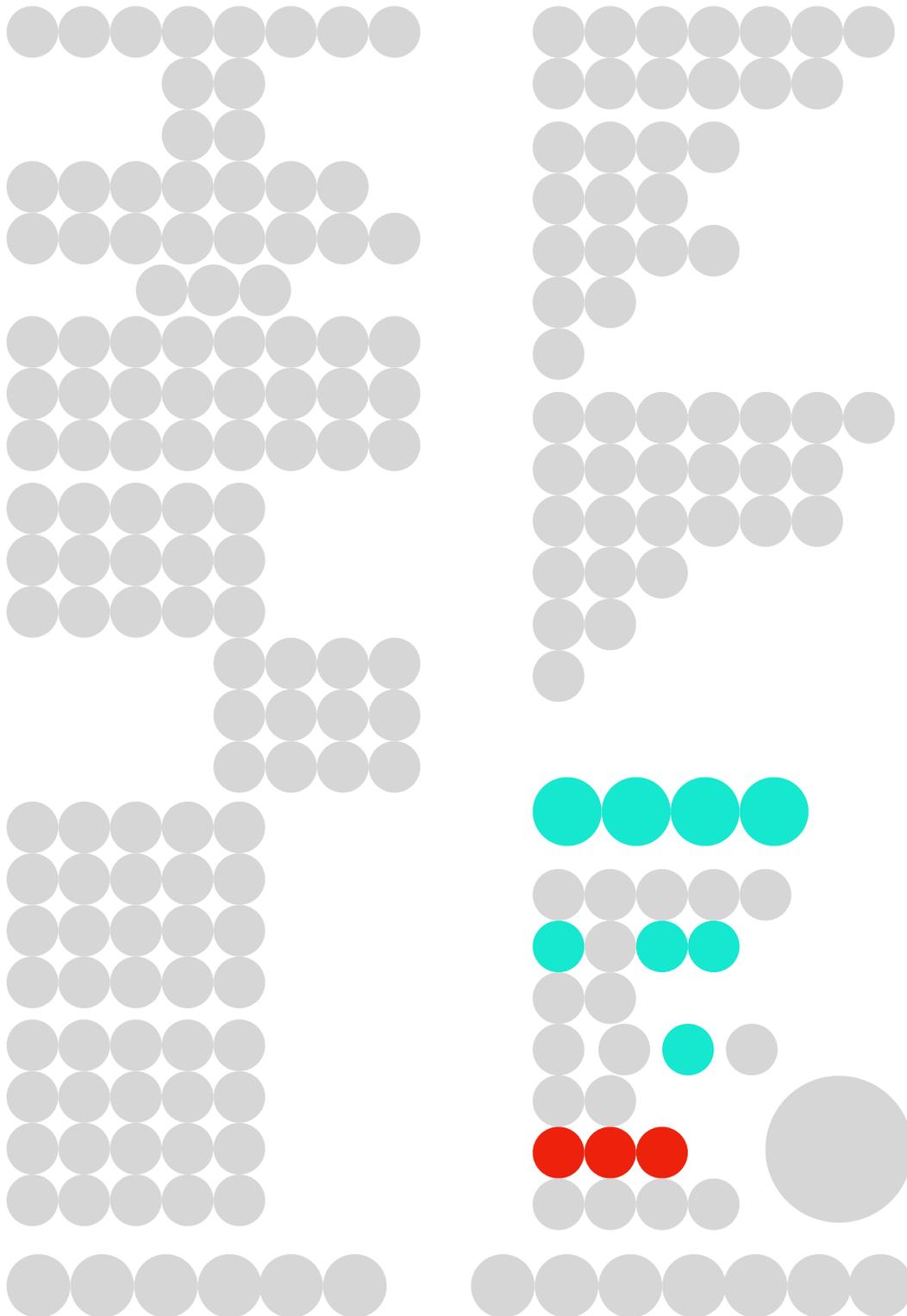
- **Đoàn khẩu biểu tri** có 10 sắc là sắc cảnh thính, sắc khẩu biểu tri và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN KHẨU BIỂU TRI



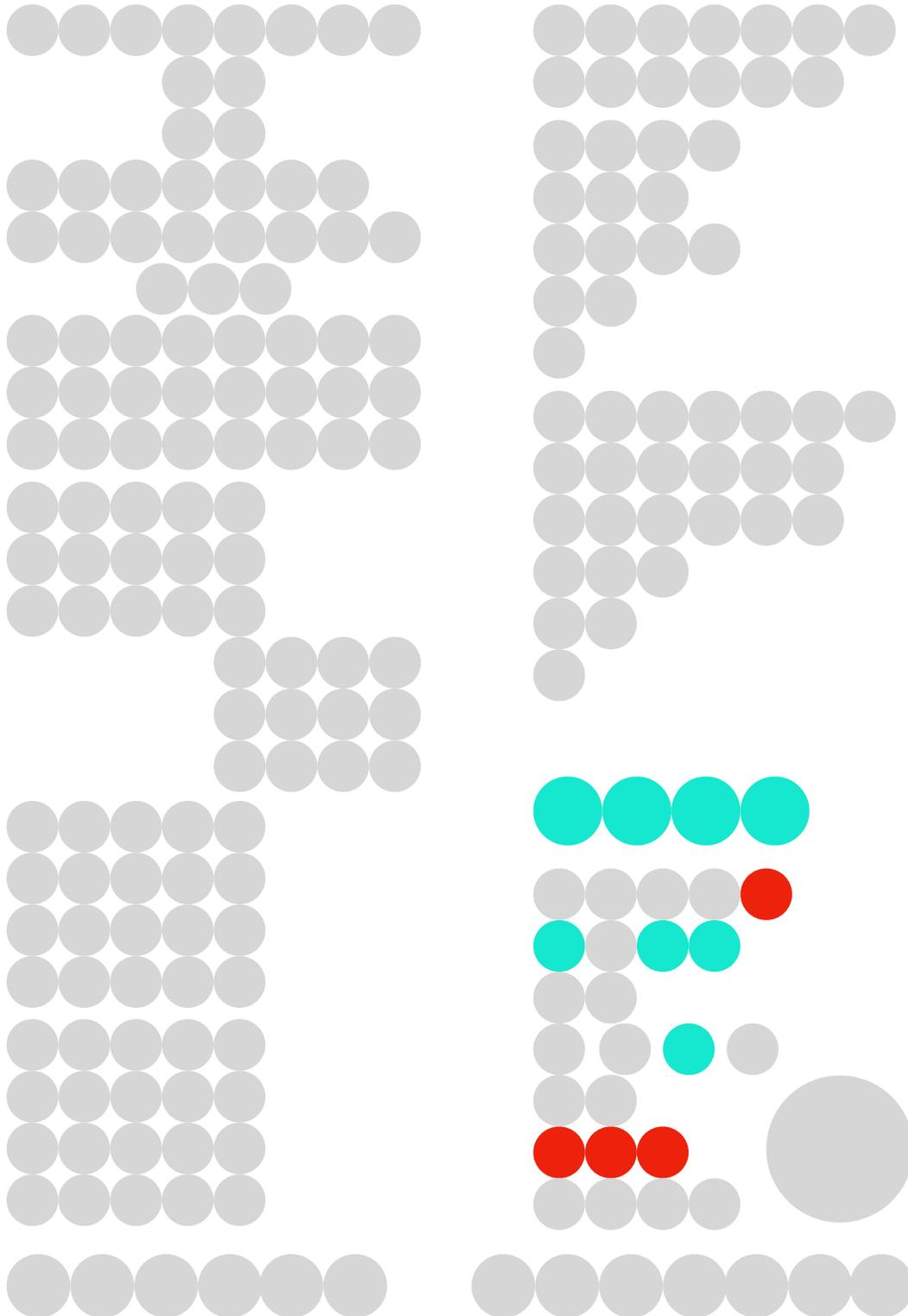
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN ĐẶC BIỆT



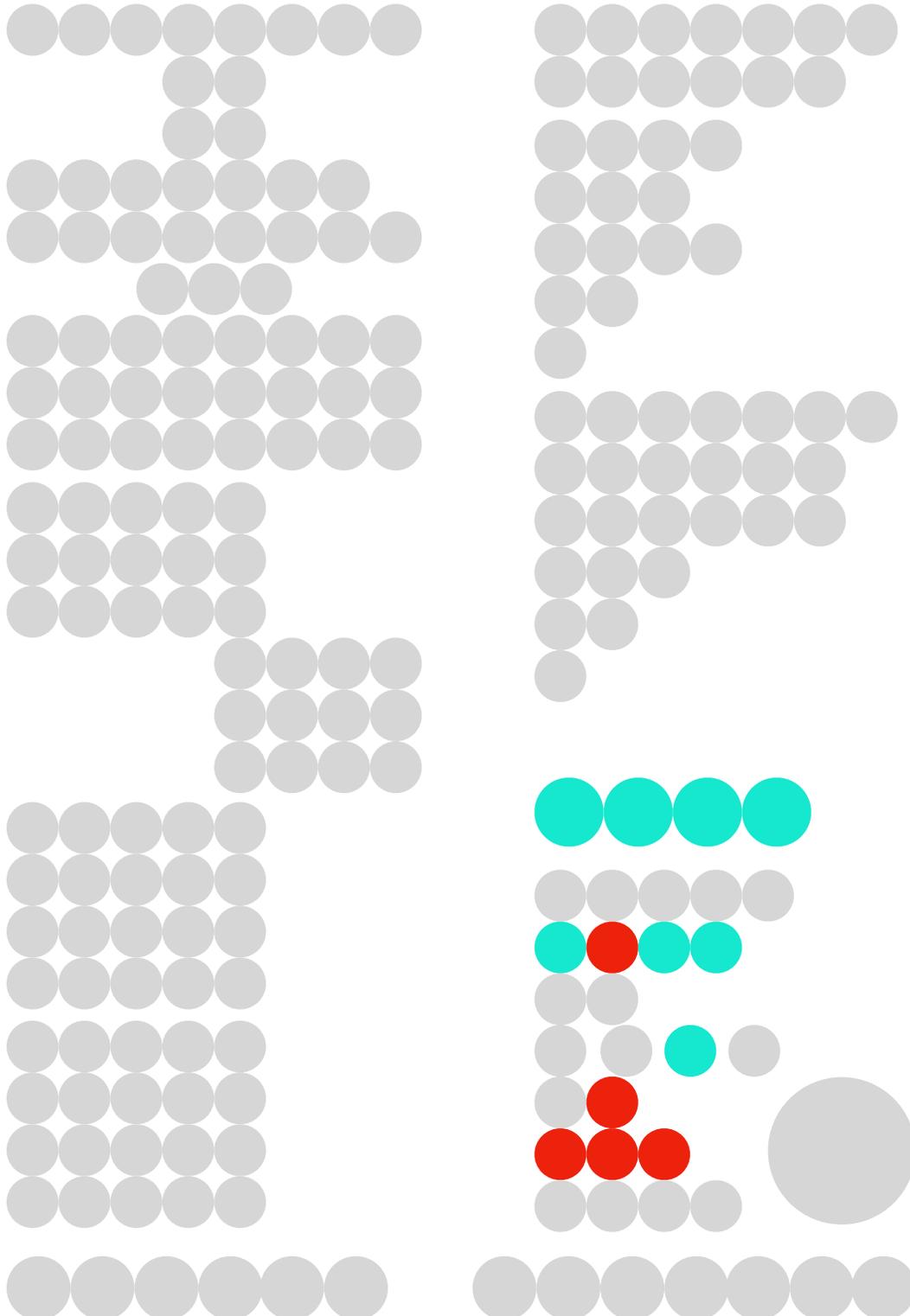
- **Đoàn thân đặc biệt** có 12 sắc là sắc thân biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN ĐẶC BIỆT



- **Đoàn khẫu tinh đặc biệt** có 13 sắc là sắc cảnh tinh, sắc khẫu biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN KHẦU - THINH ĐẶC BIỆT

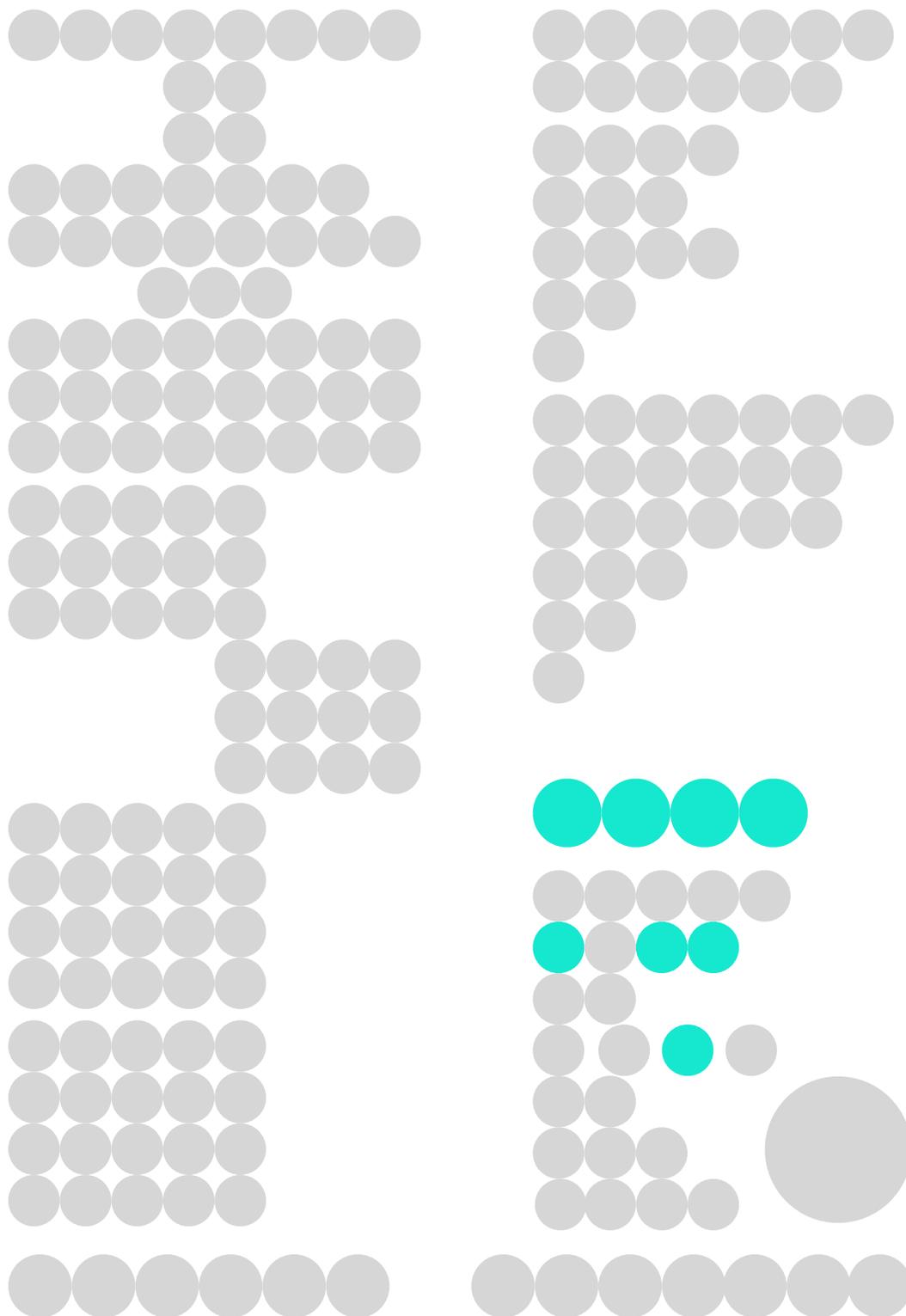


3. **Sắc âm dương:** là sắc do thời tiết nóng lạnh tạo ra, còn gọi là sắc quý tiết.

Sắc âm dương có 4 đoàn:

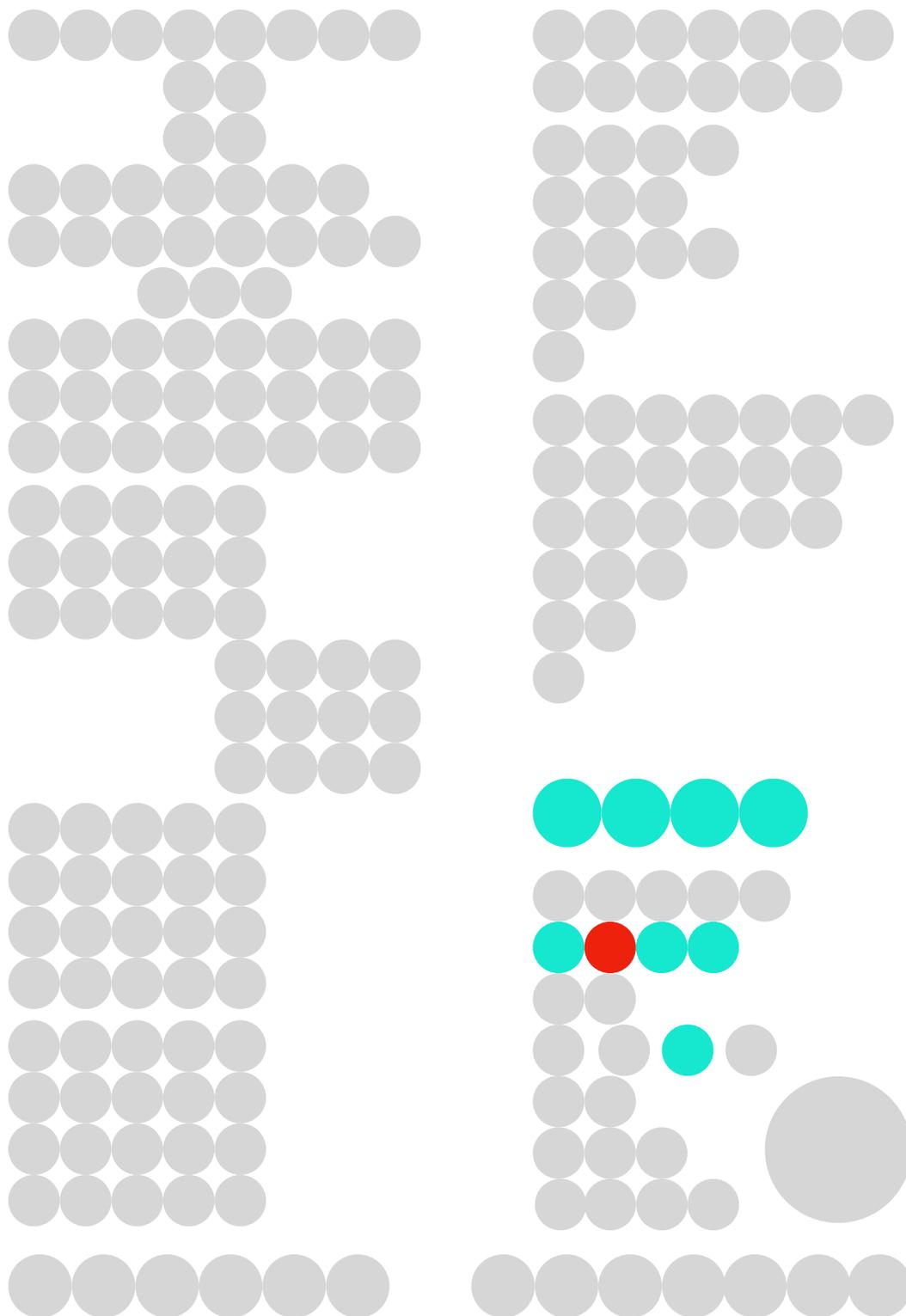
- **Đoàn bát thuẫn** là 8 sắc bất ly.

ĐOÀN BÁT THUẦN



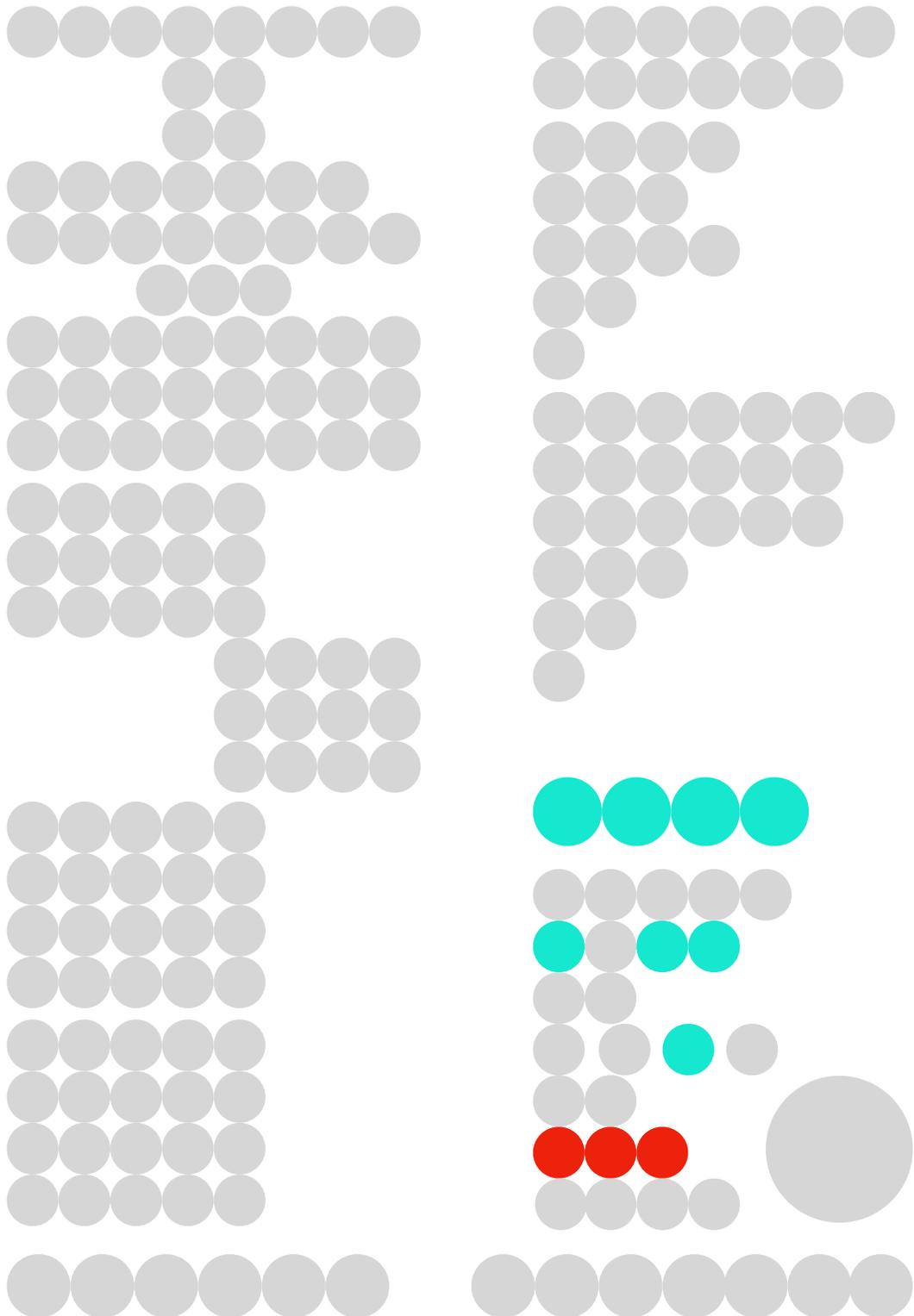
- **Đoàn thính** có 9 sắc là sắc cảnh thính và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÍNH



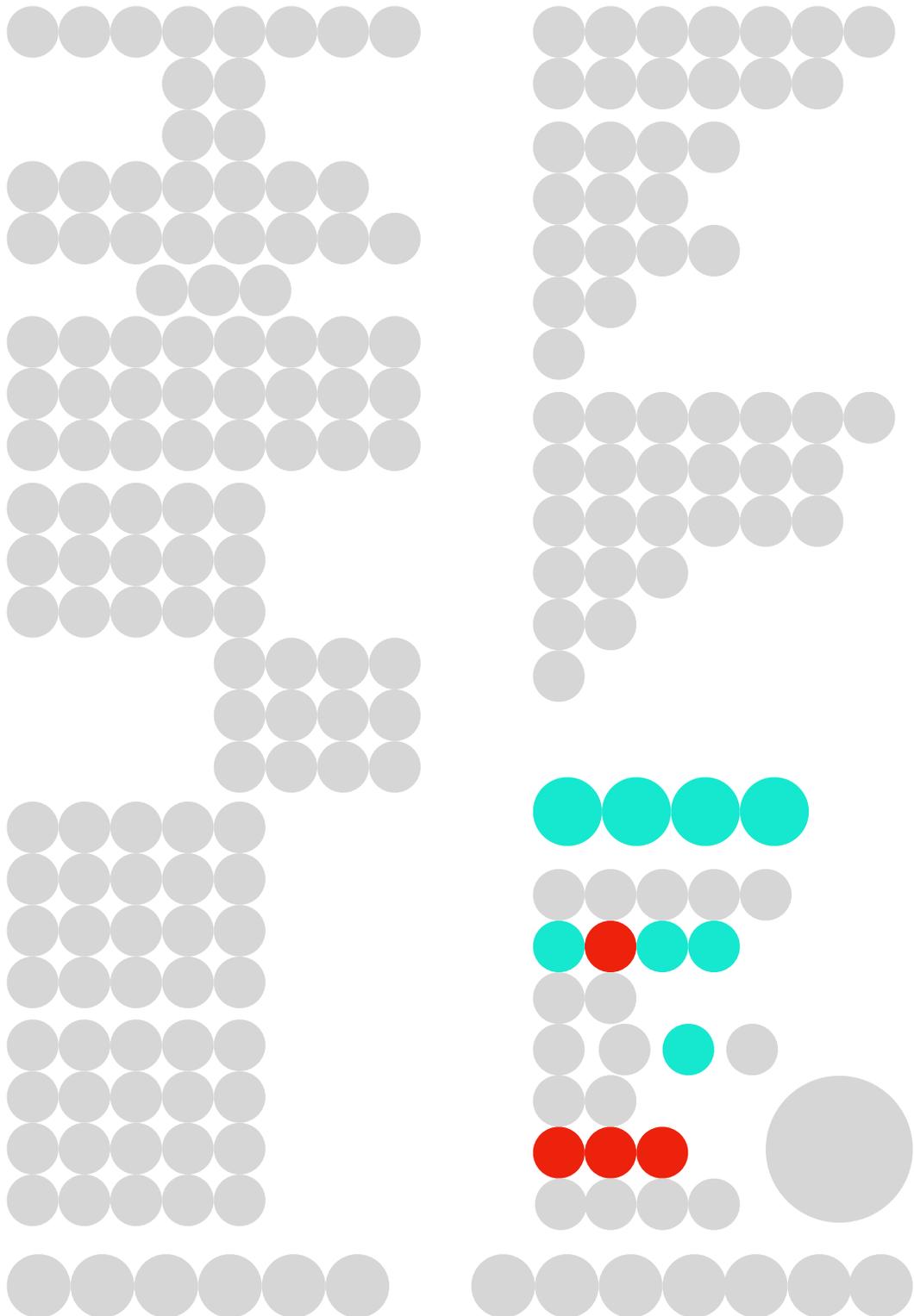
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN ĐẶC BIỆT



- **Đoàn thính đặc biệt** có 12 sắc là sắc cảnh thính, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

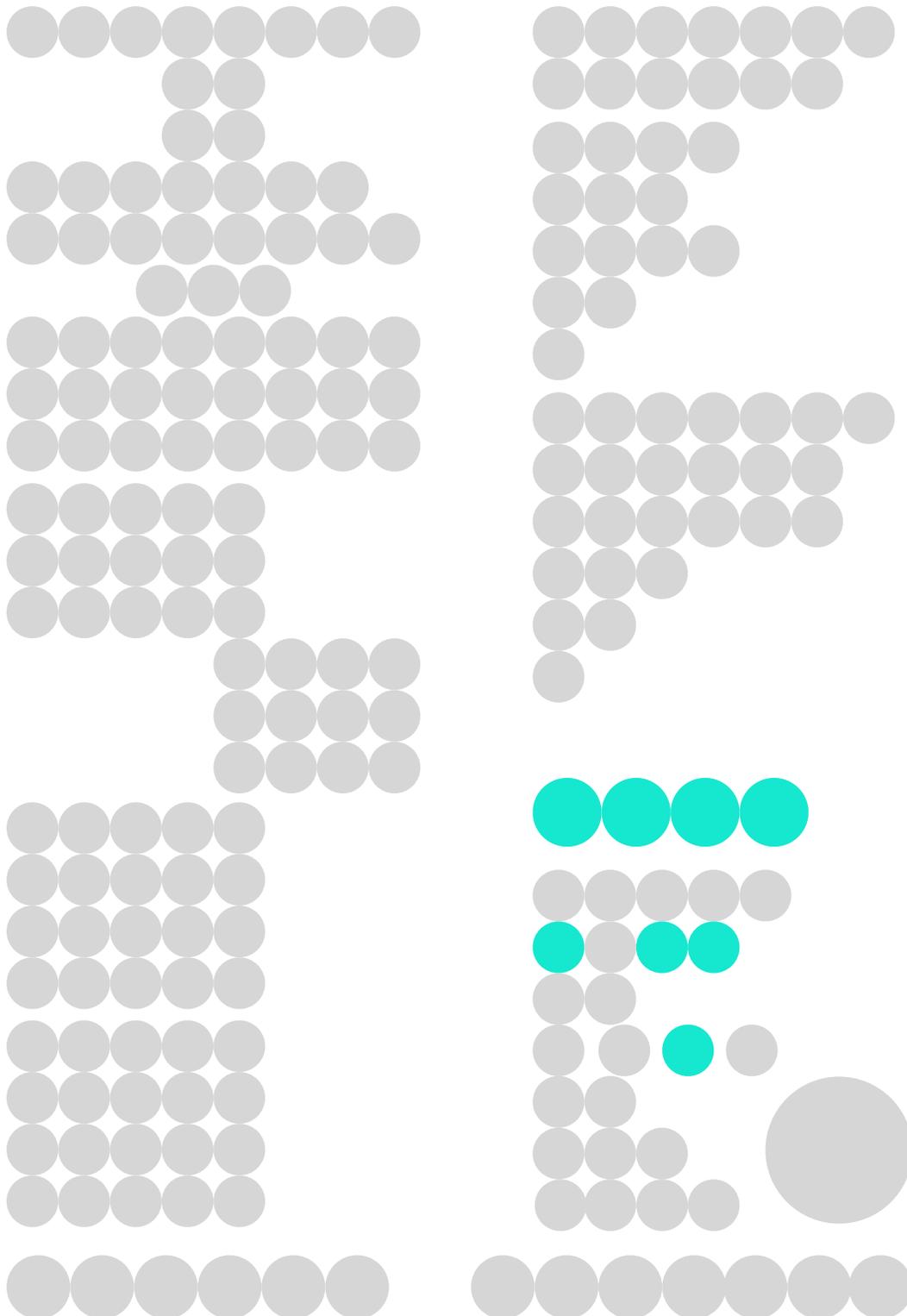
ĐOÀN THÍNH ĐẶC BIỆT



4. **Sắc vật thực:** là chất dinh dưỡng. Có 2 đoàn:

- **Đoàn bát thuẫn** là 8 sắc bất ly

ĐOÀN BÁT THUẦN



5. **Sắc tục sinh:** là sắc pháp sinh ra trong lúc tái sinh.

- Cõi dục giới hóa sanh và thấp sanh tục sinh được 7 đoàn:
 - Đoàn nhãn
 - Đoàn nhĩ
 - Đoàn tỷ
 - Đoàn thiệt
 - Đoàn thân
 - Đoàn tâm
 - Đoàn tục sinh

**Cõi dục giới hóa sanh và thấp
sanh tục sinh được 7 đoàn:**

1. Đoàn nhãn

2. Đoàn nhĩ

3. Đoàn tỷ

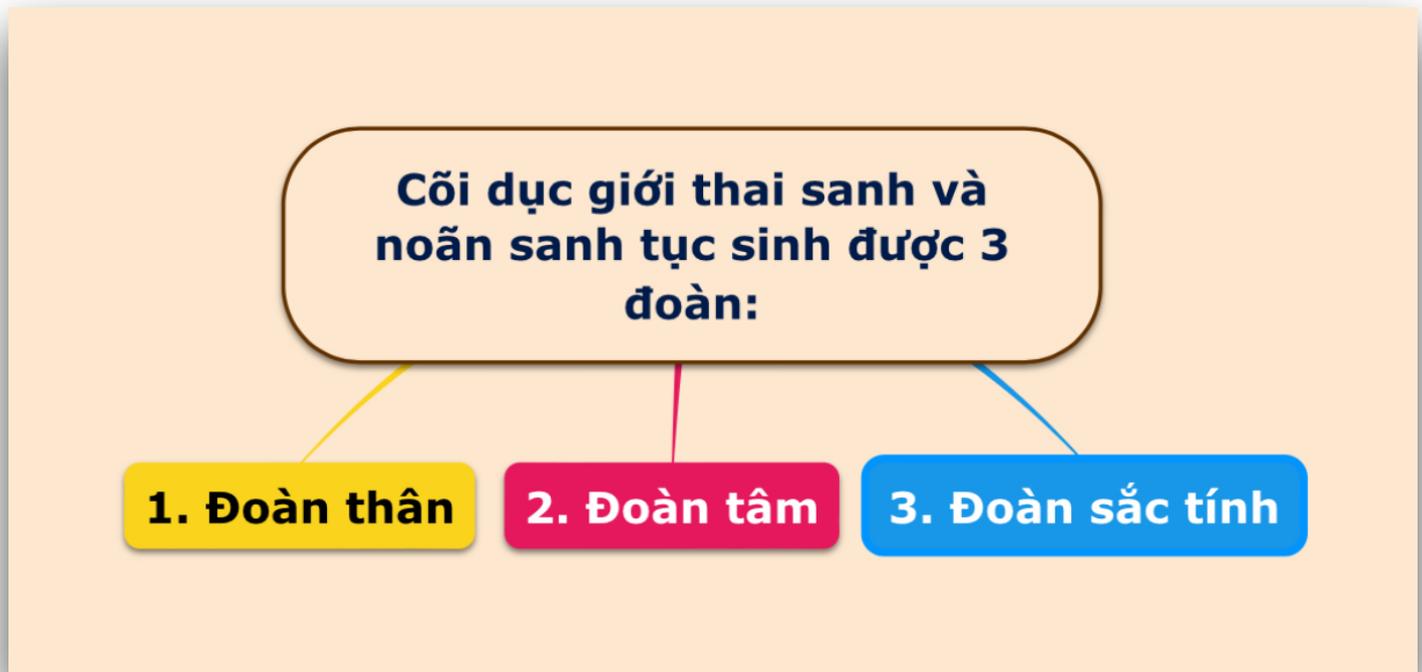
4. Đoàn thiệt

5. Đoàn thân

6. Đoàn tâm

7. Đoàn tục sinh

- Cối dục giới thai sanh và noãn sanh tục sinh được 3 đoàn:
 - Đoàn thân
 - Đoàn tâm
 - Đoàn sắc tính



- Cối sắc giới vô tướng tục sinh: Chỉ có một đoàn là:
 - Đoàn mạng quyền

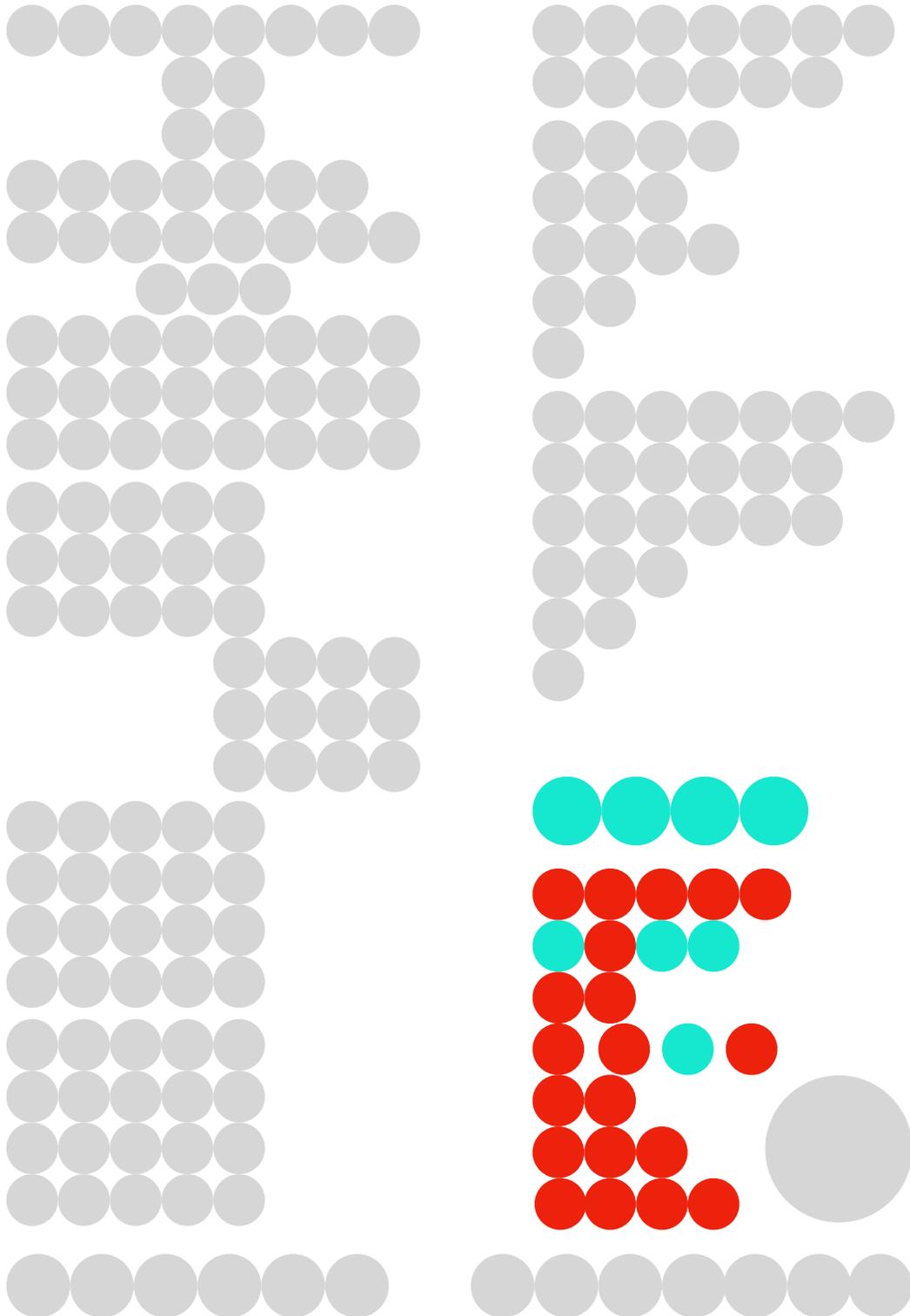
**Cối sắc giới vô tướng tục
sinh: Chỉ có 1 đoàn**

Đoàn mạng quyền

6. **Sắc bình nhật:** là sắc pháp diễn ra hằng ngày trong đời sống bình thường tức là không phải lúc tục sinh và tử.

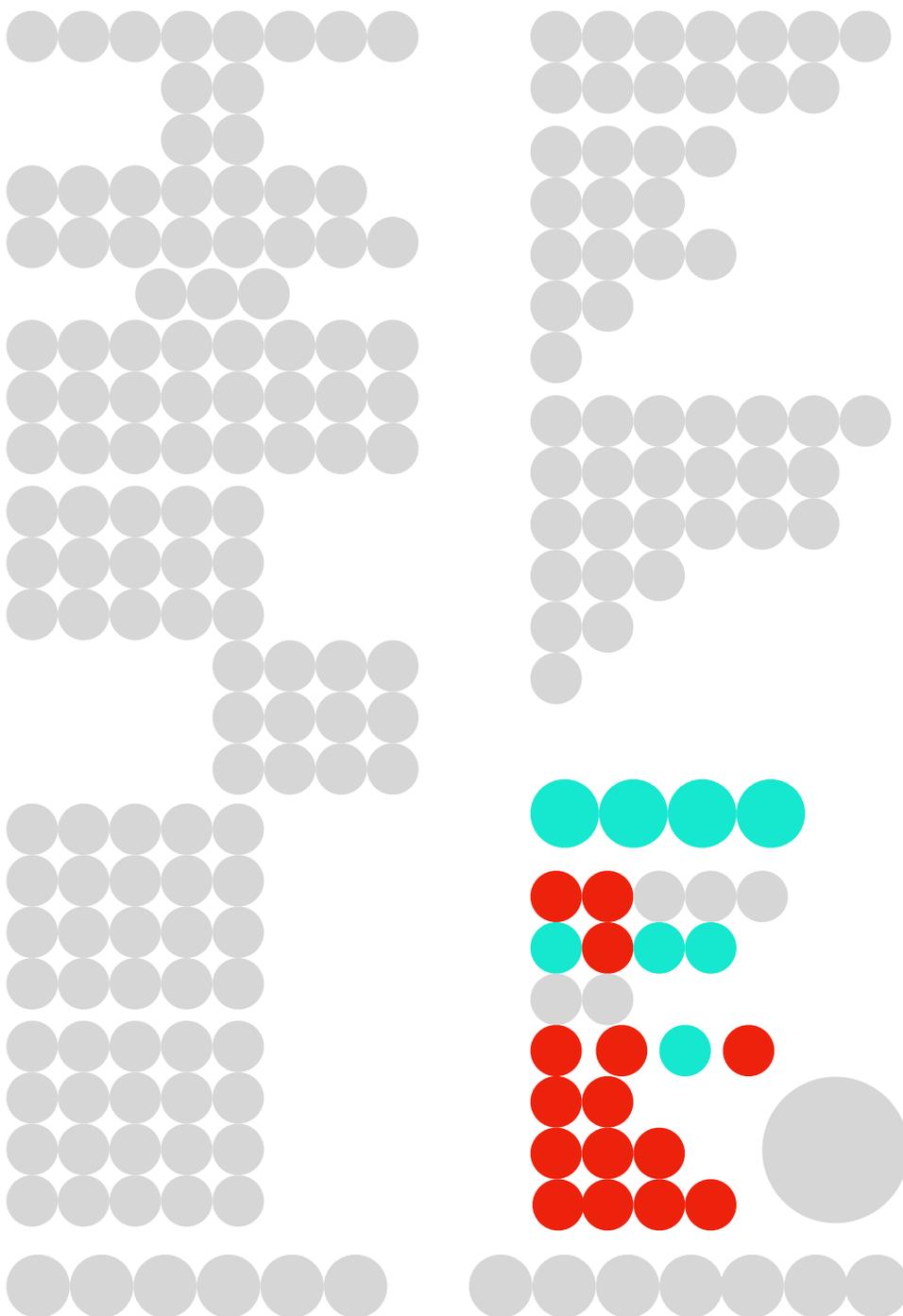
- Cỗ dực giới lúc bình nhật có đủ 28 sắc pháp.

SẮC BÌNH NHẬT CỖ DỰC GIỚI - 28



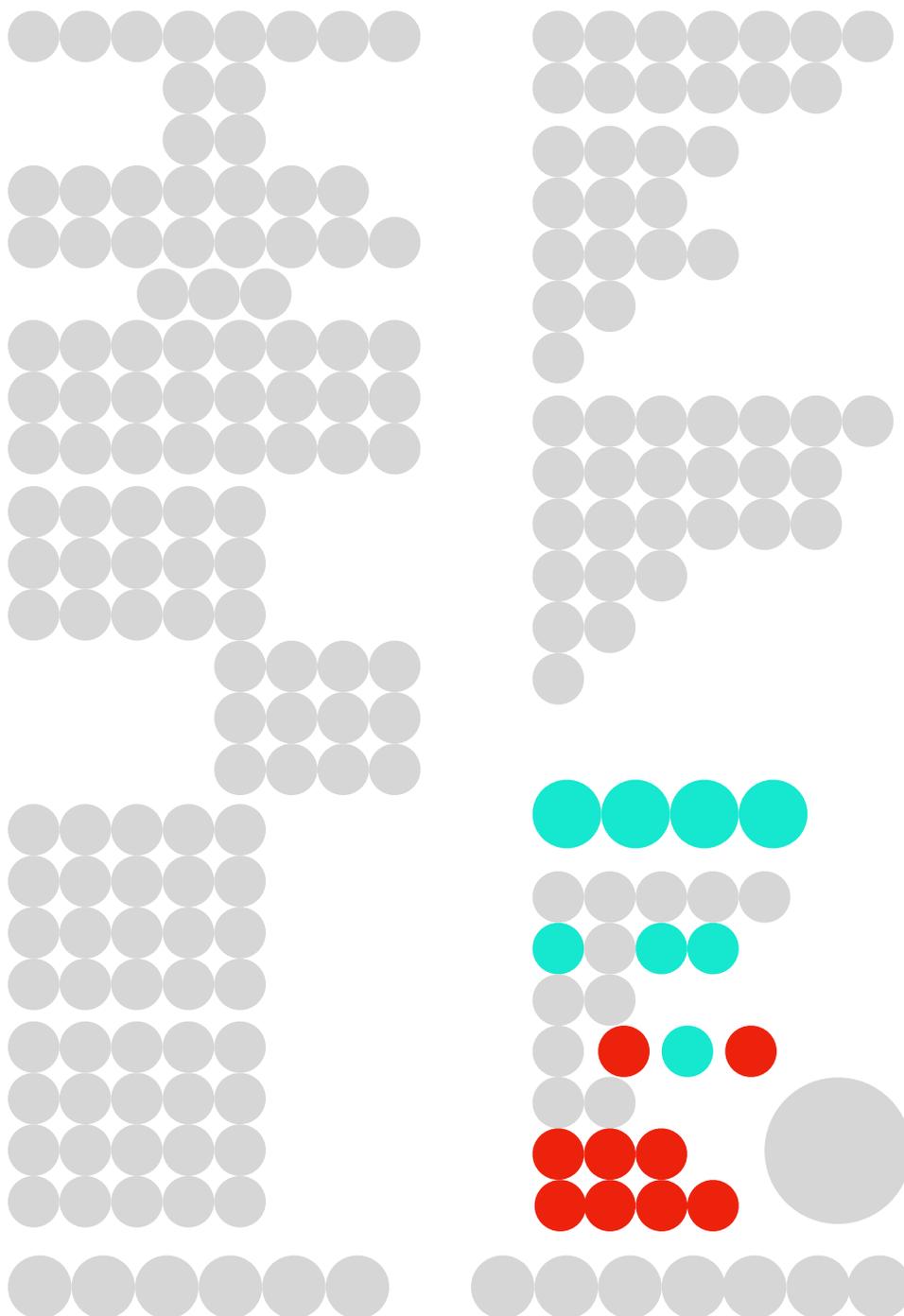
- Cỗ sắc giới lúc bình nhật có 24 sắc pháp trừ sắc thân kinh tử, sắc thân kinh thiết, sắc thân kinh thân và sắc trạng thái (sắc nam tính, nữ tính).

SẮC BÌNH NHẬT CỖ SẮC GIỚI - 24



- Cỗ sắc giới vô tướng lúc bình nhật có 17 sắc pháp trừ 5 sắc thân kinh, 1 sắc ý vật, 2 sắc tính, 2 sắc biểu tri và 1 sắc thính.

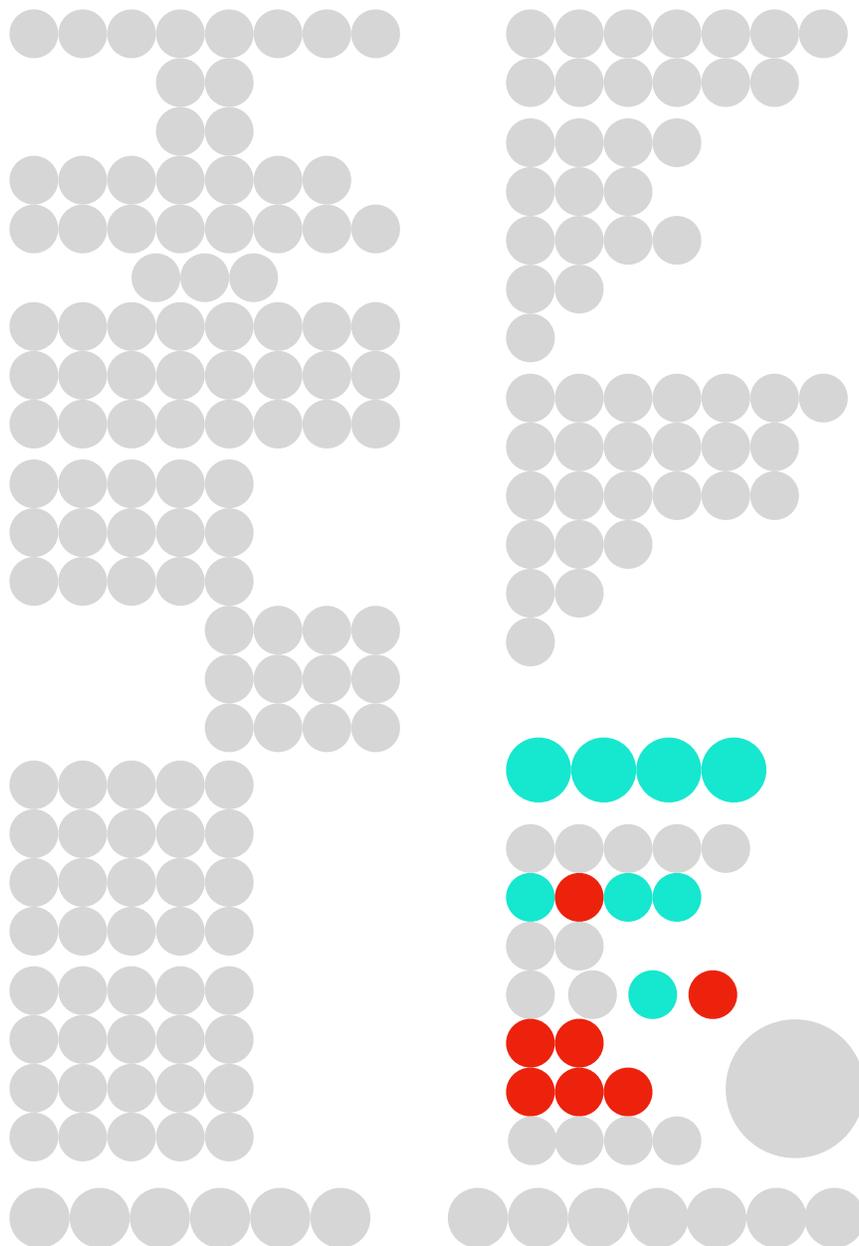
SẮC BÌNH NHẬT CỖ VÔ TƯỚNG - 17



7. **Sắc tâm hành động:** là sắc pháp được tâm sai khiến để hiện bày ra.

Trong 28 sắc pháp thì tâm tạo được 15 sắc pháp: đó là 8 sắc bất ly, 1 sắc cảnh thính, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt.

SẮC DO TÂM TẠO - 15



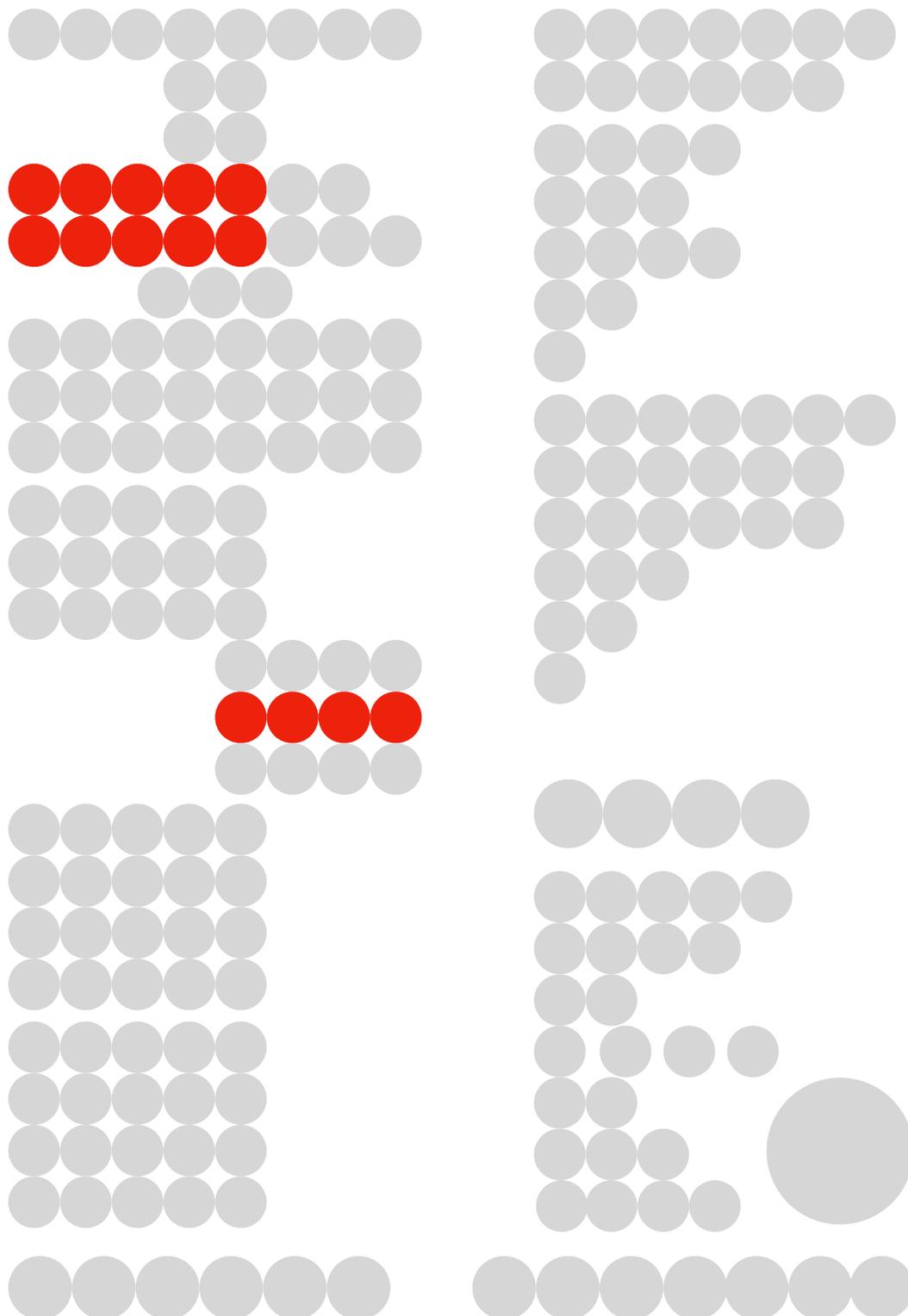
Trong 121 thứ tâm có 107 tâm tạo được sắc pháp.

TÂM TẠO ĐƯỢC SẮC PHÁP - 107



14 tâm không tạo được sắc pháp là: ngũ song thức và 4 tâm quả vô sắc.

TÂM KHÔNG TẠO ĐƯỢC SẮC PHÁP - 14

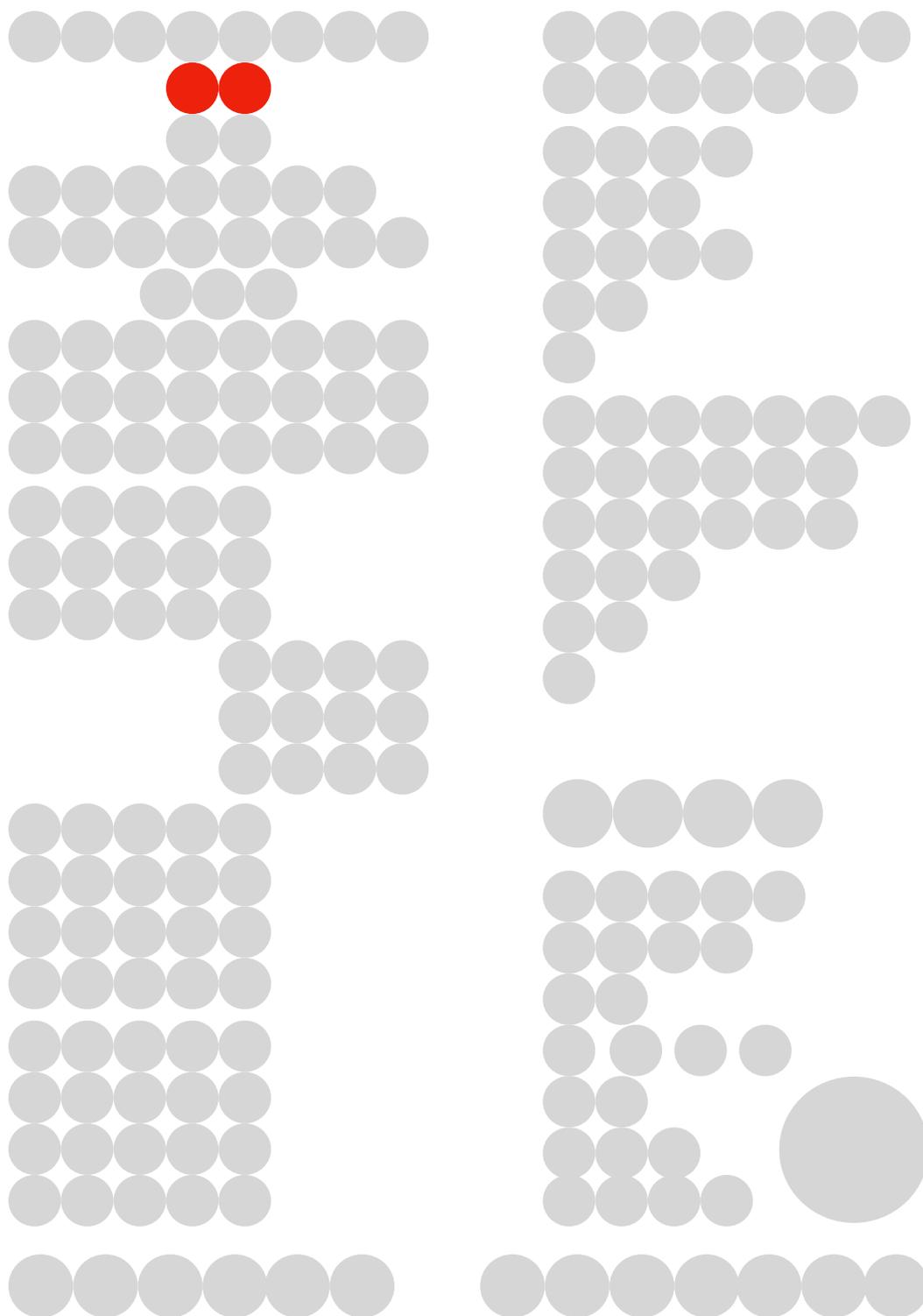


Sắc tâm hành động có 7 cách:

- Cách bình thường
- Cách cười
- Cách khóc
- Cách nói
- Cách tiểu oai nghi
- Cách đại oai nghi
- Cách kèm vững 3 đại oai nghi (trừ đi)

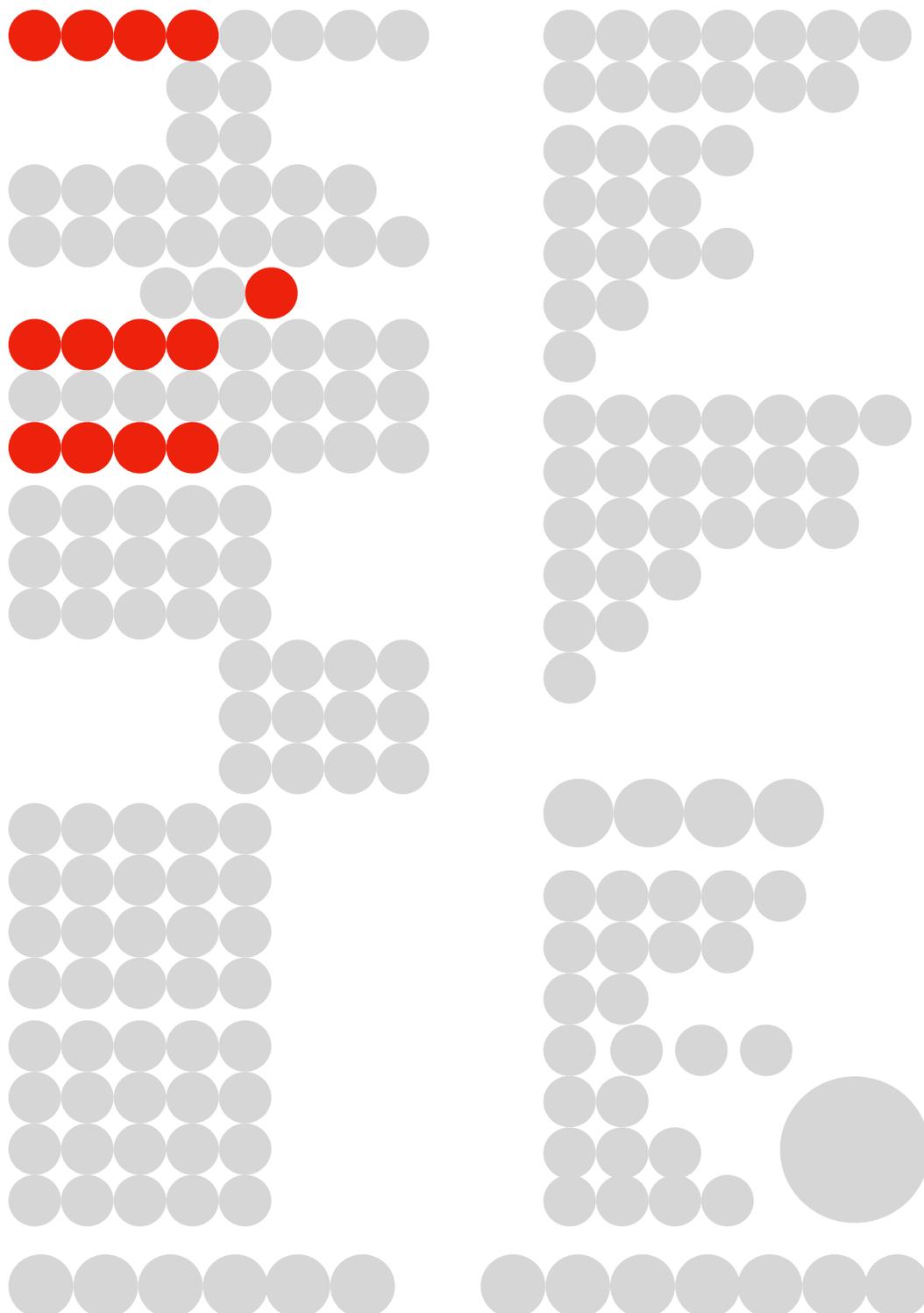
- Tâm làm việc khóc: 2 tâm sân

TÂM LÀM VIỆC KHÓC - 2



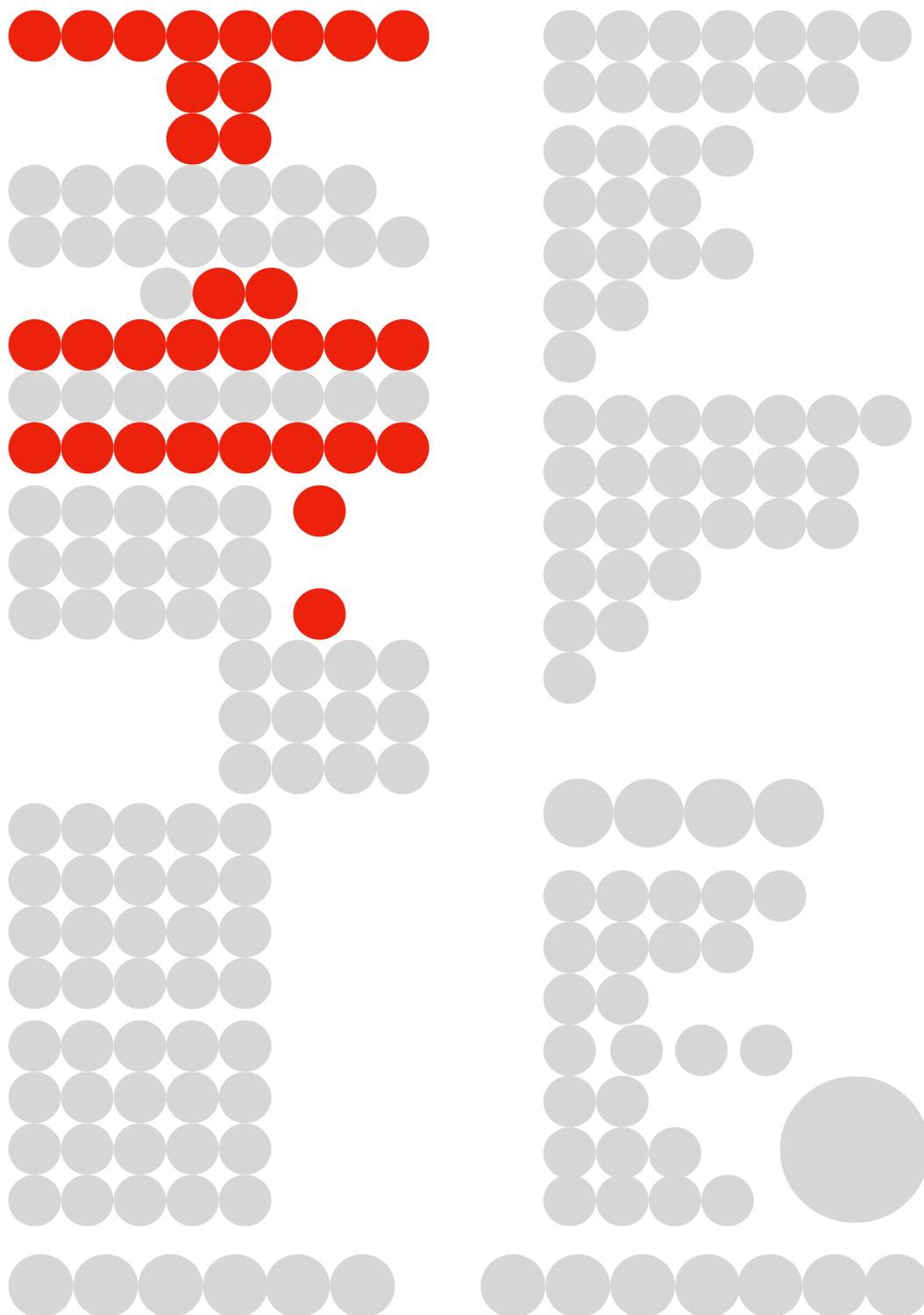
- Tâm làm việc cười: 4 tâm tham thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiêu thọ hỷ, 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác DGTH thọ hỷ.

TÂM LÀM VIỆC CƯỜI -13



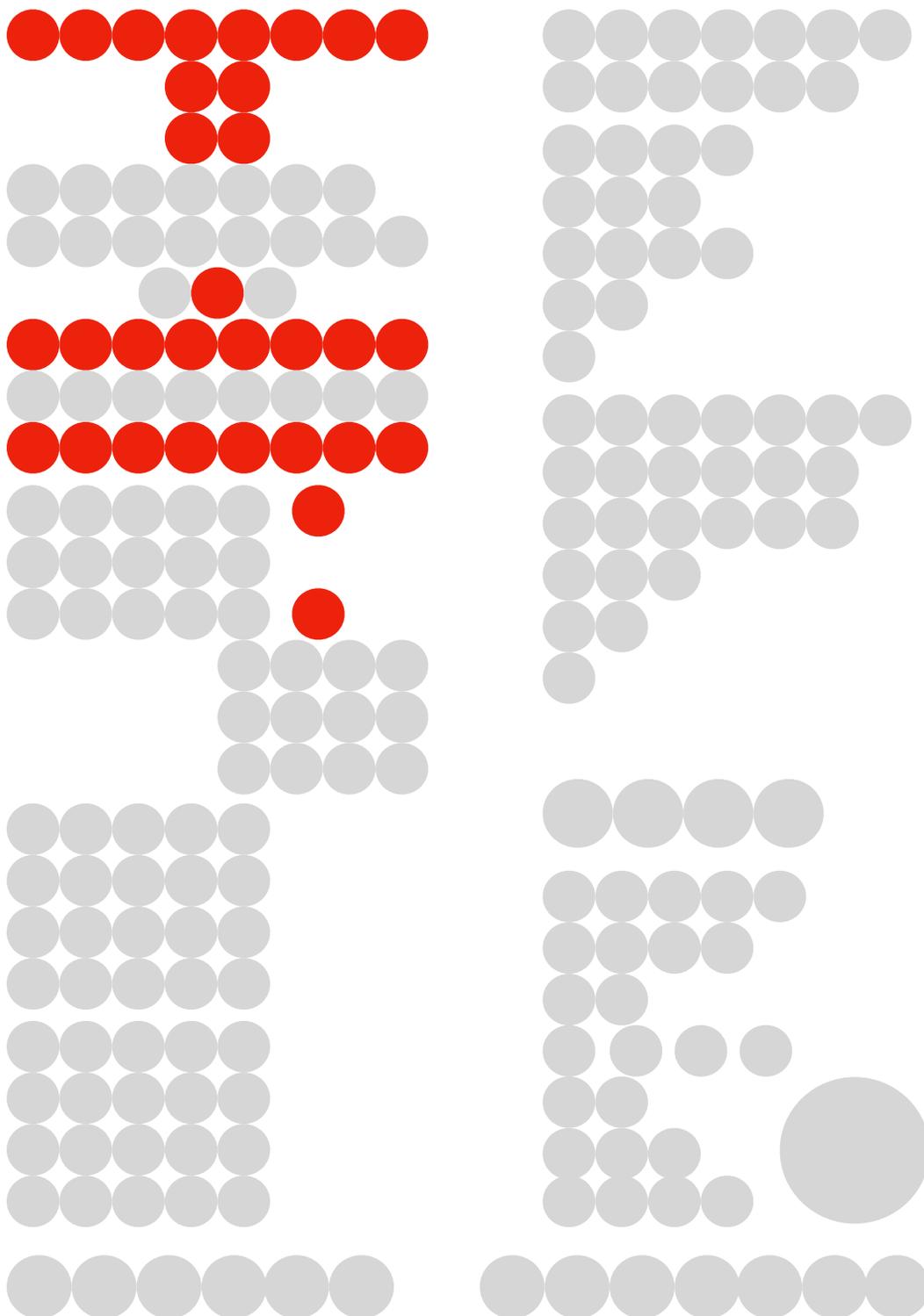
- Tâm làm việc nói: 12 tâm bất thiện, tâm khán ý môn, tâm ứng cúng vi tiêu, 2 tâm thông (diệu trí), 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH.

TÂM LÀM VIỆC NÓI - 32



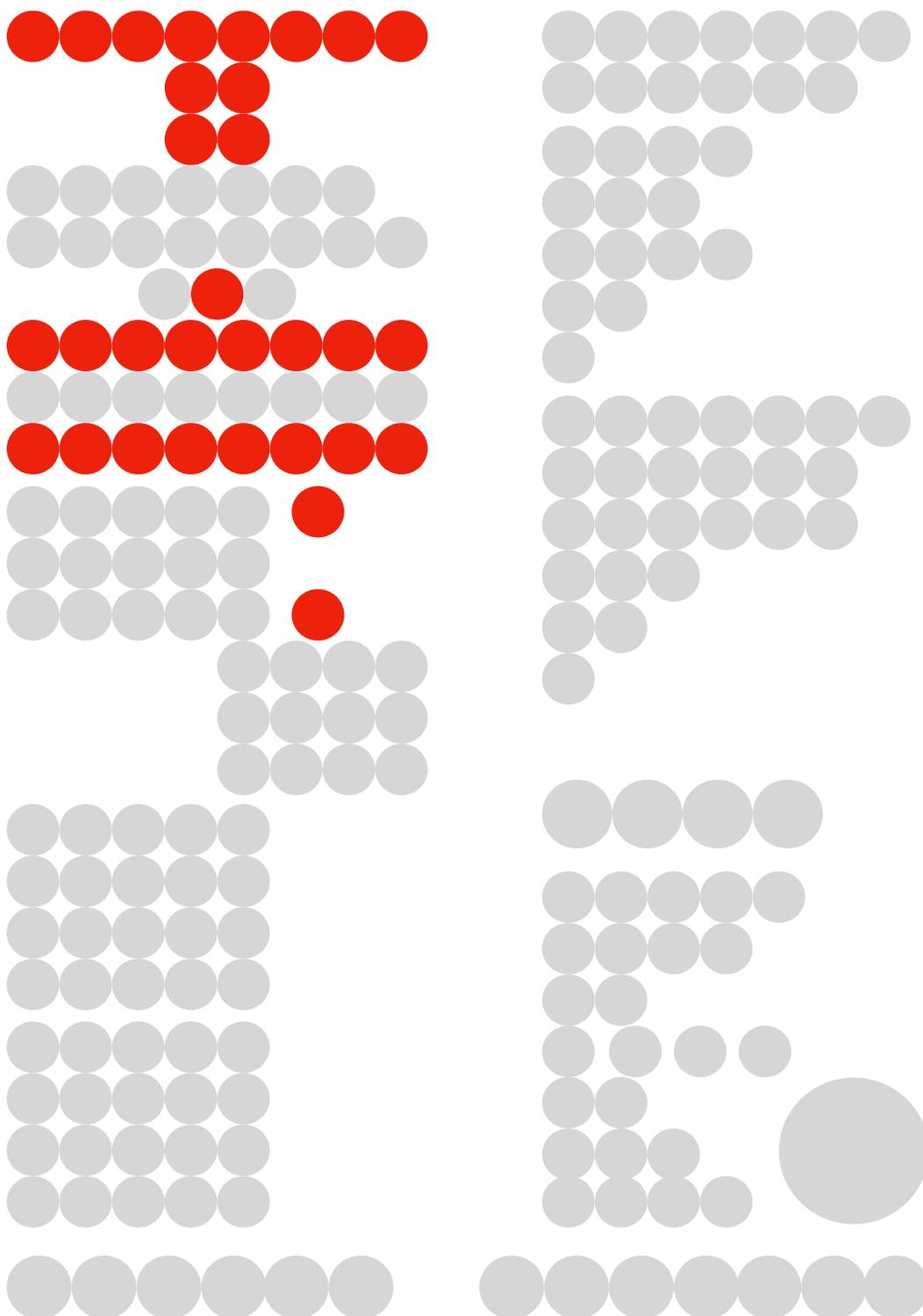
- Tâm làm việc tiểu oai nghi: những tâm như làm việc nói.

TÂM LÀM VIỆC TIỂU OAI NGHI - 32



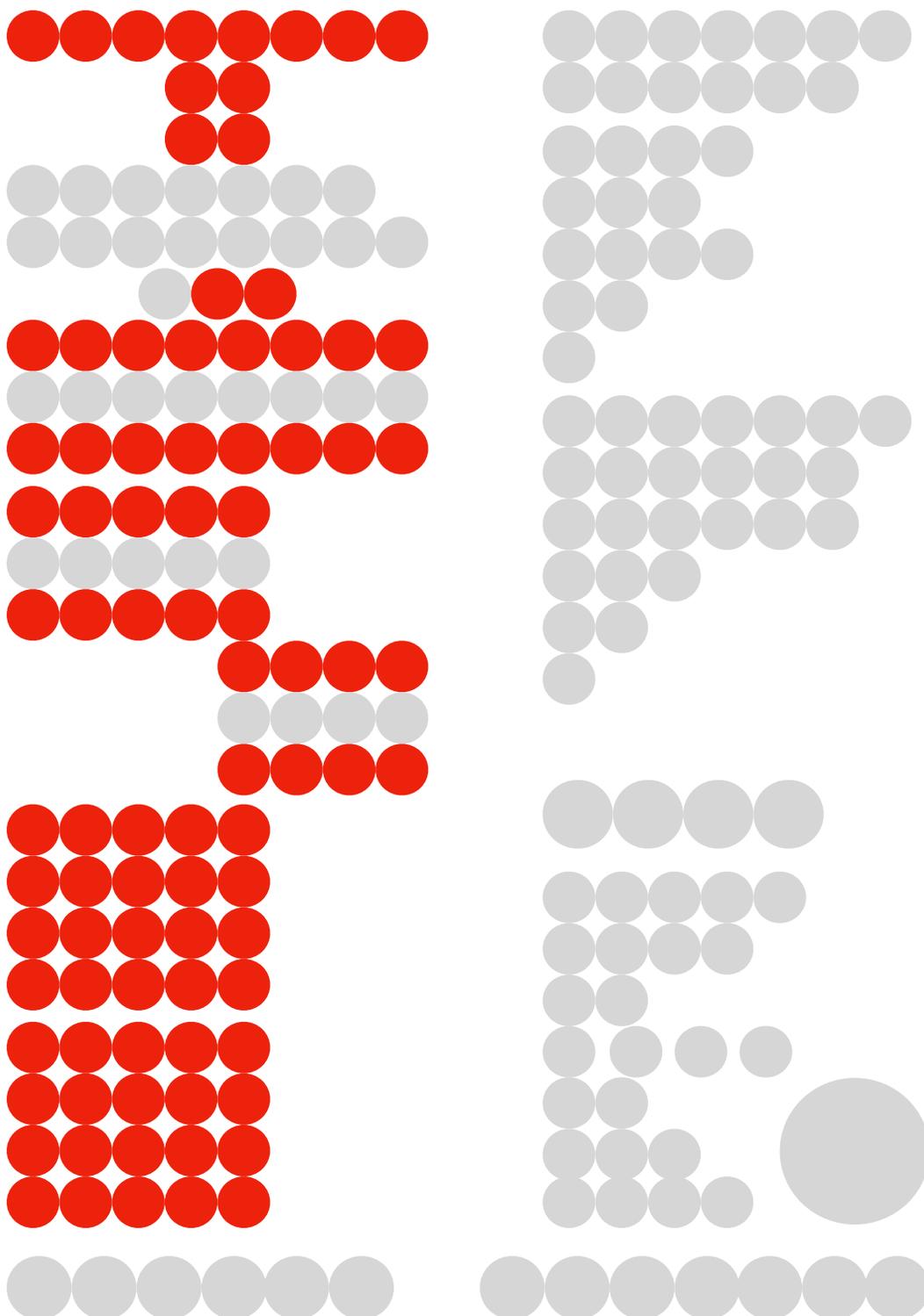
- Tâm làm việc đại oai nghi: những tâm như làm việc nói

TÂM LÀM VIỆC ĐẠI OAI NGHI - 32



- Tâm làm việc kèm vững đại oai nghi (trừ đi): 87 tâm đồng lực và tâm khán ý môn.

TÂM LÀM VIỆC KÈM VỮNG ĐẠI OAI NGHI



CHƯƠNG V (BÀI 49)



LỘ SẮC



I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

Tùy theo trường hợp mà dòng tiến trình của sắc pháp được phân hạng như sau:

❖ Sắc pháp diễn tiến trong cõi dục giới.

1. Thời tục sinh:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh.

Chúng sanh trong thời tục sinh (sát na tục sinh)

chưa hiện khởi:

- bợn sắc tâm và
- bợn sắc vật thực

chỉ hiện khởi

- bợn sắc nghiệp và
- bợn sắc âm dương.

Đối với loại thai sanh và noãn sanh trong thời tục sinh hiện khởi **3 bộn sắc nghiệp** là:

- bộn sắc thần kinh thân,
- bộn sắc tính,
- bộn sắc ý vật.

Bộn sắc âm dương khởi lên trễ hơn 1 sát na tiểu tức là xuất hiện vào sát na trụ của tâm tục sinh.

Sau khi thụ thai 1 tuần lễ thì **sắc mạng quyền** bắt đầu khởi lên.

Sau khi thụ thai tuần thứ 2 thì **sắc vật thực** cũng tăng theo thời gian tức là mỗi sát na tiểu sanh thêm 1 bộn.

Tính từ lúc thụ thai đến tuần lễ thứ 11 thì sắc nghiệp tăng thêm 4 thứ sắc thần kinh đó là thần kinh nhãn, nhĩ, tủy, thiệt.

Từ khi có đủ 5 sắc thần kinh thì **ngũ song thức** có thể sanh bất cứ lúc nào.

b. Đối với loài thấp sanh và hóa sanh.

Các vị chư thiên, phi nhơn cõi dục giới và các hữu tình thấp sanh vào thời tục sinh cũng chỉ xuất hiện sắc nghiệp và sắc âm dương.

2. Thời bình nhật:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh:

Vào thời bình nhật sau khi tục sinh được 1 tuần lễ thì sắc nghiệp bợn mạng quyền sanh khởi sau đó 11 tuần lễ thì các bợn sắc nghiệp là bợn nhãn, bợn nhĩ, bợn tử, bợn thiệt mới sanh khởi đầy đủ.

Bợn sắc tâm bắt đầu xuất hiện kể từ sát na thứ 2 của kiếp sống tức là vào sát na tâm hộ kiếp đầu tiên sau tâm tục sinh.

Sắc vật thực trong thời bình nhật khi cơ thể hấp thu được dưỡng tố do vật thực ngoại tạo ra do đó thời gian bất định.

b. Đối với hóa sanh và thấp sanh.

Sắc pháp thời bình nhật của hóa sanh và thấp sanh xuất hiện lúc tục sinh đã gần đủ về sắc nghiệp, sắc âm dương còn sắc tâm thì trễ hơn 1 sát na, sắc vật thực thì khi có sự hấp thu vật thực ngoại thì sẽ xuất hiện.

3. Thời tử:

a. **Đối với cơ thể của loài thai sanh và noãn sanh:**

Kể từ sát na thứ 17 trước khi khởi lên tâm tử sắc nghiệp bắt đầu ngưng phát triển và giảm bình số dần dần cho đến khi tâm tử diệt mất thì sắc nghiệp cũng đồng thời diệt mất. Sắc âm dương ảnh hưởng sắc nghiệp cũng theo tình trạng đó.

Trong thời cận tử bợn sắc tâm và bợn sắc vật thực vẫn không suy giảm, chúng chỉ giảm khi tâm tử đã diệt và tự chấm dứt.

b. **Đối với loài hóa sanh thấp sanh.**

Loài thấp sanh vẫn là sắc thô nên giống như loài thai sanh và noãn sanh.

Loài hóa sanh giống như ngọn đèn tắt không có dấu hiệu suy giảm của sắc pháp trước đó.

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới hữu tướng (tự xem tài liệu)**

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới vô tướng.**

Phạm thiên cõi vô tướng khi tục sinh chỉ có
1 bộn sắc nghiệp là bộn mạng quyền
Bình nhật ở cõi vô tướng cũng chỉ có sắc
nghiệp và sắc âm dương sắc pháp.
Thời tử ở cõi sắc giới cũng không có hiện
tượng diệt giảm chỉ là tự nhiên biến mất.

❖ Lộ sắc ở cõi vô sắc: không có

===***===

Hết bài số 49

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona Covid-19

Ngày 22/04/2020 (30/3ẤL-Canh tý)

CHƯƠNG VI



SƠ ĐỒ LỘ SẮC

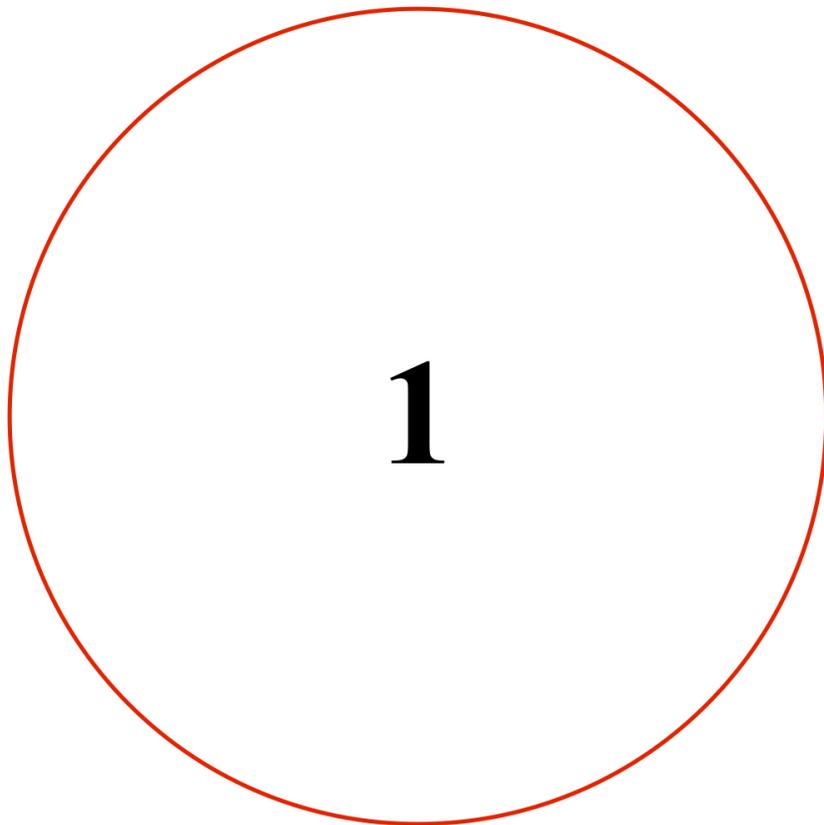


I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.



17 sát na tâm sinh diệt = 1 sát na sắc sinh diệt
1 lộ sắc có thời gian khoảng bằng 17 lộ tâm



Tùy theo trường hợp mà dòng tiến trình của sắc pháp được phân loại như sau:

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi dục giới.**

1. Thời tục sinh:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh.

Chúng sanh trong thời tục sinh (sát na tục sinh)

chưa hiện khởi:

- bợn sắc tâm và
- bợn sắc vật thực

chỉ hiện khởi

- bợn sắc nghiệp và
- bợn sắc âm dương.

Đối với loại thai sanh và noãn sanh trong thời tục sinh hiện khởi **3 bợn sắc nghiệp** là:

- bợn sắc thân kinh thân,
- bợn sắc tính,

- bọ sắc ý vật.

Bọ sắc âm dương khởi lên trễ hơn 1 sát na tiêu tức là xuất hiện vào sát na trụ của tâm tục sinh.

THỜI TỤC SINH ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH



| | SÁT NA SINH | SÁT NA TRỤ | SÁT NA DIỆT | SAU 1 TUẦN LỄ | SAU 2 TUẦN LỄ | TUẦN THỨ 11 | KHI CÓ ĐỦ 5 SẮC THÂN KINH |
|--|-------------------|------------------|-------------------|---------------------|---------------------|----------------|---------------------------------------|
| BỌ SẮC THÂN KINH THÂN BỌ SẮC TÍNH BỌ SẮC Ý VẬT | + | | | | | | |
| BỌ SẮC ÂM DƯƠNG | | + | | | | | |
| BỌ SẮC MẠNG QUYỀN | | | | + | | | |
| BỌ SẮC VẬT THỰC | | | | | + | | |
| BỌ SẮC NGHIỆP | | | | | | + | |
| NGŨ SONG THỨC | | | | | | | + |

Sau khi thụ thai 1 tuần lễ thì **sắc mạng quyền** bắt đầu khởi lên.

Sau khi thụ thai tuần thứ 2 thì **sắc vật thực** cũng tăng theo thời gian tức là mỗi sát na tiểu sanh thêm 1 bợn.

Tính từ lúc thụ thai đến tuần lễ thứ 11 thì sắc nghiệp tăng thêm 4 thứ sắc thần kinh đó là thần kinh nhãn, nhĩ, tỳ, thiệt.

Từ khi có đủ 5 sắc thần kinh thì **ngũ song thức** có thể sanh bất cứ lúc nào.

b. Đối với loài thấp sanh và hóa sanh.

Các vị chư thiên, phi nhơn cõi dục giới và các hữu tình thấp sanh vào thời tục sinh cũng chỉ xuất hiện sắc nghiệp và sắc âm dương.

2. Thời bình nhật:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh:

Vào thời bình nhật sau khi tục sinh được 1 tuần lễ thì sắc nghiệp, bợn mạng quyền sanh khởi sau đó 11 tuần lễ thì các bợn sắc nghiệp là bợn nhĩ, bợn nhĩ, bợn tử, bợn thiệt mới sanh khởi đầy đủ.

Bợn sắc tâm bắt đầu xuất hiện kể từ sát na thứ 2 của kiếp sống tức là vào sát na tâm hộ kiếp đầu tiên sau tâm tục sinh.

Sắc vật thực trong thời bình nhật khi cơ thể hấp thu được dưỡng tố do vật thực ngoại tạo ra do đó thời gian bất định.

THỜI BÌNH NHẬT ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH



| | TÂM TỤC SINH | TÂM HỘ KIẾP ĐẦU TIÊN | SAU 1 TUẦN LỄ | SAU 11 TUẦN LỄ | THỜI GIAN BẤT ĐỊNH |
|---|--------------|----------------------|---------------|----------------|--------------------|
| BỌN SẮC TÂM | | + | | | |
| BỌN SẮC NGHIỆP | | | + | | |
| BỌN SẮC MẠNG QUYỀN | | | + | | |
| SẮC THẦN KINH THÂN BỌN SẮC TÍNH BỌN SẮC Ý VẬT | | | | | |
| BỌN SẮC VẬT THỰC | | | | | + |

b. Đối với hóa sanh và thấp sanh.

Sắc pháp thời bình nhật của hóa sanh và thấp sanh xuất hiện lúc tục sinh đã gần đủ về sắc nghiệp, sắc âm dương còn sắc tâm thì trễ hơn 1 sát na, sắc vật thực thì khi có sự hấp thu vật thực ngoại thì sẽ xuất hiện.

3. Thời tử:

a. Đối với cơ thể của loài thai sanh và noãn sanh:

Kể từ sát na thứ 17 trước khi khởi lên tâm tử sắc nghiệp bắt đầu ngưng phát triển và giảm bình số dần dần cho đến khi tâm tử diệt mất thì sắc nghiệp cũng đồng thời diệt mất. Sắc âm dương ảnh hưởng sắc nghiệp cũng theo tình trạng đó.

Trong thời cận tử bọn sắc tâm và bọn sắc vật thực vẫn không suy giảm, chúng chỉ giảm khi tâm tử đã diệt và tự chấm dứt



THỜI TỬ ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH

| | 17 SÁT NA TRƯỚC KHI KHỞI LÊN TÂM TỬ | TÂM TỬ | TÂM TỬ ĐÃ DIỆT |
|--------------|-------------------------------------|----------|---------------------|
| SẮC NGHIỆP | ↓ | DIỆT MẤT | |
| SẮC ÂM DƯƠNG | ↓ | DIỆT MẤT | |
| SẮC TÂM | | | GIẢM VÀ TỰ CHẤM DỨT |
| SẮC VẬT THỰC | | | GIẢM VÀ TỰ CHẤM DỨT |

b. Đối với loài hóa sanh thấp sanh.

Loài thấp sanh vẫn là sắc thô nên giống như loài thai sanh và noãn sanh.

Loài hóa sanh giống như ngọn đèn tắt không có dấu hiệu suy giảm của sắc pháp trước đó.

- ❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới hữu tướng (tự xem tài liệu)**
- ❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới vô tướng.**

Phạm thiên cõi vô tướng khi tục sinh chỉ có 1 bộn sắc nghiệp là bộn mạng quyền

Bình nhật ở cõi vô tướng cũng chỉ có sắc nghiệp và sắc âm dương.

Thời tử ở cõi sắc giới cũng không có hiện tượng diệt giảm chỉ là tự nhiên biến mất.

- ❖ **Lộ sắc ở cõi vô sắc: không có**

CHƯƠNG VII (BÀI 50)



BỘ SONG ĐỐI



I. Định nghĩa:

Bộ thứ 6 tạng vi diệu pháp là bộ song đối (yamaka)

Bộ song đối đề cập đến:

- căn song,
- uẩn song,
- xứ song,
- giới song,
- đế song,
- hành song,
- tùy miên song,
- tâm song,
- pháp song,
- quyền song.

===***===

Hết bài số 50

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona_Covid-19 Ngày 23/04/2020 (01/04ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VIII (BÀI 51)



CĂN SONG



Phần căn song đề cập đến 4 chương đó là: chương thiện, chương bất thiện, chương vô ký, chương danh.

I. CHƯƠNG THIỆN: đề cập đến các căn thiện và những pháp thiện

Căn thiện chỉ có 3: căn vô tham, căn vô sân, căn vô si.

Pháp thiện là: 8 tâm thiện dục giới, 5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 20 tâm thiện siêu thế, 13 sở hữu tợ tha, 25 sở hữu tịnh hảo.

Câu 1.

- a. Pháp nào là thiện thì pháp ấy điều là căn thiện phải chăng?

Căn thiện chỉ có 3 (vô tham, vô sân, vô si),

Những pháp thiện ngoài ra gồm: 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 20 tâm thiện siêu thế (20 tâm đạo), 13 sở hữu tợ tha, 22 sở hữu tịnh hảo (trừ vô tham, vô sân, trí tuệ) là pháp thiện mà phi căn thiện.

b. Hay là những căn thiện là pháp thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 2.

a. Pháp nào là thiện đều có nương căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc tâm thiện nương căn đồng nhau với căn thiện mà là phi thiện (không phải là căn thiện mà là vô ký). Còn pháp thiện nương căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 3.

a. Pháp nào có nương căn đồng căn với căn thiện đều gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng? Căn nào đồng sanh với căn thiện những căn thiện ấy có nương căn đồng nhau cũng phải và căn hỗ tương cũng phải. Còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn thiện có nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn hỗ tương (là các tâm thiện và những sở hữu thiện trừ vô tham, vô sân, vô si và sắc tâm thiện)

b. Pháp nào gọi là căn hỗ tương với căn thiện đều là pháp thiện phải không? Phải rồi.

Câu 4:

a. Mỗi pháp nào là thiện những pháp ấy đều gọi căn là căn thiện phải chăng? Căn thiện chỉ có 3 còn những pháp thiện ngoài ra phi căn thiện.

b. Hay là pháp nào gọi căn là căn thiện, những pháp ấy điều là thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 5:

a. Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Sắc do tâm thiện tạo có nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện. Còn các pháp thiện có nương căn gọi đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 6:

- a. Mỗi pháp nào có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng? Căn nào đồng sanh với căn thiện có căn gọi căn đồng nhau cũng phải và gọi căn hỗ tương cũng phải. Còn những pháp đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.
- b. Hay là pháp nào gọi căn là căn hỗ tương với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 7:

- a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn thiện phải chăng? Phải rồi.
Ví dụ: những người ở Thiên Viện Phước Sơn đều có nương nhờ trụ trì phải chăng? Phải rồi.
- b. Hay là pháp nào có nương căn thiện, những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Sắc do tâm thiện tạo có nương căn thiện

mà phi thiện. Còn pháp thiện có nương căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Ví dụ: những người nương trụ trì Thiền Viện Phước Sơn là nhà sư phải chăng? Những người cư sĩ phật tử có nương trụ trì Phước Sơn mà không phải nhà sư. Còn những nhà sư có nương trụ trì Phước Sơn cũng phải và nhà sư cũng phải.

Câu 8:

- a. Mỗi pháp nào là thiện những pháp ấy có nương căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.
- b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn đồng nhau với căn thiện nhưng phi thiện.

- Còn pháp thiện có nương căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 9:

- a. Mỗi pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện đều là căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn thiện gọi căn đồng nhau cũng phải và căn hỗ tương cũng phải.
 - Còn những pháp nào đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn hỗ tương.
- b. Hay pháp nào gọi căn hỗ tương với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 10:

a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn gọi căn thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

b. Hay là pháp nào nương căn gọi căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn là căn thiện mà phi thiện.
- Còn những pháp thiện có nương căn là căn thiện cũng phải và pháp thiện cũng phải.

Câu 11:

a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

b. Hay là pháp nào nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện đều là pháp thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện.
- Còn pháp thiện nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và pháp thiện cũng phải.

Câu 12:

- a. Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng nhau với căn thiện đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn thiện gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và căn hỗ tương cũng phải.
 - Còn những pháp đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó có căn gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải mà phi căn gọi căn hỗ tương.
- b. Hay là pháp nào gọi căn là căn hỗ tương với căn thiện đều là pháp thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

II. CHƯƠNG BẤT THIỆN

Câu 13:

a. Mỗi pháp nào là bất thiện đều gọi căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn bất thiện chỉ có 3 (tham, sân, si)
- Còn những pháp bất thiện ngoài ra đó thì gọi là phi căn bất thiện.

b. Hay pháp nào gọi là căn bất thiện đều là pháp bất thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 14:

a. Mỗi pháp nào là bất thiện đều có nương căn đồng nhau với căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Bất thiện vô nhân (sở hữu si trong tâm si) không có căn đồng nhau với căn bất thiện.
- Bất thiện hữu nhân (sở hữu tham có căn si, sở hữu si có căn tham) mới có căn đồng nhau với căn bất thiện.

Ghi chú: những pháp bất thiện khác ngoài sở hữu si trong tâm si có nương căn đồng nhau với căn bất thiện

b. Hay là pháp nào nương căn đồng nhau với căn bất thiện những pháp ấy đều là bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm bất thiện tạo có nương căn đồng với căn bất thiện nhưng phi bất thiện.
- Còn các pháp bất thiện có nương căn đồng nhau với căn bất thiện cũng phải và bất thiện cũng phải.

Câu 15:

a. Mỗi pháp nào nương căn đồng nhau với căn bất thiện pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn bất thiện có căn đồng nhau cũng phải gọi căn hỗ tương cũng phải.
- Còn những pháp đồng sanh với căn bất thiện mà ngoài ra đó có nương căn đồng nhau với căn bất thiện những không gọi căn hỗ tương.

c. Hay là pháp nào gọi căn hỗ tương với căn bất thiện đều là pháp bất thiện phải chăng?

Trả lời: phải rồi

Câu 16:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 17:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn bất thiện những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 18:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 19:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn bất thiện? Hay là căn nào có căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 20:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 21:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 22:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi là căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 23:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 24:

Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

III. CHƯƠNG VÔ KÝ

Câu 25:

a. Mỗi pháp nào là vô ký, đều gọi căn vô ký phải chăng?

Trả lời:

- Căn vô ký chỉ có 3 (vô tham, vô sân, vô si sanh lên trong tâm quả và tâm duy tác)
- Còn những pháp vô ký ngoài ra không gọi là căn vô ký (những pháp ngoài ra là: 18 tâm vô nhân, 8 tâm quả DGTH, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo, 9 tâm quả đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại, 20 tâm quả siêu thế, 13 sở hữu tợ tha, 22 sở hữu tịnh hảo (trừ vô tham, vô sân, và trí tuệ), 28 sắc pháp và niết bàn)

b. Hay là pháp nào là căn vô ký đều gọi phải vô ký phải chăng?

Trả lời: phải rồi.

Câu 26:

Mỗi pháp nào là vô ký, pháp ấy đều đồng căn với vô ký? Hay là căn nào đồng căn với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 27:

Mỗi pháp nào đồng căn với căn vô ký, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều gọi pháp vô ký?

Câu 28:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 29:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 30:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 31:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 32:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào

có căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 33:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 34:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 35:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 36:

Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

IV. CHƯƠNG DANH (PHÁP)

Câu 37:

- a. Mỗi pháp nào là danh pháp đều gọi căn danh phải chăng?

Trả lời:

- Căn danh chỉ có 9 gồm: 3 căn bất thiện (tham, sân, si), 3 căn thiện (vô tham, vô sân, vô si), 3 căn vô ký sanh ra trong tâm quả hữu nhân và tâm duy tác hữu nhân (vô tham, vô sân, vô si).
- Còn danh pháp ngoài ra (121 tâm, 46 sở hữu tâm (52 sở hữu tâm trừ sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu si, sở hữu vô tham, sở hữu vô sân, sở hữu trí tuệ, 1

niết bàn vì niết bàn là danh pháp vô vi) là phi căn danh.

b. Hay là pháp nào là căn danh pháp ấy đều là danh pháp phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 38:

a. Mỗi pháp nào là danh pháp, pháp ấy đều có nương căn đồng nhau với căn danh phải chăng?

Trả lời:

- Danh pháp vô nhân không có nương căn đồng nhau với căn danh (danh pháp vô nhân là: 18 tâm vô nhân, sở hữu si trong 2 tâm si, và niết bàn).
- Còn danh pháp hữu nhân có nương căn đồng nhau với căn danh.

b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn danh pháp ấy đều là danh pháp phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do danh pháp hữu nhân trợ tạo có nương căn đồng nhau với căn danh mà phi danh (sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tục sinh hữu nhân)
- Còn danh pháp hữu nhân (103 tâm hữu nhân và sở hữu hợp trừ sở hữu si trong tâm si) có nương căn đồng nhau với căn danh cũng phải và danh pháp cũng phải.

Câu 39:

Mỗi pháp nào đồng căn với căn danh, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều gọi danh pháp?

Câu 40:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào gọi căn là căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 41:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn danh. Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 42:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn danh những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào gọi căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 43:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn danh? Hay là căn nào có căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 44:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 45:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 46:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn đồng với căn danh? Hay là căn nào có căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 47:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 47:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

==***==

Hết bài số 51

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona_Covid-19

Ngày 23-26/04/2020 (01-04/04ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IX (BÀI 52)



UẨN SONG



I. PHẦN ĐỊNH DANH

❖ CÂU LỘC THUẬN TÙNG (10 câu)

Câu 1:

Sắc là sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Sắc ái, sắc mãn ý tức là tâm hiệp thể sở hữu hợp là sắc mà phi sắc uẩn.
- Còn 28 sắc tức sắc uẩn gọi là sắc cũng phải, gọi là sắc uẩn cũng phải.

Câu 2:

Sắc uẩn gọi là sắc phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Ghi chú: Sắc khả ái, sắc khả lạc, sắc ái, sắc mãn ý chi pháp là 81 tâm hiệp thể, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp), gồm chung lại là nơi đáng ưa thích, đáng vừa lòng làm cảnh của ái dục

Câu 3:

Thọ gọi là thọ uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 4:

Thọ uẩn gọi là thọ phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 5:

Tướng là tướng uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Tướng kiến (sở hữu tà kiến) gọi là tướng mà phi tướng uẩn.
- Còn tướng uẩn gọi là tướng cũng phải gọi là tướng uẩn cũng phải.

Câu 6:

Tưởng uẩn gọi là tưởng phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 7:

Hành (Saṅkhāra) gọi là hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Hành (Saṅkhāra) là pháp hữu vi gồm có 121 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.
- Hành uẩn: 50 sở hữu tâm trừ sở hữu thọ và sở hữu tưởng.
 - 121 tâm, 28 sắc pháp, sở hữu thọ, sở hữu tưởng là hành mà phi hành uẩn.
 - 50 sở hữu tâm (trừ thọ, tưởng) gọi là hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 8:

Hành uẩn gọi là hành phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 9:

Thức là thức uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 10: Thức uẩn là thức phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

❖ **CÂU LỘC ĐỐI LẬP (từ câu 11 đến câu 20)**

Câu 11:

Phi sắc gọi là phi sắc uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Ghi chú: Phi sắc uẩn gồm tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, niết bàn, chế định.

Câu 12:

Phi sắc uẩn gọi phi sắc phải chăng?

Trả lời:

- Sắc ái sắc mãn ý phi sắc uẩn mà còn gọi là sắc.
- Còn những pháp ngoài ra đó phi sắc uẩn và phi sắc.

Câu 13:

Phi thọ phi thọ uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 14:

Phi thọ uẩn là phi thọ phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 15:

Phi tướng là phi tướng uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 16:

Phi tướng uẩn là phi tướng phải chăng?

Trả lời:

- Kiến tướng là phi tướng uẩn mà còn gọi là tướng.
- Trừ ra kiến tướng và tướng uẩn các tướng ngoài ra đó phi tướng uẩn và phi tướng.

Câu 17:

Phi hành là phi hành uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 18:

Phi hành uẩn là phi hành phải chăng?

Trả lời: Trừ ra hành và hành uẩn còn những pháp ngoài ra đó (niết bàn và chế định) là phi hành uẩn và phi hành.

Câu 19:

Phi thức là phi thức uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 20:

Phi thức uẩn là phi thức phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

**❖ CÂU LỘC – CĂN LUÂN – THUẬN TÙNG
(từ câu 21 đến câu 60)**

Câu 21:

Sắc là sắc uẩn phải chăng?

(Trùng với câu 1).

Câu 22:

Gọi uân là thọ uân phải chăng?

Trả lời:

- Thọ uân gọi là uân cũng phải gọi là thọ uân cũng phải.
- Còn những uân ngoài ra đó (sắc, tướng, hành, thức) gọi là uân chứ không gọi là thọ uân.

Câu 23:

Sắc, sắc uân phải chăng? (Trùng với câu 1).

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uân, còn sắc uân gọi sắc cũng phải và sắc uân cũng phải.

Câu 24:

Uân, tướng uân phải chăng?

Trả lời:

Tướng uân gọi uân cũng phải và tướng uân cũng phải, còn những uân ngoài ra đó, gọi uân mà không gọi tướng uân.

Câu 25:

Sắc, sắc uân phải chăng?

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uân, còn sắc uân gọi sắc cũng phải và sắc uân cũng phải.

Câu 26:

Uân, hành uân phải chăng?

Trả lời:

Hành uân gọi uân cũng phải, còn những uân ngoài ra đó, gọi uân mà không gọi hành uân.

Câu 27:

Sắc, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.

Câu 28:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 29:

Thọ, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 30:

Uần, sắc uần phải chăng?

Trả lời:

Sắc uần gọi uần cũng phải và sắc uần cũng phải, còn những uần ngoài ra đó, gọi uần mà không gọi sắc uần.

Câu 31:

Thọ, thọ uần phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 32:

Uần, tướng uần phải chăng?

Trả lời:

Tướng uần gọi uần cũng phải và tướng uần cũng phải, còn những uần ngoài ra đó, gọi uần mà không gọi tướng uần.

Câu 33:

Thọ, thọ uân phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 34:

Uân, hành uân phải chăng?

Trả lời:

Hành uân gọi uân cũng phải và hành uân cũng phải, còn những uân ngoài ra đó, gọi uân mà uân mà không gọi hành uân.

Câu 35:

Thọ, thọ uân phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 36:

Uần, thức uần phải chăng?

Trả lời:

Thức uần gọi uần cũng phải và thức uần cũng phải, còn những uần ngoài ra đó, gọi uần mà không gọi thức uần.

Câu 37:

Tưởng, tưởng uần phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uần, còn tưởng uần gọi tưởng cũng phải và tưởng uần cũng phải.

Câu 38:

Uẩn sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 39:

Tướng, tướng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tướng gọi tướng mà không gọi tướng uẩn, còn tướng uẩn gọi tướng cũng phải và tướng uẩn cũng phải.

Câu 40:

Uẩn, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

Câu 41:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 42:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

Câu 43:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 44:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 45:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 46:

Uẩn, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 47:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 48:

Uẩn thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

Câu 49:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 50:

Uẩn, tướng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tướng uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tướng uẩn.

Câu 51:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 52:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 53:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 54:

Uẩn, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 55:

Thức, thức uần phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 56:

Uần, thọ uần phải chăng?

Trả lời:

Thọ uần gọi uần cũng phải và thọ uần cũng phải, còn những uần ngoài ra đó, gọi uần mà không gọi thọ uần.

Câu 57:

Thức, thức uần phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 58:

Uẩn, tướng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tướng uẩn gọi tướng cũng phải và tướng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tướng uẩn.

Câu 59:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 60:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

==***==

Hết bài số 52

HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

Trong mùa dịch Corona_Covid-19

Ngày 23-26/04/2020 (01-04/04ÂL-Canh tý)

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG I | 11 |
| (BÀI 47) | 11 |
| LỘ TRÌNH TÂM | 11 |
| I. LỘ NGŨ MÔN | 14 |
| 1. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT LỚN | 14 |
| 2. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH LỚN | 16 |
| 3. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH NHỎ | 18 |
| 4. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT NHỎ | 19 |
| 5. LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ | 20 |
| II. LỘ Ý MÔN | 21 |
| A. LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG | 21 |
| 1. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT RÕ | 21 |
| 2. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RÕ | 24 |
| 3. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH KHÔNG RÕ | 24 |
| 4. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT KHÔNG RÕ | 24 |
| 5. LỘ Ý MÔN CẬN TỬ CÒN TỤC SINH | 24 |
| 6. LỘ Ý MÔN NIẾT BÀN (KHÔNG CÒN TÁI SANH) | 25 |
| B. LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT | 26 |
| 1. LỘ ĐẮC THIÊN | 26 |
| 2. LỘ ĐẮC ĐẠO | 29 |
| 3. LỘ ĐẮC ĐẠO (BA ĐẠO CAO) | 30 |
| 4. LỘ NHẬP THIÊN | 30 |
| 5. LỘ HIỆN THÔNG | 31 |

| | |
|-------------------------------------|------------|
| 6. LỘ NHẬP THIÊN QUẢ | 33 |
| 7. LỘ NHẬP THIÊN DIỆT | 34 |
| 8. LỘ TÂM NIẾT BÀN LIÊN THIÊN | 36 |
| 9. LỘ TRÌNH TÂM NIẾT BÀN LIÊN THÔNG | 38 |
| 10. LỘ PHẢN KHÁN CHI THIÊN | 40 |
| 11. LỘ ĐẮC ĐẠO TỘT MẠNG | 41 |
| CHƯƠNG II | 43 |
| SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM | 43 |
| CHƯƠNG III | 78 |
| (BÀI 48) | 78 |
| KHÁI NIỆM LỘ SẮC | 78 |
| CHƯƠNG IV | 87 |
| SƠ ĐỒ | 87 |
| KHÁI NIỆM LỘ SẮC | 87 |
| CHƯƠNG V | 133 |
| (BÀI 49) | 133 |
| LỘ SẮC | 133 |
| CHƯƠNG VI | 139 |
| SƠ ĐỒ LỘ SẮC | 139 |
| CHƯƠNG VII | 148 |
| (BÀI 50) | 148 |
| BỘ SONG ĐỐI | 148 |
| CHƯƠNG VIII | 150 |
| (BÀI 51) | 150 |
| CĂN SONG | 150 |

CHƯƠNG IX
(BÀI 52)

174

174

UÂN SONG

174

∞ HẾT TẬP V ∞